

## Tác Giả và Tác Phẩm

### Nguyên Sa (I)

#### Tiểu sử

Tên thật: Trần Bích Lan, sinh ngày 1.3.1932, Hà Nội.  
(Chính quán tại Thừa Thiên, Huế)

#### Tác phẩm

Thơ Nguyên Sa 1, 2 & 3, Vài ngày ở Chung Sự Vụ (truyện dài), Gõ đầu trẻ (truyện ngắn),  
Mây bay đi (truyện ngắn), Descartes nhìn từ phương Đông (biên khảo).



tranh Tạ Ty

### Mục Lục

Một chút Sài Gòn trong thơ Nguyên Sa – Nguyễn Mạnh Trinh – 2

**Một bông hồng cho văn nghệ – 4**

Nguyên Sa và ngôn ngữ tình yêu trong thi ca – Tạ Ty - 13

Nói về thơ Nguyên Sa... - Nguyễn Mạnh Trinh – 20

Trần Bích Lan (1932 – 1988) – Lưu Trung Khào – 25

Nguyên Sa, Hà Nội - Phan Lạc Tiếp - 26

Nguyên Sa về thơ, văn qua phỏng vấn – 31

Nguyên Sa – Vĩnh Phúc - 34

#### Phụ đính:

**Cõi thơ - 37**

**Chùm thơ Nguyên Sa**

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

## Một chút Sài Gòn trong thơ Nguyên Sa Nguyễn Mạnh Trinh

Nguyên Sa là một nhà thơ của tình yêu . Điều đó hẳn nhiên. Hơn thế nữa ông là người mang những địa danh như Paris, Sài Gòn, thành thánh địa của thi ca . Với ông, những thành phố ấy đã mang tất cả tính chất lãng mạn thơ mộng của một thời yêu đương trẻ trung, của tuổi tác không bao giờ già và tuổi thanh xuân mãi mãi.

Khi trả lời một câu phỏng vấn , Nhà thơ đã nói về thành phố ấy , thành phố của một thời yêu đương, thành phố của tràn đầy kỷ niệm:

“.. Thực sự đời sống lúc ấy thật đẹp. Thành phố Sài Gòn không có xe hơi nhiều, loại xe hơi như 2CV là đẹp là chiến rồi.Tôi đi dạy học bằng xe đạp, 6 tháng sau khi trở về nước tôi mua được chiếc xe gắn máy hiệu Capri. Một hôm trời mưa to tôi đi ngang qua bưu điện ở đường Hai Bà Trưng, tôi trú mưa leo lên cửa sổ đứng. Cửa sổ cao lắm không có chấn , hồi trẻ tôi còn khỏe nên nhảy vọt lên được và đứng ngắm cảnh vật thật thú vị. Hoặc khi trời mưa xe gắn máy bị chết máy, tôi đẩy xe thật nhanh để nổ máy rồi vọt đi, những kỷ niệm nhỏ ấy làm tôi vẫn nhớ Sài Gòn.

Cuộc đời lúc ấy thật đẹp đối với một người từ hải ngoại về. Tôi nhìn mọi sự việc rất lạc quan vì cuộc sống không có gì gay go. Buổi sau giờ học, lúc ra chơi, tôi ra sân đá bóng với học trò và bị cụ hiệu trưởng trường Chu Văn An Vũ Ngô Xán gọi lên cảnh cáo. Giờ chơi phải ngồi trong phòng giáo sư không được ra sân đá bóng “ lung tung beng “ như thế. Tôi ăn thịt bò khô ở ngoài sân trường , rất khoái nhưng cũng bị cảnh cáo. Tôi sống một cuộc sống tự do như thế, học trò rất thích nhưng bị phê bình là đi quá khoảng cách cần thiết giữa học trò và thầy giáo , như khoảng cách cần thiết giữa sĩ quan và hạ sĩ quan. Nhà trường cũng quan niệm y hệt như quân đội, phải có sự phân biệt đâu ra đó mới dễ chỉ huy . nhưng tôi thì không quen như thế và thích sống hòa mình vô tư như vậy...”.

Viết về Sài Gòn , Nguyên Sa đã có những câu thơ mà người đọc đã cảm qua ngôn ngữ những xúc động tuyệt vời của một người thật nhiều mơ mộng :

*“ Nắng Sài Gòn anh đi mà chợt mát  
Bởi vì em mặc áo lụa Hà Đông  
Anh vẫn yêu màu áo ấy vô cùng  
Thơ của anh vẫn còn nguyên lụa trắng.  
Anh vẫn nhớ em ngồi đây tóc ngắn  
Mà mùa thu dài lắm ở chung quanh  
Linh hồn anh vội vã về chân dung  
Bày vội vã vào trong hồn mở cửa ..”*

Bài thơ ấy đã được Ngô Thụy Miên thắp cánh âm nhạc để thành một tình khúc để đời. Từ nhạc , từ lời , là tha thiết kỷ niệm , là mở rộng ra những phương trời lãng mạn của những người thêm khát bước phiêu du. Cũng là nắng , cũng là mưa của một thành phố miền nhiệt đới , nhưng sao trong những hạt mưa ấy, những sợi nắng kia , biết bao nhiêu là hồi tưởng về kỷ niệm chẳng thể nào quên của một đời người.

Thành phố ấy, không gian ấy , phong cảnh ấy, có phải là “ cần thiết “ cho những cặp tình nhân . Có những câu hỏi, trong băng khuâng. Có những giả sử, đặt để ra như một bồi hồi. Những người yêu nhau, thường có khi hỏi nhau những câu hỏi lẫn thẩn , nhưng là cái lẫn thẩn đáng yêu:

*“ Không có anh lấy ai đưa em đi học về.  
Lấy ai viết thư cho anh mang vào lớp học  
Ai lau mắt cho em ngồi khóc  
Ai đưa em đi chơi trong chiều mưa  
Những lúc em cười trong đêm khuya  
Lấy ai nhìn những đường răng em trắng  
Đôi mắt sáng là hành tinh lóng lánh  
Lúc sương mù ai thở để sương tan  
Ai cầm tay cho đỏ má hồng em  
Ai thở nhẹ cho mây vào trong tóc..”*

Hỏi, để như một gợi ý. Hỏi, nhưng không chờ đợi sự trả lời. Hỏi, để thấy người tình cần thiết biết là bao nhiêu trong cuộc sống hôm nay. Làm sứ giả của tình yêu, Nguyên Sa đã mang vào thi ca hàng ngàn câu hỏi. Như , trong một bài thơ khác “ Mùa xuân này buồn lắm em ơi!”:

*“ anh cần gì hoa thơm và chim cười trong lá biếc  
cũng chẳng cần cỏ thêu xanh cánh đồng xa biển biếc  
nhưng làm sao không có bóng hai người đề lên cỏ úa  
để anh nghe em cười mà thấy cả mùa xuân  
làm sao chỉ có một mình anh  
vừa đạp xe vừa ngâm thơ(mà đường vẫn dài)  
ngửa mặt lên cao trời xanh biêng biếc  
làm sao em không ngó xuống linh hồn?..  
sao mùa xuân mà chẳng có mưa bay  
chẳng có 1 người đi bên cạnh cầm tay  
anh chẳng được hôn lên trán ái tình  
và nói năng những lời vô nghĩa..”*

Có một bài thơ, chữ nghĩa như xôn xao những xúc cảm , Sài Gòn được nhắc đến với tất cả nét tuyệt vời thơ mộng. “Tám phố Sài Gòn “ . Tại sao tám phố ? mà không là con số nào khác , như 10 hay 36 chẳng hạn?Hay là bởi bài thơ có tám đoạn như thủ đô Sài Gòn có tám phố ?Bài thơ ấy mà theo nhiều người là một bài thơ xuất sắc nhất của thành phố , của những cô gái điệu dàng , của những giờ thư viện nhìn nhau , của tối đi học về khuya dưới bóng trăng , của “ mai gọi nhau bằng cương” nồng nàn , trẻ trung “

*“ Sài Gòn đi rất chậm buổi chiều  
cánh tay tà áo sát vòng eo  
có nghe đôi mắt vòng quanh áo  
năm ngón thơ buồn đứng ngó theo  
Sài Gòn phóng solex rất nhanh  
Đôi tay hoàng yến ngủ trong gants  
Có nghe hơi thở cài vương miện  
Lên tóc đen mềm nhưng rất nhưng  
Sài Gòn ngồi thư viện rất nghiêm  
Tờ hoa trang sách cũng nằm im  
Đầu thư và cuối cùng trang giấy  
Những chữ y dài trông rất ngoan  
Sài Gòn tối đi học một mình  
Cột đèn theo gót bóng lung linh  
Mặt trăng theo ánh đèn trăng sáng  
Đôi mắt trông vời theo ánh trăng*

Sài Gòn cười đôi môi rất tròn  
Vòng cung màu đỏ nét thu cong  
Cầu vồng bắt giữa mưa và nắng  
Hay đã đưa dân sang nhớ mong  
Sài Gòn gói đầu trên cánh tay  
Những năm mười sáu mắt nhìn mây  
Chiếc tay tròn ánh trắng mười bốn  
Tiếng nhạc đang về dang cánh bay  
Sài Gòn nắng hay Sài Gòn mưa  
Thứ bảy Sài Gòn đi Bonard  
Guốc cao gót nhỏ mây vào gót  
Àu lưa trắng mềm bay xuống thơ  
Sài Gòn mai gọi nhau bằng cương  
Vành môi nghiêng cánh xuống phân vân  
Lưng trời không có 1bây chim én  
Thành phố đi về cũng đã xuân”

Nhà văn Tạ Ty, trong tác phẩm phê bình văn học “ Mười Khuôn Mặt Văn Nghệ” đã có những nhận định khá chính xác về thi ca của Nguyễn Sa như sau :

“.. Trong thơ Nguyễn Sa người đọc ít tìm thấy sự bi thảm quá đỗi. Nỗi đau của Nguyễn Sa đã biến thành cái đẹp, do đó, chẳng cứ gì cái chết mà ngay cả cuộc chiến đã từ mấy chục năm với dung nhan của đồ vỡ , chia lìa, với từng ngón hoài nghi đang len lách , phá hoại , hủy diệt nếp suy tư, đạo hạnh ở mỗi con người, chẳng hề làm thi sĩ bận tâm. Nếu có một dòng thơ nào phải nhắc đến chiến tranh, Nguyễn Sa cố cho nó lướt nhanh và mờ đi ở giữa những hình ảnh và ý nghĩ dạt dào nóng bỏng môi hôn, Nguyễn Sa đã sống ngoài cuộc sống và đặt thi ca vào đúng vị trí của nó trong môi trường vĩnh cửu ...

Ngôn ngữ tình yêu trong thơ Nguyễn Sa chẳng riêng có những Kiều ,những Thu,những Loan , những Đạm , đã cho thi ca trời xanh và những nụ cười “ thơm mùi tội lỗi”, ngôn ngữ ấy cũng chẳng phải để làm vui cho một “ giải trí trường” mà đích thực “ để dâng người lấy nửa dòng nước ngọt” cũng như thi sĩ” đến đây không ai mời. Đi cũng đừng ai giữ. Nếu có tạc tượng bằng đá trắng đồng đen, cũng đừng bày ở sân trường Đại Học, đừng bày ở Công trường, xin nhớ để giùm ở một góc Công viên. Để những đêm khuya (rất khuya) thi sĩ có thể nhìn mặt trăng soi gương và ngắm những người yêu nhau tình tự..”

## Một bông hồng cho văn nghệ

### Tình cảnh nhà văn Việt Nam những năm năm mươi và sáu mươi

Mỗi nhà văn sống, nghĩ, viết trong một hoàn cảnh riêng biệt, đúng rồi. Làm thế nào giống nhau được? Điều kiện sinh lý này chẳng hạn đã biến đổi theo mỗi cá nhân: nhà văn đó cao như con sào, nhà thơ kia lùn như cây nấm, tôi mập và bụng to, Nguyễn Văn Trung cận thị, Chu Tử què chân, Trần Dạ Từ mặt rỗ. Tình trạng hộ tịch khác nhau rõ quá: tiểu thuyết gia Bình Nguyên Lộc và thi sĩ Hoàng Anh Tuấn là những chủ gia đình có con trai, người trên con trai, gái lớn đã dựng vợ gả chồng đã có cháu bé. Nhà văn kia đã hai lần đưa đám vợ. Thanh Nam, Thái Thủy<sup>[1]</sup> là những ông già độc thân nuôi dưỡng sự độc thân thường trực bằng những giọng hát Hồng Hảo, Lê Thanh, Bích Sơn hay Bạch Tuyết. Khác nhau xa chứ. Giống nhau làm sau được. Những điểm dị biệt, những điều kiện, yếu tố cụ thể khác nhau của mỗi người cầm bút, muốn kể thêm

không khó. Nhiều lắm. Cây bút đã vững kia là một tay khoa bảng xuất thân, tài năng đang lên nọ bỏ học năm đệ tam trung học, khuôn mặt này đã hơn một lần thiếu quê hương, đôi chân thềm đi kia chưa bao giờ ra khỏi đất nước. Các anh đều biết có tay đến với văn nghệ nhờ sự tình cờ, không biết may mắn hay bi đát lắm kể, trước khi làm quen với phương trình bậc hai, gia tốc của vật rơi, đã chọn thi ca làm nghiệp dĩ. Các nhà văn đều biết, để sống, mỗi nhà văn thường có những nghề tay trái khác nhau. Một số đáng kể: dạy học hay viết báo hàng ngày. Vũ Hoàng Chương, Thế Viên, Đỗ Long Vân dạy học đấy. Duyên Anh, Tú Kếu, Nguyễn Thụy Long kí giả đấy. Phục vụ trong quân ngũ cũng nhiều: Văn Quang, Thế Nguyên, Thảo Trường... Bác sĩ y khoa, công chức, biên tập viên đài phát thanh, có đủ cả. Chẳng phải kể, các anh cũng biết là ai. Chẳng cần nói thêm các anh đều biết là sự khác nhau còn nhiều lắm. Lý do cũng dễ hiểu quá: cuộc đời nó như thế. Chẳng có cuộc đời nào giống cuộc đời khác như hai giọt nước, như hai sản phẩm của cùng một máy tự động sản xuất dây chuyền. Nhưng đó có phải là những hoang đảo cô lập? Hoàn toàn không có liên lạc gì với nhau, đúng không? Tuyệt đối khác biệt à? Điều kiện sinh hoạt, tâm lí và sinh lý, giáo dục cũng như nghề nghiệp, gia đình biến đổi tùy theo mỗi nhà văn, sự thực này chẳng ai đại đột phủ nhận trừ khi muốn mở ra một cuộc thảo luận chơi. Nhưng cũng chẳng ai đại đột mà xác nhận rằng con người nói chung, nhà văn nói riêng chẳng có điều tương đồng nào cả. Dĩ biệt có. Tương đồng cũng có chứ. Cái tương đồng này làm cho *người* chẳng phải là chó, mèo, khỉ. Cái tương đồng kia làm cho người Việt Nam khác với con cháu nữ thần Thái Dương, với dân tộc xây tượng thần tự do trên một vùng đất mới. Cái tương đồng làm cho nhà văn là nhà văn. Chúng ta vẫn khác nhau đúng rồi. Giống nhau thế nào được? Giống làm gì? Không thể đồng nhất hoá được, đồng ý, đồng ý. Khác nhau có. Và có. Nhưng cũng có một hoàn cảnh chung. Một cái tương đồng. Một *dấu chàm* nào đó trên trán, một dấu ấn lên vai người nô lệ nào đó, nhờ đó phân biệt được *nhà văn Việt Nam những năm năm mươi, sáu mươi* với nhà văn chỗ khác, thời khác. Với nhà văn tiền chiến. Với *Nam Phong* và *Tự Lực*. Với "Thế hệ lạc lõng" và nhóm "Tiểu thuyết Mới". Với Hemingway, Camus và với tác giả bài "Situations de l'écrivain en 1947") <sup>[2]</sup> .

Những cái tương đồng chung không kể làm gì. Có lý trí, phải chết. Có xương sống, đẻ con. Hoặc: da vàng, mũi tẹt, tóc đen, con cháu Lạc Hồng, kinh tế nông nghiệp... Hoặc sát hơn nữa: đất nước chia đôi, nước chậm tiến, chiến tranh tàn phá, nội bộ rối loạn... Những cái tương đồng đó không kể làm gì. Lô yếu tố thứ nhất mới là cái "dấu chàm" của con người. Lô yếu tố thứ nhì: người Việt Nam nói chung. Người Việt Nam ở đây, bây giờ được phác hoạ bởi lô yếu tố thứ ba. Chưa phải là nhà văn Việt Nam những năm năm mươi, sáu mươi. Nó còn có những nét ấy. Có chứ. Nhưng những nét ấy chưa đủ. Tổng quát tính của chúng làm cho chúng mơ hồ.

Cũng không kể đến một lô yếu tố khác chỉ liên hệ đến nhà văn Việt Nam ở đây, bây giờ vì phụ thuộc. Chẳng hạn như *điều kiện giải trí và nơi sinh hoạt*. Không có những *salons littéraires* như nhà văn Pháp thế kỉ 19. Không ngồi viết ở quán cà phê như các nhà văn Ba Lê. Không có những cuộc du lịch kì thú, những cuộc phiêu lưu nảy lửa như các nhà văn Mỹ khi tham gia cuộc nội chiến hoặc cuộc đấu bò rừng ở Tây Ban Nha, khi săn thú ở Phi châu, khi kết hôn với mình tinh mản bạc. Cũng không hát ả đào như thế hệ Nguyễn Công Trứ, thế hệ Tản Đà. Á phiện cũng chẳng có bao nhiêu. Vài người hút nhưng lại bỏ. Bởi thế, những tay thích làm văn học sử biết nghề, quan tâm đến mối tương quan đúng mức giữa cái sống và cái chết, sẽ nhận thấy một cách dễ dàng, trong tác phẩm cũng như trong cuộc đời của những người cầm bút những năm năm mươi, sáu mươi sự đổi thay của môi trường sinh hoạt. Đôi cánh của nàng tiên nâu đã bay mất. Hay đúng hơn: chưa bao giờ xuất hiện trong thơ của Từ, Nhã Ca, Uyển, Tuấn hay Thủy. Những cuộc phiêu lưu không diễn ra trên núi tuyết Kilimanjaro mà vẫn giới hạn trong thành phố. Vũ trường và vũ nữ đến thay thế những ngôi nhà có tiếng phách tiếng sênh trong cái sống và cái viết. Mưỡu và hát nói nhường chỗ cho "giọng hát *Bích Chiêu*". Rõ lắm. Rõ lắm. Nơi sinh hoạt, điều kiện giải trí của nhà văn thế hệ 54 - 66 không giống thế kỉ 19, tiền chiến, Âu châu hay Mỹ châu. Nhưng chúng ta không kể đến những điểm tương đồng đó. Không dừng lại ở đó. Thị

trần nhỏ bé của cuộc đời văn nghệ này có những nét quyến rũ, kỳ thú mà một cây viết tài hoa có thể sẽ tạo ra những bức tranh tuyệt diệu, ta phải nhắm mắt nhắm qua để đi thẳng tới trọng tâm của vấn đề. Điều kiện chung này và những hoàn cảnh chung khác vắt sang một bên. Không chối cãi về tầm quan trọng và vẻ đẹp nhưng không thể dừng lại lâu hơn được vì phải nói đến ngay cánh *hoàn cảnh căn bản*.

Tôi nói về sự *cô đơn*. Thế đấy, hoàn cảnh chung của nhà văn thế hệ năm mươi sáu mươi này là sự cô đơn ấy. Nó làm ta khác tiền chiến, khác Tự Lực, *Nam Phong*. Khác các nhà văn hiện sinh, khác những người lãnh giải Nobel, Goncourt hay Pulitzer dù họ sống trên "sông Don trầm lặng" thối mắc về "những bàn tay bẩn", sống trong tâm trạng "người lạ mặt" hay chán chường "giã từ vũ khí". Sự cô đơn đứng trước mặt, sau lưng, dưới chân, trên đầu, trong chiếu nằm, trên bàn viết. Đe dọa và tàn phá, làm tê liệt và tan nát. Cào xé rách da, rách thịt. Đừng tưởng nhầm đến triết lý. Tôi không bàn đến niềm cô đơn trừu tượng của các chuyên gia chuyên nghiệp. Cái này không phải là một sản phẩm thuần lý, tiên nhiệm. Cái này chạy trong máu, nhảy múa trong mắt, trên tay, đi lại trong phế nang, sinh sản trong tế bào. Nhìn thấy không?

Trước hết, đó là *sự cô đơn của thế hệ không có đàn anh*. Cái anh kia sẽ cười khoái trá: đúng rồi, tâm hồn này là một tâm hồn yếu đuối. Còn gì nữa, khẳng định của nó phản ánh rõ rệt sự than tiếc, không có nơi nương tựa, không có người hướng dẫn, không có người ra lệnh, cảm chịch. Đừng nghĩ thế. Đừng cho rằng sự xác định "nỗi cô đơn của một thế hệ không có đàn anh" nói lên niềm khát khao thần tượng để phục tòng. Thay bằng những ngôn ngữ phân tâm, sự xác định đó phản ánh một mặc cảm, một *khuyh hướng thích bị đô hộ*, một *masochisme văn nghệ*. Tôi đã đùa với triết học khá lâu để biết nhận diện những cái đó. Tôi vẫn nói là, trong văn nghệ không ai thực sự giúp đỡ được cả. Chỉ có tác giả một mình trước tờ giấy trắng như lão ngư ông và biển cả, tay đấu bò và con bò rừng. Tiền bạc và uy quyền, bằng hữu và gia đình, đàn anh và đàn em chẳng thể nào vỗ trang cánh tay nhà văn để biến tập giấy trắng thành tác phẩm lớn. Chỉ có nó và nó. Tôi vẫn nghĩ là người viết xứng danh có thể gia nhập hay không gia nhập vào một nhóm, một phái nào đó. Vào hay không chẳng quan hệ gì. Điều quan hệ là vào hay không vào bao giờ trong ý thức của nó cũng phải có thường trực tiếng nói đồng dạng, tiếng nói rất hách: Trường phái bè nhóm đều vô nghĩa. Mưu cơ, đòn phép, vô nghĩa. Những khen tặng đề cao có kế hoạch là những hào quang giả và sự xưng tụng lẫn nhau chỉ loè được những tâm hồn ấu trĩ. Bao vây và xuyên tạc, đe dọa và chụp mũ dù tinh vi đến đâu, dù huỷ diệt được thân thể, hãm hại được chính ta, chẳng làm sút mẻ được tác phẩm ta. Hãy nghe lời đề cao bằng một tai thoi. Hãy nhìn sự lãng mạn bằng cặp mắt khoan dung. Tất cả đều ở phía dưới. Cái trên chẳng dựng đứng được tác phẩm, cái dưới không vật ngã nó được. Tinh thần độc lập, nỗi cô đơn khi sáng tác, tôi nghĩ rằng đã có, đang có và có mãi trong tâm hồn người làm văn nghệ thuật.

Và tôi nói: *Chúng ta là một thế hệ không có đàn anh* không phải để kêu gọi nơi nương tựa mà để bày rõ *một thực tại chi phối cuộc đời văn nghệ từ mấy năm nay, vạch rõ một yếu tính của thế hệ năm mươi, sáu mươi*.

"Không có đàn anh" không phải là *nihilisme* văn nghệ, không phải là đập đổ hết. Những đao to búa lớn "trước ta không có ai" những *nihilisme* văn nghệ chỉ là những bộ mặt cũ như trái đất mà tâm lý học gọi là trạng thái tự kỷ trung tâm, tôi gọi sự hoang hốt của đam mê khởi đầu. Vấn đề không phải thế. Nó khác. Vấn đề là, trong *trạng thái bình thường*, người bắt đầu bước vào thế giới văn nghệ, cuộc phiêu lưu dài, mệt và đáng bao giờ cũng gặp ngay một dãy núi lớn cản đường. Đàn anh ấy. Nó đi trước ta một giáp, một chiến tranh, một cuộc nội loạn, một cuộc khủng hoảng kinh tế. Làm thế nào vượt qua? Bằng cách tiếp tục đào sâu hay làm khác đi, đi ngược lại. Tiếp tục và chống đối đều nói lên sự có mặt của dãy núi. Những Xuân Diệu, Huy Cận, Vũ Hoàng Chương, ngẩng đầu lên thấy những Tản Đà. Tản Đà đang sáng chói trong cơn

say đứng đấy, trước mặt. Dãy núi của những Sartre, Camus tên là Gide, Proust và những Michel Butor, Nathalie Sarraute không thể quên sự có mặt của Sartre, S. de Beauvoir. Sự có mặt của thế hệ đàn anh, bình thường là một nghiệp dĩ, căn phần hay hoàn cảnh văn nghệ, khó chịu lắm. Nó làm cho người bắt đầu làm văn nghệ có cái *ý thức bị nhìn ngắm*. Sartre triết lý không quên được những Alain, Bergson, Heidegger; Sartre kịch, Sartre tiểu thuyết không quên được Gide, Giraudoux. Bước chân vào thế giới văn học nghệ thuật khi còn những tạp chí *Đông Dương* và *Nam Phong*, tay biên khảo này chẳng thể quên được rằng nó sẽ được đọc bởi những Phan Kế Bính, Phạm Quỳnh, Trần Trọng Kim. Đăng thơ khi cuộc đệ nhị thế chiến đang khai diễn, tay làm thơ biết rằng nó sẽ được đọc bởi "con chim đến từ núi lạ", bởi những linh hồn mà "sầu đã chín". Và tay cầm bút sẽ bị nhìn bởi nụ cười khinh bạc của họ Nguyễn, tay phóng sự gặp ngay tác giả *Số đỏ*. Đi vào thế giới văn nghệ bình thường bao giờ cũng có các tay đàn anh đang sống, sinh hoạt, còn sinh hoạt, tiếp tục sáng tác, ta chẳng thể quên được sự hiện diện của họ. Họ nhìn ta đi vào thế-giới-còn-đang-của-họ khởi đầu một cuộc thay thế. Và ta *biết rằng bị nhìn*. Bị nhìn và ý thức được là bị nhìn ngắm, bước đi của ta sẽ đổi khác, diện mạo của ta sẽ đổi khác. Trông người đàn bà thì biết. Biết là bị nhìn ngắm, nó điều hơn nhiều. Để cho cái dạng hiển quý giá hơn hay để cho sự chinh phục tinh vi hơn, không biết. Nhưng chắc chắn sẽ đổi khác. Một người kịch cỡm sẽ nói: sao kém thế. Nhìn mặc kệ. Không cần biết đến sự có mặt của bọn đàn anh. Thái độ cố ý không quan tâm đến cặp mắt theo dõi của tha nhân, càng nói lên sự có mặt nặng nề của tha nhân. Càng phủ nhận, họ càng có mặt. Càng quên đi, họ càng hiện ra rõ rệt. Sự gia nhập vào thế giới văn nghệ bình thường nó như thế đấy. Và chúng ta không ở trong tình trạng bình thường đó.

Chúng ta bước vào một ngôi nhà trống rỗng, một khu vườn nhỏ bỏ hoang, một vũ trụ không người, chẳng có ai trước mặt thật. Chúng ta rút ra mỗi đứa một cây gậy và múa loạn lên. Chúng ta khen tặng và sỉ vả lẫn nhau. Đến một lúc ta sỉ vả cả những người đi trước, lớp đàn anh sát nút. Không thấy ai trả lời, khoái quá. Nhưng niềm khoái trá tan đi làm tấm màn chủ quan rơi xuống để lộ rõ ngôi nhà trống rỗng, khu vườn hoang vắng. Bọn họ đâu cả rồi? Câu trả lời tìm thấy không khó. Chiến tranh hai mươi năm, đất nước chia đôi là thực tại đứng đó, sờ mó thấy. Cũng như đồng bào ta, nhà văn lớp trước đã gánh trên vai những trái đen của thần Mars. Chiến tranh đã trở ra trăm cánh tay móng nhọn, trăm đầu miệng rộng răng to để cướp mất người này bằng cánh tay vũ khí, xoá mất người kia bằng hàm răng chính trị. Người bị thủ tiêu, Khái Hưng đấy. Người phiêu bạt rừng núi, ở quê người chẳng về, đứng lại tê liệt bên kia vĩ tuyến, lặng lẽ rút khỏi thế giới văn nghệ hoặc khoác lên vai chiếc áo chính uỷ như những tác giả *Lửa thiêng*, *Vang bóng một thời*, *Gửi hương cho gió*. Mất cả, mất cả. Ở quanh ta còn một vài ngôi sao. Có chữ. Đông Hồ, Vi Huyền Đắc, Trần Tuấn Khải. Gần ta hơn: Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng. Nhưng dòng Ngân Hà đã bị phân hoá, trái núi đã vỡ tung vì chất nổ ghê gớm. Những ngôi sao ấy trở thành lẻ loi. *Những đàn anh còn đây không đủ để kết hợp thành một thế hệ, một lớp người có một sinh hoạt văn nghệ thuần nhất để những kẻ đến sau đặt thành đối tượng tranh thủ, chống đối hoặc gia nhập*. Đúng thế, có những đàn anh còn đây; nhưng dường như đã rút khỏi cuộc sinh hoạt văn nghệ thường trực. Thỉnh thoảng khuôn mặt đáng yêu của Đông Hồ, Trần Tuấn Khải... xuất hiện trong một số báo Xuân, trong một cuộc phỏng vấn, để nhắc lại dĩ vãng nghĩa là để nói lên sự rút khỏi cuộc sống văn nghệ cháy nóng. Họ đã thật sự rút khỏi văn nghệ. Tác phẩm lớn của họ đã làm xong và họ đã trở thành khách lạ. Những đàn anh gần ta hơn có người còn viết khoẻ. Nhưng không có một lớp người để ta phải ngẩng đầu nhìn lên phản kháng hay giơ tay xin nhập hội. Trái lại, có sự gia nhập miễn cưỡng ngược chiều. Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng đăng thơ ở các tạp chí của bọn nhi đồng đại loại như *Hiện Đại*, *Văn Học*. Dòng sông không một mối Nhất Linh làm báo làm chí với những nhi đồng khác. Những kẻ ghét tôi và yêu tôi đừng bận tâm về hai tiếng nhi đồng. Các anh hãy tưởng tượng tác giả *Đoạn tuyệt* đứng giữa bìa báo đang bọc bởi những Khái Hưng, Thạch Lam, Hoàng Đạo, Xuân Diệu, Huy Cận, Hồ Dzếnh, Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng, Nguyễn Tuấn thì khuôn mặt văn nghệ những năm năm mươi, sáu mươi sẽ khác đi không biết thế nào.

Các anh thử nghĩ đi.

Nghĩ về chính mình, tôi còn nhớ một buổi sáng đẹp trời nhìn Đông nhìn Tây không thấy các tay biên khảo họ Đặng, họ Đào, họ Trần đâu cả. Khoái quá, tôi ném vào thế giới văn học nghệ thuật mấy bài khảo cứu. Sau đó, nhìn Nam nhìn Bắc, không thấy các tác giả *Gửi hương cho gió*, *Lửa thiêng*, khoái hơn tôi chia ra vài bài thơ. Văn xuôi và văn vần được đăng ngay vào chỗ tốt của những tờ báo văn nghệ được coi là tốt. Thế là hào quang bay lượn trên đầu. Bây giờ, nghĩ lại thấy không được. Anh này đừng nói với tôi rằng làm gì mà mất tự tin đến thế. Anh kia đừng hoài nghi nó đang chơi cái cú tự sỉ nhục để ra cái điều khiêm tốn. Tôi chỉ muốn các anh cùng nhìn vào khoảng đất trống vắng, nhìn vào niềm cô đơn đã bao vây chúng ta bao nhiêu năm. Chúng ta bước vào ngôi nhà trống rỗng, mảnh đất hoang vu và cắm lên đó ngọn cờ nguyên súy, vẽ lên đó phù hiệu đế vương. Vài bóng người còn lại lẻ loi chẳng nói năng gì. Họ im lặng niềm đau của chết chóc, tan hoang. Bốn phía toàn những tay cùng lứa tuổi với ta. Họp thành một bọn xâm chiếm đất đai. Chúng ta công nhận lẫn nhau, phân chia với nhau. Rồi thời gian và tập quán, sức mạnh của số đông, hợp lực với thời cơ kỳ lạ làm thành luật pháp. Các người trẻ tuổi hơn chúng ta chỉ còn nhìn thấy chúng ta. Khoái lắm, khoái lắm. Nhưng cơn khoái này, mà thời gian dựng lên, cũng do thời gian xóa bỏ. Bối cảnh sụp đổ, trong nội tâm mỗi đứa, như những thành phố bằng bìa dựng trong phim trường. Hòn đá ném đi không có hòn ném lại. Cũng chẳng có tiếng vang động nào. Phát súng bắn không có mục tiêu. Sự chiếm đóng không có sức kháng cự vì thành phố bỏ ngõ. Tôi đã nhìn thấy được sự trống rỗng rất sớm. Nhà văn đến sau chống lại kẻ đến trước. Thường lắm, chỉ có một trong những con đường ấy: tiếp tục làm khác, hay chống lại. Tượng trưng chống lãng mạn cũng như lãng mạn chống cổ điển. Victor Hugo không chấp nhận luật vàng gọi là ba đơn vị đã làm nghiêng ngửa Corneille. Verlaine, Rimbaud, Gautier, đập đập ngăn dòng nước mắt Lamartine, Hugo, hay Musset. Dễ hiểu lắm. Nhóm "Tiểu thuyết Mới" bây giờ nói không với nền văn nghệ-triết học của những Sartre, Camus. Dấu hiệu của sự sinh hoạt văn nghệ sống thật bắt đầu bằng tiếng không đó. Tất nhiên tiếng không phải kèm theo "tác phẩm đây này", "đổi mới đây này" chứ không phải là niềm khao khát bất lực, sự huênh hoang vô lối của các tay nhảy vào văn nghệ vì sành rượu, vì biết tạo ra một cái vẻ kịch nửa làm lì, nửa kinh ngạc, vì biết "sinh hoạt" với anh em, biết kín kín hở hở ra cái điều có một hậu thuẫn anh em đông, ra cái điều có một lý tưởng ghê gớm còn bí mật chưa nói ra được.

Chống lại, tốt lắm. Và chúng ta chống lại, anh em chống lại, tôi chống lại. Còn nhớ trong một tuần báo do Thái Thủy chủ trương, tôi nói về địa vị của Tự Lực Văn Đoàn. Tôi đã viết đại khái là nhóm này đang chiếm một địa vị lớn hơn cái chỗ ngồi mà nó đáng có trong văn học cũng như trong tâm hồn thanh niên vì chương trình giáo dục trung học đã đặt nó vào chỗ chính thức. Cái bài ấy viết xong, đăng lên, thích thú lắm. Lần khác. Trên tờ báo khác, tôi viết về thơ tự do. Cũng khoái lắm. Nhưng niềm thích thú cơn khoái tan đi, nỗi đau khổ mà động lực là sự cô đơn, kể tiếp càng to lớn gấp bội. Tôi chợt nhận thấy những ném lại. Trống vắng và lặng im. Sa mạc và chết chóc. Chỉ có tiếng gậy cọ xát với không khí, không có sự va chạm với vật cứng khác gọi là binh khí. Không thấy Nhất Linh nói gì cả. Không thấy Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng nói gì cả. Đinh Hùng, tôi có nghe một lần. Anh nói. Nói nhưng không viết nên cái nói. Lần ấy, cách đây khoảng tám năm, hình như ở nhà Thanh Nam khi còn ở Bàn Cờ, văn và không văn của thơ được tác giả *Đường vào tình sử* đặt vào giữa hai hộp rượu. Nhưng không có viết lên. Không có thảo luận, không có bút chiến. Sự lặng im đồng nhất của tác giả *Bướm trắng* và *Đường vào tình sử* này thoát đầu, với tôi, mở ra nghi vấn: có phải đây là các tay văn phiệt, thi phiệt. Tôi không biết lời kết án của họ Phan với họ Phạm có đúng không nhưng ngay sau khi nêu câu hỏi, tôi biết là tôi lầm. Dãy núi lớn tan tác sau cơn địa chấn kinh hoàng và bây giờ những trái núi lẻ loi còn lại chẳng còn muốn nói gì. Nghĩa là, như đã viết, những đàn anh lớp trước còn lại đây một người, kia một người nhưng *không hợp thành một lớp người* để đòi hỏi chúng tôi phải tận lực chống, vượt qua hay xin gia nhập. Những phản ứng chống đối để nói lên ý muốn làm mới nghệ



thuật rơi vào khoảng không. Thỉnh thoảng có một người xưng là bạn Nguyễn Tuân, nhận là đã được Thế Lữ đề tựa cất tiếng lên, sỉ vả chúng tôi nhưng chúng tôi nhìn thấy ngay đó chỉ là những vệ tinh châu rìa của những dòng ngân hà tiền chiến. Ủy nhiệm thư của họ là ủy nhiệm thư giả. Và lời sỉ vả chẳng làm kích động mà chỉ làm tôi thêm chán chường, làm tôi càng nhận thấy sự im lặng to lớn, sự vắng mặt chết chóc của lớp đàn anh. Đạn bắn đi nhắm những mục tiêu vu vơ, gây múa trong khoảng không. Thế hệ chúng tôi đấy. Nổi cô độc ấy tiền chiến không gặp, "nhóm "Tiểu thuyết Mới" không gặp, "Thế hệ Lạc lõng" không gặp. Những năm đầu tiên thấy lợi quá. Bước vào một thế giới trống rỗng, đàn anh tan tác cả, chiếm được thắng lợi dễ dàng cho nên tự tin, lạc quan ghê lắm. Thơ văn viết ra nổi ngay, khoái lắm. Thắng lợi thâu đoạt được có thể trở thành bàn đạp đẩy mạnh trăm nghìn khai phá mới.

Rồi vốn liếng ấy nhân lên, nghĩ mà ham. Nhưng thời gian cho thấy rằng phải cố gắng lắm mới giữ được ngọn lửa lạc quan không tắt ngấm trong cơn gió chán nản thổi đến từ xứ xở cô đơn. Chạy đua toàn với những người thấp bé hơn ta, ta dễ thấy mình chạy mau quá. Vừa leo lên ngọn đồi đã thấy mình cao nhất. Do đó, hãnh tiến và ngủ quên. Móng vuốt của cô độc như thế đấy. Không có ai để đối thoại, để phản kháng, để chống lại, để vượt lên. Chúng tôi chạy một mình, leo một mình, chẳng có ai đằng trước mặt để tranh thủ. Móng vuốt của cô độc các anh đã nhìn thấy chưa? Cuộc sinh hoạt văn nghệ của chúng tôi là phải đối thoại với chính mình, phản kháng chính mình, tranh đua với bản thân. Chúng tôi phải nhìn cây cỏ, bốn phía để trả lời câu hỏi: đã chạy đủ mau chưa? Phải nhìn mây trên đầu, núi trước mặt để xét xem leo đủ cao chưa? Không có ai chạy trước mặt để tôi căn đo tốc độ, liệu đường nước rút. Không có nhà thám hiểm nào đang cắm ngọn cờ ở núi non chung quanh để tôi nhìn thấy rằng ngọn núi của tôi chỉ là một đụn cát, một ngọn đồi thấp bé. Chúng tôi đã tìm ra được những miếng võ ghê gớm hay chỉ múa may hỗn loạn? Chúng tôi đã có những đường gậy của một môn phái xứng danh hay chỉ đủ sức hạ được những con giun, con kiến? Chúng tôi là một thế hệ hiền hách hay chỉ là dấu đen nghèo nàn trong lịch sử văn nghệ. Chúng tôi ra làm sao? Vấn đề không phải là thành bại, được thua, nhưng là sự cầu xé, giần vặt của những móng vuốt cô đơn ấy. Chúng tôi muốn nói to lên: các người đi trước kia hãy khen hay chê chúng tôi. Khen cũng được, chê cũng được. Nhưng không có khen, không có chê, chỉ có sự im lặng cô đơn. Còn sự xung tụng và lằng mạp? Có chứ. Trong thế giới khép kín của thế hệ chúng tôi, chúng tôi cũng ca tụng lẫn nhau, sỉ vả lẫn nhau. Chửi bới những thằng không hạp nhãn, ca ngợi anh em. Hơn nữa, thế kỉ này đã luyện cho chúng tôi ca ngợi có kế hoạch, chửi bới chụp mũ. Nhưng mỗi đứa dần dần thấy khen cũng chẳng thú, chửi cũng chẳng cần bởi vì đã nhìn thấy mặt kia của quân bài. Không bằng thì chửi, không bạn thì hạ nhục chơi, anh em thì nay gài một câu khen, mai một câu đũa lên. Lằng mạp và xưng tụng chỉ là hình thức khác của im lặng. Chẳng phải là văn nghệ. Đến nỗi người bạn này bảo tôi: Một năm nay chẳng thấy chúng nó chửi mình phát nào cả. Xuống rồi chẳng? Tiền giả nó như thế đấy. Không bị chửi lại nhìn thấy dấu hiệu của sự sa sút. Còn anh em khen tôi bởi, đưa lên bằng thích lại chính là dấu hiệu của yếu kém của sự cần thiết được chứng minh, biện bạch. Địa ngục cô đơn như thế càng ngọt ngào hơn nữa vì giam cầm trong ấy mà chúng tôi cũng chẳng gạt bỏ được những cái nhỏ nhen, thấp bé.

Và bây giờ, những sự chửi bới hay xung tụng của những kẻ đồng thời, dưới mắt mỗi đứa, nhạt lấm rồi; chẳng còn làm thắc mắc gì nữa, có khi còn gây ra hậu quả ngược chiều, chúng tôi càng nhìn rõ hoang vắng, càng nghe rõ lời nói ghê gớm: trước mặt ta không có ai. Phải căn lấy tốc độ mà chạy, đo lấy độ cao mà leo. Mà hoàn toàn cô độc, vĩnh viễn cô độc. Đó là điều kiện, là hoàn cảnh của văn nghệ của mày. Phải đánh cờ một mình. Phải xông xáo trong đấu trường rỗng. Mà vẫn phải chiến đấu với khoảng không để chứng tỏ mình rằng mình thật sự là một tay đấu bò tài ba, một *el major*.

\*\*\*

Cô đơn trong tập thể văn nghệ vì sự liên tục lịch sử, bởi sự tan tác của thế hệ đàn anh, bị gián

đoạn, nhà văn những năm năm mươi, sáu mươi càng cô đơn hơn nữa trong tập thể rộng lớn là Xã Hội. Chúng tôi ăn ngủ ở trong đó, chọn lọc từ đó chất liệu cần thiết để viết và, khi cái viết đã hoàn thành, gửi đến đó. Không có vấn đề tách rời nhà văn và Xã Hội. Nhưng cũng còn lâu lắm mới có sự hoà đồng, sự cảm thông đồng điệu. Bức trường thành cao lắm và chúng tôi đứng riêng một phía. Biển lớn lắm và chúng tôi ở trên hòn đảo nhìn vào thành phố đất liền.

Anh này gọi sự bao vây ngăn cách là sự nghèo đói. Đúng quá. Có lần nói về sự thực chói mắt này không? Cái chết của Quách Thoại và Lê Văn Trương đã nói cạn ý, đã đầy đủ như một bản thống kê về bản quyền tác, tình trạng tài chính, đời sống vật chất. Chẳng cần nhắc lại sự kiện đa số người viết không sống nổi bằng ngòi bút nên phải có một nghề tay trái như viết báo, dạy học, thầy cãi, thầy thuốc, chính trị. Chẳng cần nói thêm rằng sự nghèo khổ ấy cùng cực đến nỗi kẻ nào có một tí tiền, lập tức khó tránh được sự hành hạ của một mặc cảm phạm tội, khó tránh được cái nhìn khám xét của bạn hữu thiếu bao dung. Anh kia nói đến niềm cô đơn của lớp người không giai cấp. Cũng được lắm, nghĩ thử mà xem. Nhà văn đáng liệt vào thành phần xã hội nào? Nghèo mạt dệp, những tên bóc lột rất kĩ đó vẫn là những nhà tư bản, hay hơn nữa những tay quý tộc của thời đại dân chủ. Tôi muốn nói: vô sản trong bình diện tài chính, nhà văn thể hệ này có phong thái của những nhà tư bản, những tay quý tộc. Ở những nơi đèn tắt muộn nhất, anh em có mặt ở đấy. Ở những chốn có những trận cười điên loạn nhất, có họ. Vua của vũ trường, hoàng tử của phòng trà, quán rượu, trường đua không phải là những công tử con nhà giàu, chủ ngân hàng, chinh khách giàu mau, mà vẫn là nhà thơ có dáng dấp của Frank Sinatra, nhà văn mười một năm thượng sĩ hiện như đất đai quê hương. Chẳng kiếm được bao nhiêu nhưng chi rất hách, phát tích-kê như điên. Cho đến đồng xu cuối cùng. Cho đến đồng bạc đáy túi. Cho nên họ biết đứng vào đâu lúc đợi xe về hơi rượu whisky tan trong gió đêm. Tư bản không nhận họ vì họ nghèo quá. Vô sản làm gì có những tay quý tộc đó? Không có mẫu rể trong một thành phần xã hội nào cả, niềm cô đơn dễ nhìn thấy lắm. Tôi đã nghĩ đến những nỗi cô đơn, đến từ nghèo đói, đến từ những mẫu rể bị chặt đứt mà các anh đã nói tới. Những lối vẫy hãm đó có thực. Nhưng niềm ám ảnh có một khuôn mặt khác. Nói luôn là hệ thống giá trị của xã hội này và vị trí của nhà văn trong đó. Trong một cuộc nói chuyện về thơ với Tuần báo Nghệ thuật Truyền thanh đài Sài Gòn, tôi đã nói sơ lược. Bây giờ đào sâu chút nữa. Nhà văn, nhà thơ thời đại này, xã hội này: quê hương của Nguyễn Du, bị xếp ở bậc thang cuối cùng của cái thang giá trị. Chứng có?

Để lắm. Đi hỏi vợ, thi sĩ có nhiều hy vọng thua tiến sĩ, bác sĩ, kỹ sư. Đến yết kiến một Bộ trưởng, tay khoa bảng chắc chắn được tiếp, nhà thơ khó lắm. Để hiểu quá: dưới mắt vị nhạc phụ tương lai, thi sĩ chẳng là cái nghề ngỗng gì cả, dưới mắt tay cầm quyền nhà thơ là một thằng vô dụng. Nó chẳng thể làm công việc nghiêm chỉnh của một ông giám đốc, chẳng có vẻ đạo mạo của một nhân sĩ. Hơn nữa nó còn không đứng đắn, ăn mặc lòi thối, thỉnh thoảng cao hứng nói láo, nói lếu như đòi "chép thơ lên đá". Tiếp nó làm gì? Kể thử dân, tên cùng đinh của xã hội này sẽ không nhìn thấy mâu thuẫn nào cả, không thắc mắc gì nếu không có mấy sự kiện làm nó quan tâm. Dĩ vãng ở đây và hiện tại ở chỗ khác, đã và đang đặt những kẻ hao hao giống nó ở những bậc thang cao hơn. Người làm văn làm thơ cùng thời với Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát hay Nguyễn Du chắc chắn cũng không giàu có hơn các người viết bây giờ nhưng thường xuyên họ nhận được sự kính trọng mà dân gian, vua quan dành cho kẻ sĩ. Đứng trong một tao đàn bảo trợ bởi triều đình hay dạy học ở một ngôi làng nhỏ, người biết đùa với âm thanh của lục bát, Đường thi, người viết được một bài hịch, thảo được một văn tế, không bao giờ bị coi là một tên nhỏ nhẻ, không nghề ngỗng đứng đắn hay đáng nghi.

Còn bây giờ ở bốn phía, Ba Lê này và Nữu Ước kia, Anh Cát Lợi và Thụy Điển, những xã hội cơ giới ấy, lạ thay, vẫn đặt các tay làm văn thơ ở những bậc thang xã hội trang trọng. Không nói đến tiền bản quyền lớn lao do số ấn loát phẩm lượng lớn mang lại, cho phép một Sagan thay xe đua hàng tháng hàng năm, cười điên trong hộp đêm, cho phép một Hemingway khi thì

săn sục tử ở chân núi Kilimanjaro, khi thì hò hét trên khán đài những đấu trường Tây Ban Nha. Nhưng gạt ra ngoài những ưu đãi vật chất đó. Hay chỉ nói đến sự tôn kính tinh thần đã biểu lộ qua sự đả ngộ người làm văn học nghệ thuật như những hoàng tử. Tiếng nói của họ cất lên về Algerie, Budapest liền được lắng nghe, với người này, như lời truyền giảng, với người khác, như sự đe dọa mà vũ khí trở thành bất lực. Cái ăn cái ngủ, cái yêu, cái di chuyển, cái sinh sống của họ được viết lên bởi báo chí vẽ ra bởi các đài truyền thanh, truyền hình, được đọc được nghe được nhìn bởi những cặp mắt yêu mến, bao dung và hãnh diện. Paris hãnh diện không phải chỉ vì có Moulin Rouge, Quartier Latin hay Champs-Élysées mà vì có những Gide, những Cocteau, Valery... Con cháu chú Sam không phải chỉ hãnh diện vì tài tháo vát, óc khai phá về dầu hoả và hoả tiễn mà còn vì những người đoạt giải Pulitzer và sau đó, Nobel. Chúng ta, có lúc tôi nghĩ rằng, thôi thì ta ngồi ở bậc thang cuối cùng ấy sống trong xã hội mà văn nghệ không phải là hoàng tử mà chỉ là những tên láo lếu cũng chẳng sao. Những xã hội cơ giới kia nó biết hãnh diện về những kẻ sáng tạo của nó, biết dành cho kẻ này quốc tấu, biết mời kẻ khác đến làm danh dự buổi khoản đãi của vị nguyên thủ, danh dự còn lớn lao hơn cái hiện diện của ngoại giao hay các nhà tư bản, xét kỹ ra cũng chẳng có gì đáng kêu ca. Nước ta còn lo cơm lo áo cho dân, lo cho dân khỏi chết đập chết vùi, làm sao còn lo kết những vòng hoa đẹp cho thi sĩ. Còn cái thang giá trị kia nhất thời lắm.

Kẻ ngồi trên rồi sẽ xuống dưới, lũ ở dưới sẽ lên trên. Lịch sử cũng như tôn giáo, thế đấy. Chúng ta hãnh diện vì đã có Nguyễn Du, đã có Cao Bá Quát, Nguyễn Khuyến hay Tản Đà chớ có nhớ gì về ông Nghè, ông Bằng đâu? Những người của tương lai, cũng vậy, sẽ kiêu hãnh về những người làm thơ văn bây giờ, sẽ gọi họ là những tinh hoa, là ý thức của thời đại, sẽ dành những vòng hoa tưởng nhớ cho những kẻ đóng góp vào cái gia tài văn hoá của dân tộc.

Có nghĩ như thế chử. Nhưng cái võ về này chẳng xoa dịu được cô đơn. Chúng tôi càng thấy mâu thuẫn, càng thấy cô đơn trong hiện tại. Tại sao cái chỗ ngồi sau này của ta sáng thế, đẹp thế mà cái chỗ ngồi hiện tại khốn nạn? Vả lại còn nghĩ rằng lịch sử đứng ở xa lắm, còn lâu lắm mới tới. Có nhìn thấy nó bao giờ đâu? Khi nó đến, ta tiêu ma thành đất thành bùn rồi còn gì? "Kỷ nguyên hoà nghi" này tai hại như thế đấy.

Bao nhiêu trụ cột chống đỡ cái mái yên tĩnh của tâm hồn sụp đổ mất cả rồi. Thần thánh và lịch sử. Giá trị này và giá trị kia. Có thể có lắm chử. Sự hiện hữu của thế giới bên kia, sự phán xét của lịch sử. Có thể lắm chử. Nhưng chúng tôi chỉ có một đời sống. Chúng tôi chỉ có một niềm cô đơn này. Thần thánh và lịch sử còn làm được gì khi tất cả, vui sướng và tủ nhục, thống khổ và hân hoan, đã cùng với thân thể nặng nề này nằm xuống?

Cô đơn trong tập thể văn nghệ vì sự gián đoạn bất bình thường giữa các thế hệ, cô đơn trong tập thể rộng lớn hơn là xã hội này vì sự đả ngộ, vì vị trí xã hội, vì hệ thống thang xã hội, các nhà văn, nhà thơ những năm năm mươi, sáu mươi cũng cô đơn trong chiến tranh. Những người đang đổ mồ hôi ở thao trường và những người đang đổ máu ở chiến trường sẽ nói lên lời phẫn nộ. Chỗ đứng của các anh đây. Ở thao trường này và chiến trường này. Vào đây đổ mồ hôi. Ra đây trả cái phần xương máu. Mặc bộ kaki này vào các anh sẽ biết rõ chỗ đứng. Cơ phần nộ này đúng. Lời sĩ vả này không thể cãi được. Tôi nói rõ: Lời phẫn nộ của những người đang đổ mồ hôi ở thao trường và đổ máu ở chiến trường. Chớ không phải những lời nói tương tự đến từ các nhà cầm quyền mười mấy năm nay. Trí thức phòng trà, trí thức thành phố, trí thức salon, những thành ngữ nói lên sự nguyên rủa một lớp người, trong đó có thể xếp các người làm văn học nghệ thuật lên hàng đầu, thật ra chẳng có giá trị gì cả nếu phát xuất từ nhà cầm quyền, vì đó chỉ là những "cái mũ" được ném ra nhằm mục đích bóp chết mọi tiếng nói đối kháng. Chúng tôi quá quen thuộc với các chất ma tuý như thuốc lá, cà phê cho nên các ma tuý mới gọi là khẩu hiệu, diễn văn, tố cáo, lăng mạ chẳng còn làm xúc động gì. Bị chửi bới hay bị dụ khị, thẳng này cười hề hề, thẳng kia kêu lên tốt lắm.

Đó cũng là điểm khác biệt giữa văn nghệ và trí thức khoa bảng vốn quan tâm đến sĩ diện, được coi như một phương diện để sinh sống. Văn nghệ chẳng cần các cái đó. Nhưng lời phẫn nộ, sự sỉ vả đó, khi đến từ những người thực sự chiến đấu mà không có ghế cao nhà lớn nào cả, đã và đang làm chúng tôi lắng nghe. Và tôi nghĩ: đúng lắm. Chỗ của ta đây. Ở Trung tâm Huấn luyện Quan Trung và Trường Thủ Đức. Ở quân đoàn này và vùng chiến thuật kia. Và có những nhà thơ đã đứng ở đây. Những hào sảng Trần Như Liên Phụng đây.

Nhưng vượt lên trên cơn giận dữ như các anh đã vượt những hào sâu rừng thẳm mìn chông, chúng ta hãy nhìn vào câu hỏi này: các anh muốn nhà văn, nhà thơ chiến đấu với tư cách người hay tư cách văn nghệ. Nếu quan niệm rằng chỉ cần cầm được súng, văn nghệ không cần, thì mọi cuộc thảo luận đều chấm dứt, chúng tôi không còn gì để nói và chào thua.

Nếu nói rằng thơ văn chẳng được cái tích sự gì cả, chẳng chặn được cuộc tấn công này, chẳng mở được chiến dịch kia, đó chỉ là những xa hoa, những đồ trang sức thời bình để ve vuốt tâm hồn đàn bà thì hết, không còn gì để nói. Chỉ còn đồng ý và đồng ý. Nhưng ngược lại, nếu quan niệm rằng cuộc chiến đấu mà mọi người thường gọi là toàn diện thì văn nghệ là một mặt trận. Người làm thơ viết văn trở thành chiến hữu. Quan niệm đúng đắn này những năm năm mươi sáu mươi chưa hề có. Cho nên chúng tôi không biết đứng ở đâu. Nhà cầm quyền của vùng dĩ vãng xa và gần đó đã coi văn nghệ là phương tiện, là cái cần nắm lấy. Nắm mãi chẳng được, người ta chỉ còn than trách: Văn nghệ của mình chẳng có lập trường gì cả.

Chúng ta đều nhớ kỹ rằng các chánh quyền dĩ vãng đã nhiều lần đến với văn nghệ. Tiền đây, báo đây làm gì. Nhiều người trong chúng ta, có tôi, đã nhận tiền trực tiếp hay gián tiếp, tiền bao thầu hay tiền bài. Rồi để cho cái tình cảm tội lỗi nằm im, chúng tôi làm láo làm lếu cho tiền bạc không sáng sửa kia được tiêu đi mau lẹ, ngõ hầu có thể phân vua với anh em: cho thì lấy mà đốt, trả tiền thì viết nhưng ta cứ viết cái lời mời chẳng dính dấp gì đến cuộc đời này, cuộc chiến tranh này, chẳng lợi lộc gì cho người chi tiền. Cái lối chơi sỏ của nhà nho các anh còn lạ gì. Cho nên các cuộc hôn phối gượng ép này đã hơn một lần đưa đến đổ vỡ. Sự phân hoá trầm trọng hơn: chính quyền và văn nghệ vẫn đứng ở hai phía mặt trời và hơn nữa, người cầm tiền và kẻ không có cơ hội, thẳng cầm nhiều và tay cầm ít sỉ vả và lườm nguýt lẫn nhau như quân thù quân hãn.

Và niềm cô đơn dày đặc thêm lên như sương mù như cỏ lan vào thành phố bỏ hoang. Người làm văn thơ muốn đóng vai trò của cái có thể gọi là ý thức của một cuộc sống này và cái chết kia. Nó muốn nói lên cái nó mong nó đợi, cái nó yêu, cái nó ghét. Tham gia vào cuộc chiến đấu với tư cách văn nghệ, vũ khí của nó là cái ý thức sáng chói đó. Có nói lên được cái yêu và cái ghét đến nơi đến chốn dưới mắt người cầm bút, mới làm cho ta khoẻ dịch yếu. Nhưng dưới mắt nhà cầm quyền thì lại không được. Những người đã đến với văn nghệ có thể có thiện chí lắm, khéo léo lắm. Họ đều nói đại loại: chúng tôi không làm áp lực nào cả, chỉ giúp đỡ anh em về tinh thần và vật chất. Tiền đây, báo đây, cầm lấy cho vui về cả. Phải chân thành mà nhận rằng với các chính quyền như thế còn hơn là những cái tát đe dọa của sự độc tài. Không theo đường lối thì phong toả kinh tế, thì đi nông trường. Những cuộc thảo luận bắt đầu như thế lễ phép lắm, đẹp lắm, cần lắm nhưng chưa đủ. Đám băng hoại nghi cần được làm cho tan rã. Sự lễ phép làm cho nhà văn nghĩ rằng nó nằm từ từ đây. Thuốc độc bọc đường đây. Và cuộc chơi ú tim cứ thế tiếp diễn: cầm tiền và viết lời mờ thôi. Ngoài tiền, ngoài giao tế lịch sự cần phải nói rõ vào mặt nhau: Chúng ta đừng vuốt ve nhau. Chúng tôi điều hành guồng máy nặng nề tê liệt và chiến tranh này, các anh là ý thức. Hãy nói lên thống khổ và hân hoan của đồng bào ta mà các anh là những tâm gương nhạy cảm. Hãy nói lên tất cả, mặt phải và mặt trái. Chúng ta, văn nghệ và chính quyền, hãy sỉ vả nhau, đấm đá nhau. Đấm đá và sỉ vả như những chiến hữu.

Hào khí văn nghệ bốc lên khi đám băng tan rã. Lúc ấy, biết rõ, sẽ không còn thắc mắc ai nắm ai, ai xô xiên ai. Nếu biết rằng thực sự trong cuộc chiến đấu ghê gớm này ngòi bút đã được đặt đúng chỗ mai dành riêng cho nó, sẽ chẳng cần đến chuyến máy bay đưa anh em ra mặt trận coi chơi. Mặt trận chưa bao giờ không nằm trong mạch máu chúng tôi. Chúng tôi cũng biết nghe tiếng súng, biết khóc, biết đau. Nhưng niềm cô đơn vẫn có. Vẫn không biết đứng vào đâu, vì thường xuyên e ngại bị đặt vào chỗ đứng bất tiện, chỗ đứng của phương tiện chứ không phải của ý thức.

Cô đơn, hoàn cảnh của nhà văn những năm năm mươi, sáu mươi đó. Nỗi cô đơn siêu hình của người viết trước tờ giấy trắng chẳng bao giờ nhà văn rũ bỏ được và cũng chẳng cần, trong thế hệ chúng tôi lại được hỗ trợ của những cô đơn trong tập thể văn nghệ, trong xã hội và trong chiến tranh. Nói cho đúng, chẳng có gì đáng kêu ca. Nhiều người nói rằng: một dân tộc chỉ có số phận mà nó đáng có. Tôi nghĩ thêm rằng: nhà văn, nhà thơ chỉ có số phận mà dân tộc nó có.

Khi mà sự chết chóc, nghèo khổ đè nặng lên vai quê hương như thế này còn có gì lạ nếu đàn anh của chúng ta tan tác, nếu chúng ta phải cần lấy tốc độ mà đi, nếu chúng ta bị bỏ quên, ở đây ở đó. Và vấn đề của văn nghệ, cũng như của đất nước, không phải chỉ là đau xót về những hoàn cảnh chán quá mà còn là sự ý thức về hoàn cảnh đó để vượt lên, để khắc phục.

*Nội dung thủ bút:*

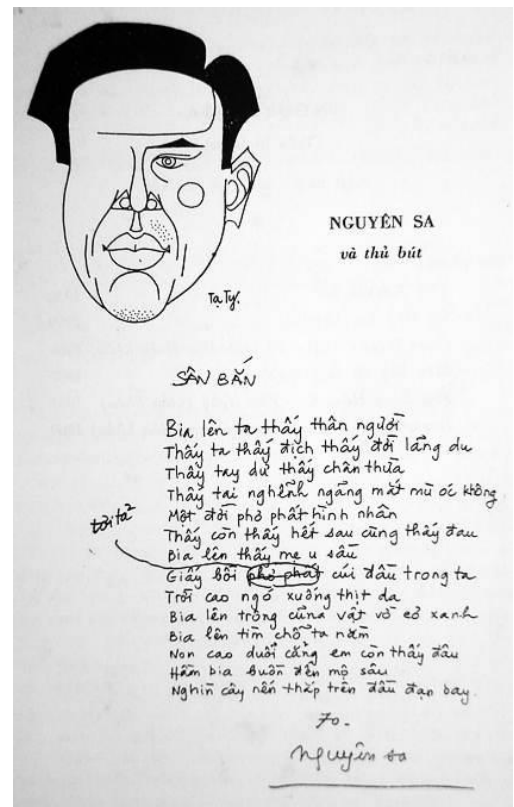
### Sân Bần

*Bia lên ta thấy thân người  
Thấy ta thấy địch thấy đời lãnh du  
Thấy tay dư thấy chân thừa  
Thấy tai nghễnh ngãng mắt mù óc không  
Một đời phơ phát hình nhân  
Thấy còn thấy hết sau cùng thấy đau  
Bia lên thấy mẹ u sầu  
Giấy bồi tờ tả cú đầu trong ta  
Trời cao ngó xuống thịt da  
Bia lên trông cũng vật vờ cỏ xanh  
Bia lên tìm chỗ ta nằm  
Non cao duỗi căng em còn thấy đau  
Hầm bia buồn đến mộ sâu  
Nghìn cây nển thấp trên đầu đạn bay.*

Nguyễn Sa  
1970

**Nguyễn Sa** (Trần Bích Lan): Sinh năm 1932 tại Hà Nội

**Tác phẩm:** *Thơ Nguyễn Sa 1958, Gõ đầu trẻ* (truyện) 1959, *Quan điểm văn học và triết học* (biên khảo) 1960, *Mây bay đi* (tập truyện) 1967, *Một bông hồng cho văn nghệ* (biên khảo) 1967, *Descartes nhìn từ phương Đông* (biên khảo) 1969



## Nguyễn Sa và ngôn ngữ tình yêu trong thi ca Tạ Ty

Có lẽ, đã trên mười năm, vào buổi chiều Sài Gòn sau một cơn mưa lớn, tôi đang ngồi dưới mái hiên nhìn những vũng nước đục lằm trước nhà thì Mai Thảo đến thăm. Cùng đi với Mai Thảo có thêm một chàng trai phốp pháp có dáng dấp hồn nhiên. Mai Thảo giới thiệu – *Nguyễn Sa, người có thơ đăng trong Sáng Tạo mà cậu thích!* Cái bắt tay lần đầu giữa tôi và Nguyễn Sa thật là thắm thiết. Tôi nhìn chòng chọc vào Nguyễn Sa đang đối diện, để chứng nghiệm lời Mai Thảo nói với tôi bữa trước, Nguyễn Sa mới từ Pháp về, có tinh thần tiến bộ muốn đi cùng một đường với anh em.

Sau buổi tối hội ngộ đó, tôi đã coi Nguyễn Sa như người bạn cũ. Tôi nhớ, trước khi về Nguyễn Sa có tặng tôi một bài thơ mang tựa đề "Nga", in trên giấy láng, được dùng thay thiệp báo hỷ, ấn loát tại Ba-lê ngày 10-12-1955. Bài thơ này Nguyễn Sa sáng tác tại Solden, No# 1954. Tôi yêu bài thơ đó lắm, tuy nội dung chưa vượt khỏi ước lệ thông thường với suy tư và rung cảm của một tình nhân đối với một tình nhân.

*"Hôm nay Nga buồn như con chó ốm  
Như con mèo ngái ngủ trong tay anh  
Đôi mắt cá vờn ướt như sắp sửa se mình  
Để anh giận sao chẳng là nước biển..."*

Ngôn ngữ của Nguyễn Sa trong bài thơ tuy không mới nhưng hình ảnh thật mới được lồng trong khuôn thức của nhịp điệu làm người đọc dễ rung cảm và lãnh hội.

*"Em nhớ không đã có một lần anh van em  
Đã có một lần lâu hơn cả ngày xưa...  
Em sợ thời gian như một nhúm từng câu thơ  
Em sợ thời gian ác như lửa thiêu từng thanh củi  
Mắt e ngại như từng con chỉ rối  
Em sợ những ngày trời nắng như hôm nay  
Em sợ những đường tàu vướng víu như chỉ tay  
Không dám chọn lấy một ga hò hẹn..."*

Đọc thơ Nguyễn Sa tôi có cảm tưởng như được thấy những ý nghĩ thầm kín của hồn mình. Nó gần gũi. Nó trẻ và sống. Nó chuyên chở từng dung nhan diễm tuyệt, ngay cả trong lo sợ. Mỗi dòng, mỗi chữ được Nguyễn Sa cân nhắc và sử dụng linh động như nhà phù thủy cao tay sai khiến âm binh. Thơ Nguyễn Sa không nóng bỏng, suồng sã, đam mê, khăng khít như Xuân Diệu hoặc thâm trầm, tế nhị, kiêu sa như Huy Cận mà nó luân lưu, uyển chuyển giữa hai dòng thơ lớn đó của thời tiền chiến. Tuy đã sống ở Paris nhiều năm, đã am hiểu văn hóa Tây phương nhất là triết học, mà Nguyễn Sa lúc làm vẫn thơ vẫn giữ được cái phong thái của thi ca Việt Nam ngay cả ở những bài thơ mà Nguyễn Sa đã sáng tác tại Kinh Đô Ánh Sáng:

*"Mai tôi đi dù hôm nay đang vào thu  
Dòng sông Seine đang mặc áo sương mù  
Đang nhìn tôi mà khoe nước biếc  
Khoe lá vàng lộng lẫy lối đi xưa..."*  
("Paris")

Paris với dòng sông Seine, với tháp Eiffel, với xóm Montmartre, với những thư viện, những bảo

tàng, những mái giáo đường với sương mù tuyết trắng, với những nàng kiều nữ, với trăm vạn đam mê huyền hoặc, mà sao Nguyên Sa chỉ dùng chúng trong thi ca như dùng những phương tiện để chuyên chở từng ý nghĩ Việt Nam, từng ngôn ngữ Việt Nam. Thi sĩ William Carlos đã nói đúng: *"Sự sáng tạo ngôn ngữ mới cho thi ca, ở đó, các thi nhân Mỹ có thể viết ra được, chính là một ngôn ngữ mang biểu tượng nước Mỹ"* (Jarell, *Situation d'un Poète*).

Xuyên qua ngôn ngữ Nguyên Sa, người đọc hình dung thấy một khung cửa bỏ ngõ. Từ khung cửa đó, có thể nhìn ra một khu vườn với màu sắc chói chang, với muôn vàn cánh bướm đang múa lượn chập chờn làm rung động những đài hoa ngát nhụy. Những cánh bướm của tình yêu, của khát vọng, của dự tưởng, Nguyên Sa dang rộng đôi tay bé nhỏ muốn ôm vào lòng mình. Cái vũ trụ nào đó, mà Nguyên Sa đoán biết hay tìm thấy không phải cái vũ trụ được đo lường và ước đoán bằng chứng nghiệm toán học, bằng những năm ánh sáng, bằng vệ tinh, bằng phi thuyền. Vũ trụ ấy chẳng ai chứng minh được vì nó là Vũ trụ của Tình yêu, do tình yêu hình thành. Sartre nói – *"Cái TA là do kẻ khác"*. Cái nguyên lý này, Nguyên Sa là người biết rõ hơn ai hết. Nguyên Sa biết triết học trước khi biết làm thơ. Hình ảnh chói loà của Socrate, Platon, Kant, Nietzsche, Heidegger, Bergson, Russel, Jaspers, Sartre v.v... với các triết thuyết cao siêu mà các vị đó đã để lại cho nhân loại, hình như chẳng có chút liên hệ gì trong địa hạt thi ca, một địa hạt mà Nguyên Sa coi như cứu cánh của đời mình. Điều nói đó có thể không đúng hẳn, nhưng xuyên qua thi phẩm Nguyên Sa, người đọc chưa chiếu rọi hay khám phá được màu sắc triết học hay hướng đến triết học.

Nguyên Sa đi vào thi ca với những bước chân mang nhiều ân tình cho kẻ khác. Kẻ khác, đương nhiên là người con gái, là Tình yêu. Tình yêu đối với Nguyên Sa như ân sủng, như nguồn thương vô tận, với ngọt ngào môi hôn, với bản loạn tâm hồn, với quán quít vòng tay, với dịu hiền hơi thở. Sự kiện này rất tự nhiên và bản chất Nguyên Sa như vậy.

*"Nắng Sài Gòn anh đi mà chợt mát  
Bởi vì em mặc áo lụa Hà Đông  
Anh vẫn yêu màu áo ấy vô cùng  
Thơ của anh vẫn còn nguyên lụa trắng  
Anh vẫn nhớ em ngồi đây tóc ngắn  
Mà mùa thu dài lắm ở chung quanh  
Linh hồn anh vội vã vẽ chân dung  
Bày vội vã vào trong hồn mở cửa..."*  
("Áo lụa Hà Đông")

Chất thơ Nguyên Sa là chất thơ thuần túy, ở đó, mỗi âm thanh, mỗi ngôn ngữ như một lời kể lể, một cầu xin, một đắm đuối. Tình yêu là chuyện muôn thuở, chẳng phải chỉ Nguyên Sa mới tỏ bày lần thứ nhất, mà con người ở mỗi thời đại có nhiệm vụ làm-mới-lại những cái gì của-hôm-qua với khả năng nghệ thuật vô biên. Goethe nói: *"Thiên nhiên vẫn y nguyên, nhưng nhãn quan của mỗi con người làm thay đổi thiên nhiên"* ("Goethe et la littérature universelle. Thornton Wilder). Trong tình yêu cũng vậy, nhưng mỗi kẻ tình nhân làm tình yêu đổi mới:

*"Hãy dựa tóc vào vai cho thuyền ghé bến  
Hãy nhìn nhau mà sưởi ấm trời mưa  
Hãy gửi cho nhau từng hơi thở mùa thu  
Có gió heo may và nắng vàng rất nhẹ  
Và hãy nói năng những lời vô nghĩa  
Hãy cười bằng mắt, ngủ bằng vai  
Hãy để môi rót rượu vào môi  
Hãy cầm tay bằng ngón tay bản loạn*

*Gió có lạnh hãy cầm tay cho chặt  
Đêm có khuya hãy ngủ cho ngoan  
Hãy biến cuộc đời thành những tối tân hôn  
Nếu em sợ thời gian dài vô tận..."*  
("Tháng sáu trời mưa")

"*Hãy để môi rót rượu vào môi*" và "*biến cuộc đời thành những tối tân hôn*" quả thật Nguyên Sa đã sử dụng ngôn ngữ thi ca một cách tài tình dù rằng ngôn ngữ đó để chuyển đạt một ý nghĩ rất Tây phương. Theo Randall Jarrell, *thi sĩ là một kẻ sáng tạo, một nguyên trình (pureté), một kiến trúc sư của kỹ thuật thi ca*. Nguyên Sa đã tự sáng tạo và giành lấy đặc quyền trong lãnh vực tình yêu, dù tình yêu đôi khi chỉ là ảo ảnh, là nỗi buồn thảm, tối tăm của thất vọng và đốn đau, chia cách. Thơ Nguyên Sa toát ra sự mong manh, rạn vỡ ngay cả trong hy vọng đợi chờ.

*"Em chói sáng trong tình anh cô độc  
Cả cuộc đời mộng ảo nhón bùng lên..."*

*... Em đến chưa? Sao đêm chợt vắng  
Cả cuộc đời xáo động cũng hao đi  
Những ngón tay dần chẳng đến hôn mê  
Và tà áo phủ chân trời trước mặt".*  
("Người em sống trong cô độc")

Trong bài thuyết minh nhân dịp tưởng niệm Goethe tại Aspen (Colorado) năm 1949, Wilder có nhắc lại câu nói của Goethe "*Trí não con người làm văn học nghệ thuật giống như một thùng chứa những mảnh giấy được bóc ra khỏi cuốn bách khoa vĩ đại, những mảnh giấy đó không phải chỉ chứa đựng sự ghi nhớ thông thường mà đích thực ở mỗi tờ đều toát ra và rung lên cảm xúc, nó có thể là liều thuốc hay niềm an ủi, cũng có thể là lời báo trước một bi thảm...*". (Goethe et la littérature Universelle, Prottil, n° 1)

Người làm thơ cũng phải gỡ ra khỏi hồn mình những chất liệu để cấu tạo nghệ thuật. Nguyên Sa bóc năm tháng của cuộc sống riêng tư để ca tụng tình yêu, để trải tâm sự qua từng niềm thương, nỗi nhớ, qua từng giọt sữa yêu đương cũng như nỗi buồn mặt đất:

*"Em đứng lẩn bên góc hè phố vắng  
Như loài hoa hoang dại trong rừng sâu  
Màu da tơ bóng tối ngả u sầu  
Đôi mắt đẹp từng cánh sao tắt lịm  
Em đứng đợi một người không hẹn đến  
Bán cho người tất cả những niềm vui*

*... Đêm gần tàn em ơi người gái dĩ  
Đợi trong khuya bến vắng ngủ say rồi  
Nhìn ánh đèn vương lại cửa nhà ai  
Rồi kéo vội khăn quàng trên vai lạnh..."*  
("Đợi khách")

Tình yêu đối với Nguyên Sa đẹp như một nàng công chúa mới lên ngôi, nhưng có lúc nó biến thành tình thương khi Nguyên Sa bắt gặp cuộc đời có mặt với những giân hờn, ti tiện, bon chen, đổ kỵ do những ước lệ xã hội tạo nên... Nói cho đúng, Nguyên Sa là một thi sĩ gặp nhiều may mắn ở cuộc đời cũng như ở nghệ thuật. Sự cúi xuống tình thương chỉ do từ tâm – một ngoại lệ. Vì đó, niềm xót xa mà Nguyên Sa diễn đạt bằng ngôn ngữ thi ca chỉ mang giá trị



tương đối. Người đọc chỉ cảm thấy hay chứ không xúc động, vì Nguyên Sa đã biến đổi nó thành vóc dáng khác, ở đó, cái “nhìn” và cái “nhận” không còn nằm ở vị trí “khách thể” nữa. Nhưng có điều mọi người chắc chắn đều nhận ra, *những nỗi buồn thâm và tối tăm của sự vật cũng như cuộc sống thường gặp lại ở những bài thơ hay*, do đó, sự nghiêng xuống khổ đau đối với thi nhân chỉ được xem như thường tình.

Chính vì chất thơ của Nguyên Sa không nằm ngoài vị trí tình yêu nên ngôn ngữ tình ái trong thơ Nguyên Sa được sử dụng với tất cả tài hoa của một tâm hồn phóng khoáng muốn dùng khả năng hữu hạn của ngôn ngữ để vẽ chân dung tình yêu với tất cả cảm xúc lúc nào cũng tràn dâng làm ngập lụt linh hồn:

*“Không có anh lấy ai đưa em đi học về  
Lấy ai viết thư cho em mang vào lớp học  
Ai lau mắt cho em ngời khóc  
Ai đưa em đi chơi trong chiều mưa  
Những lúc em cười trong đêm khuya  
Lấy ai nhìn những đường răng em trắng  
Đôi mắt sáng là hành tinh lóng lánh  
Lúc sương mờ ai thở để sương tan  
Ai cầm tay cho đỏ má hồng em  
Ai thở nhẹ cho mây vào trong tóc...”*  
 (“Cần thiết”)

Đoạn thơ trên, Nguyên Sa đi rất gần Tế Hanh tác giả thi phẩm *Hoa niên* thời tiền chiến. Tuổi trẻ nào chả vậy, bước chân thử nhất vào đời qua ngưỡng cửa nhớ mong, sầu mộng, qua “trời hải đảo”, “tóc bông bênh” với “lá gió trăm cây” với “mây trắng lênh đênh” để “lời ngỏ ý sẽ là kinh cầu nguyện”. Nhưng Nguyên Sa, một thi sĩ đã hiểu thấu đáo về luật thời gian, đã hiểu rõ thân phận mình và kẻ khác, chẳng phải do Triết học hay Khoa học mà chính nỗi ưu tư, phiền muộn do chính thực tế trao gửi. Chiếc bong bóng tình yêu của thi sĩ thả lên trời cao để mặc cho gió đẩy đưa, mặc cho giông gió huỷ hoại trong nỗi bàng hoàng của biệt ly, của thất bại:

*“Người về đêm nay hay đêm mai  
Người sắp đi chưa hay đã đi rồi  
Muôn vị hành tinh rung nhè nhẹ  
Hay ly rượu tàn run trên môi...  
Tôi muốn hỏi thăm người rất nhẹ  
Tôi đưa người hay tôi đưa tôi?...”*  
 (“Tiễn biệt”)

Nguyên Sa vào đối với bản tình ca trên môi, với lời chào trong mắt, với bước chân quán quít. Nguyên Sa sợ thời gian, sợ tan biến, sợ hư không, do đó, mỗi lời nói trao duyên, mỗi lần tình tự, người đọc nhận thấy sự vội vàng, sự níu kéo xen vào nỗi buồn rờn rợn như sắp đánh mất hay bị cướp đi sự quý báu thiêng liêng tưởng như đã thuộc-riêng-minh. Thơ Nguyên Sa hiện diện giữa cuộc đời với sự mong manh đó. Người đọc nhìn nó trong suốt như nhìn qua tấm pha lê có chạm trổ những hình nét tuyệt luân, nhưng chỉ một vô ý cón con tấm pha lê đó sẽ biến thành những mảnh thủy tinh nát vụn. Làm thơ không phải là công việc của riêng cá nhân hay của một thời đại nào nhất định. Sự hiện diện của thi ca, hàng loạt con người bất cứ ở đâu, bất cứ thời đại nào đều phải nhận rằng, năng khiếu thi ca không chỉ định một hiem hoi hay để tán tụng một bài thơ diễm tuyệt. Tiếng nói của thi ca tuy không làm chủ được định mệnh nhưng nó có mặt để trình bày một giá trị, một lời an ủi dịu dàng làm nguôi ngoai đau khổ. Vì biết rõ giá trị tương đối của Thi ca đứng trước thực tế, trong phạm trù nhân sinh nên Nguyên Sa dùng nó để

giải toả ẩn ức, giải toả mặc cảm mà mỗi con người phải cúi đầu vâng theo định luật thiên nhiên.

Nguyên Sa đã nhìn thấy *“sa mạc hoang vu chạy suốt linh hồn”* nghĩa là thi sĩ đã chấp nhận. Sự chấp nhận đây không phải là đầu hàng mà đích thực để hành động, để tránh né cái “không-thể-tránh” mong để lại những chứng tích thực thể trước cái yếu đuối của con người với ngàn vạn thất vọng, bi thương.

Vì quá yêu sự sống nên Nguyên Sa luôn luôn đẩy về phía trước những hy vọng:

*“Tôi sẽ sang thăm em  
Để những mái tóc màu củi chưa đun  
Màu gỗ chưa ai ghép làm thuyền  
Lùa vào nhau nhóm lửa...  
Tôi sẽ sang thăm em  
Để tình yêu đừng chua cay  
Để tình yêu là sóng  
Một dòng sông gặp gỡ một dòng sông...”*  
(“Tôi sẽ sang thăm em”)

Sự yêu thương và niềm hy vọng như một động cơ luôn luôn nổ máy để lấn át mọi hệ lụy do cuộc sống trôi dạt đến. Nguyên Sa thường cầu khẩn với lòng mình cũng như với người yêu:

*“Và tôi vẫn xin em  
Cho tôi ghi thật chặt  
Như chiếc thắt lưng xanh  
Ghi quanh lần áo vải  
Cho tôi tìm một chữ mới  
Không có trong hai mươi năm chữ cái  
Để bắt đầu tên em:  
.....”*  
(“Tự do”)

Ngay trong những đêm buồn thành phố, chán ngán cột đèn với những đại lộ quần chân, Nguyên Sa vùng dậy:

*“Bằng hơi thở thiên thần  
Bằng giọng nói đam mê  
Bằng ngón tay màu nhiệm  
Ta truyền  
Hỡi Sài Gòn ban đêm mở cửa!...”*

Mở cửa để làm gì? Để thi sĩ *“đi thanh tra những mái tóc băng quơ, những cánh tay buồn, những mối sầu thơ đại!”* để nghe ở đáy hồn cất lên tiếng nói: *“Sao không mang nặng cặp mắt Trần Dân, cánh tay Phùng Quán với thân hình vạm vỡ tình yêu?”* rồi tiếng nói vụt tắt, rồi xiềng xích áo cơm, danh vọng, bôn phận xiết lấy thân phận và chỉ có bóng đêm chứng kiến sự nổi loạn của tâm hồn cô độc trong nỗi nghẹn ngào chờ đợi bình minh.

Nguồn cảm hứng trong thơ Nguyên Sa như dòng sông lớn chảy phẳng phẳng ra biển cả, bỏ mặc hai bên những bến bờ nhân thế. Nhưng *“nỗi niềm của một kiếp người đã nhiều tháng ngày ngồi trong ngõ tối, để suốt cả đời chờ đợi tin yêu”* để nhìn *“hy vọng bay theo từng hy vọng”* đã làm Nguyên Sa vụt nghĩ đến cái chết. Cái chết mà Dante, thi hào Ý Đại Lợi ở đầu thế kỷ XIV

thét lên – “Tôi không hiểu tại sao, sự chết đối với một số đông lại có nghĩa là bại trận!”. Nguyên Sa không có cái can đảm của Dante, nên khi nói về cái chết vẫn hình dung đến sự ghê gớm, lạnh lẽo với tiếc thương “trên ấy”.

*“Anh cúi mặt hôn lên lòng đất  
Sáng ngày mai giường ngủ lạnh còn trùng  
Mười ngón tay sờ soạng giữa hư không  
Đôi mắt đã trũng sâu buồn ảo ảnh.*

*Ở trên ấy mây mùa thu có lạnh  
Anh nhìn lên mái cỏ kín chân trời  
Em có ngòi mà nghe gió thu phai  
Và em có thấp hương bằng mắt sáng?*

*Lúc ra đi hai chân anh đằng trước  
Mắt đi sau còn vương vất cuộc đời  
Hai mươi năm, buồn ở đây, trên vai  
Thân thể nặng đóng đinh bằng tội lỗi*

.....  
*Những bài thơ anh đã viết trên môi  
Lửa trái đất sẽ nung thành ảo ảnh...”  
 (“Lúc chết”)*

Trong thơ Nguyên Sa người đọc ít tìm thấy sự bi thảm quá đỗi. Nỗi đau của Nguyên Sa đã biến thành cái đẹp, do đó, chẳng cứ gì cái chết mà ngay cả cuộc chiến đã từ mấy chục năm với dung nhan của đổ vỡ, chia lìa, với từng ngón hoài nghi đang len lách phá hoại, huỷ diệt nếp suy tư, đạo hạnh ở mỗi con người, chẳng hề làm thi sĩ bận tâm. Nếu có một dòng thơ nào phải nhắc đến chiến tranh, Nguyên Sa cố cho nó lướt nhanh và mờ đi ở giữa những hình ảnh và ý nghĩ dạt dào nóng bỏng môi hôn. Nguyên Sa đã sống ngoài cuộc sống và đặt thi ca vào vị trí đúng của nó trong môi trường vĩnh cửu.

*“Cả mái tóc đã thành rừng lo ngại  
Mỗi chân tơ có mong nhớ xanh um  
Khi môi anh nặng trĩu trái thơm ngon  
Khi em đến mang theo dòng nhựa ngọt  
Huyết quân thành sông chảy linh hồn lá biếc  
Cánh tay là cầu mang thương mến qua sông  
Anh nghe thơ thức dậy tuổi mười lăm  
Anh nghe em bước vào thơ xán lạn...”  
 (“Kỳ diệu”)*

Ngôn ngữ tình yêu trong thơ Nguyên Sa chẳng riêng có những Kiều những Thu, những Loan, những Đàm đã cho thi sĩ trời xanh và những nụ cười “*thơm mùi tội lỗi*”, ngôn ngữ ấy cũng chẳng phải để làm vui cho một “*giải trí phùng*” mà đích thực “*để dâng người lấy nửa dòng nước ngọt*” cũng như thi sĩ “*đến đây không ai mời, đi cũng đừng ai giữ, nếu có tạc tượng bằng đá trắng, đồng đen, cũng đừng bày ở sân trường đại học, đừng bày ở Công trường, xin nhớ để giùm ở một góc Công viên. Để những đêm khuya (rất khuya) thi sĩ có thể nhìn mặt trăng soi gương và ngắm những người yêu nhau tình tự*”.

\*\*\*

Tính đến hôm nay, thi phẩm của Nguyên Sa đóng góp với nền văn học nghệ thuật chỉ có mấy chục bài thơ mang tựa đề chung Thơ Nguyên Sa. Đứng về số lượng, thành thực mà nói chưa

hiều, nhưng trong 10 năm qua nó đã tạo nên ảnh hưởng lớn lao đối với những người làm thơ và yêu thơ nhất là lứa tuổi thanh niên. Félix Arvers ở thế kỷ XIX lưu danh hậu thế chỉ có một bài Sonnet. Nguyên Sa đang và còn sống. Những bước chân dài rộng của thi sĩ có thể vượt những bước phi thường mà bây giờ chưa đoán biết. Ngoài tài làm thơ, Nguyên Sa còn viết văn, làm báo, mở trường và dạy triết.

Nhưng tất cả những công việc nói trên đều bị thi ca lấn lướt bởi nhòe nhoẹt vóc dáng. Nói đến Nguyên Sa là nói đến Thơ, đến tình yêu đôi mươi, nói đến một vòm trời Tình ái với *"ngày tháng không thể làm mòn phai những lời đắm đuối"*.

Do đó, Nguyên Sa đúng là thi sĩ của Tình yêu và Tuổi trẻ chẳng phải do hiện tại, còn cho ngày mai phía trước.

## Nói về thơ, Nguyên Sa... Nguyễn Mạnh Trinh

Thi sĩ Nguyên Sa nói chuyện về thơ? Hồi nào? Dường như thi sĩ đã đi vào miền vĩnh hằng ngày 18 tháng tư năm 1998 rồi mà! Thì, làm sao hôm nay, bây giờ có thể nói chuyện với chúng ta về thơ được? Thế mà, với tôi, giờ lại những trang hồi ký, như đang tiếp tục câu chuyện về thi ca, về những bài thơ mà có người phê bình là những "châu báu bất được của trời". Nguyên Sa một đời làm thơ và sống chết với thơ. Khi ông đang nằm trên giường bệnh, dù đang thập tử nhất sinh ông vẫn lo lắng để chuẩn bị cho in tập thơ "Thơ Nguyên Sa tập 4". Thơ với ông là một vũ trụ mệnh mông mà cuộc sống vẫn còn dù thân xác có bị hủy hoại theo luật thiên nhiên.

Thơ Nguyên Sa không phải chỉ thuần túy thi ca mà còn chất chứa cuộc sống thực tế và cả những ước mơ nữa. Như, câu phê bình của tổng thống Ngô Đình Diệm về một giáo sư trẻ Trần Bích Lan mà bác sĩ Trần Kim Tuyền đã kể lại: "ông cụ bảo cậu lãng mạn". Có phải tâm tính lãng mạn là luôn luôn nuôi dưỡng những giấc mơ? Quả thực, trong suy nghĩ biểu hiện bằng ngôn ngữ thi ca, Nguyên Sa là một người làm thơ lãng mạn. Đọc những trang hồi ký, nghe thi sĩ nhắc lại những bài thơ và những trường hợp đã có cảm hứng để viết, mới thấy câu nhận định trên là chính xác. Những bài thơ, dù viết ở đâu, từ lúc đất nước thanh bình đến khi trời làm tao loạn, hay lúc lưu lạc xứ người, thơ vẫn là những biểu tượng của một cuộc sống tràn đầy ước mơ.

Giữa con người thực dụng và con người viễn mơ, có lẽ triết lý đã điều hòa cả hai để có một chân dung thi sĩ. Triết học không lấn áp thi ca mà trái lại làm cho ngôn ngữ thơ có sắc thái riêng. Thi sĩ viết: "Tôi cũng nhớ, ngay lúc đó, khi đọc bài văn nói về văn chương viễn mơ của Mai Thảo, một năm trước, tôi thấy văn chương viễn mơ không phải là mục tiêu mà tôi nhắm tới, văn chương viễn mơ không phải là tôi.. Tôi mơ hồ cảm thấy làm thơ mà cứ phải dần thân triển miên thì.. mệt quá! Nhưng tôi cũng không muốn sống, trong cuộc đời cũng như trong tác phẩm, cắt lìa khỏi, một cách thường hằng, mọi đam mê của đời sống. Tôi mơ hồ cảm thấy những lý luận thuần lý, những triết học nhất quán, những lô gic chặt chẽ và thơ có một khoảng cách. Dường như, càng xa lý thuyết thơ càng nhiều thơ, càng cột chặt hồn mình vào lô gic, thơ càng ít thơ hơn. Tôi đọc, tôi đọc. Tôi sửa lại một chữ, rồi một chữ khác Tôi mơ hồ cảm thấy tôi không muốn trở thành một nhà thơ dần thân. Tôi cũng mơ hồ cảm thấy tôi không phải là một đệ tử trung thành của nghệ thuật vị nghệ thuật. Tôi là người làm thơ tình mà vẫn xúc động trước những khổ đau của quê hương, dân tộc tôi."

Có những bài thơ viết về Paris, như một kỷ niệm trong đời. Thành phố, nhắc đến những người bạn và những cuộc giã từ, Ra đi nhưng để tấm lòng mình ở lại. Những dòng hồi ký

không những là nhớ lại mà còn làm sống lại những ngày tháng ấy. Một đoạn đời hóa sinh vào thơ, mơ mộng và diễm ảo. Thơ. Là dấu ấn cho lãng mạn dâng cao:

"... Tôi thấy tôi và những tôi cầm tay bạn bè bịn rịn, tôi thấy tôi và những tôi từ trên thang cao của máy bay vẫy tay lần cuối, tôi thấy ngọn đèn đêm của Eiffel quét những đường sáng dài vẫy tay. Những Tiễn Biệt, những Paris Có Gì Lạ Không Em, từ bóng đêm của vô thức và sương mù đất tay sông Seine đi tới.

### Paris có gì lạ không em?

*Mai anh về em có còn ngoan  
Mùa xuân hoa lá vương đầy ngõ  
Em có tìm anh trong cánh chim  
Paris có gì lạ không em  
Mai anh về giữa bên sông seine  
Anh về giữa một dòng sông trắng  
Là áo sương mù hay áo em  
Em có còn đứng ở bên bờ sông  
Làm ơn che khuất nửa vầng trăng  
Anh về có nương theo dòng nước  
Anh sẽ tìm em trong bóng trăng..*

Những điệp khúc "Paris có gì lạ không em" đặt ra những câu hỏi để dẫn về những nơi chốn mới đây gần gũi mà bây giờ xa biệt. Hoa lá để nhớ đến cánh chim, dòng sông mù sương trắng nhớ đến áo em huyền ảo cũng như vầng trăng in dưới dòng nước nhắc nhở đến gương tượng em trong bóng trăng. Thiên nhiên là của kỷ niệm nhắc nhở, mỗi khi nhớ là tìm lại được những hình ảnh mới của Em, của người tình của một thành phố như đã thành cổ tích... Một bài thơ khác, của một thành phố khác, của đất nước Việt Nam, mà bây giờ lại xa cách trong cảm giác lãng đãng của những câu thơ bình bằng. Sài Gòn, thành phố mà trong bộ nhớ nhiều người đầy ắp những kỷ niệm. Có khi là của lúc xôn xao thời mới lớn, có khi là của những ngày chiến tranh, của những ngày phép của người lính trẻ, của một thời của một đời người. Nguyễn Sa làm bài thơ "Tám phố Sài Gòn" trong cái khí hậu văn học của một thời nhiều sôi động. Thi sĩ đã viết về một trường hợp sáng tác:

"... Nguyễn Đình Vượng nói tôi muốn Nguyễn Sa cho Văn một bài thơ, tôi hỏi thơ hay văn xuôi, anh Vượng nói rõ thơ, tôi ngập ngừng rồi nêu lên câu hỏi:

- Thơ Xuân?

Nguyễn Đình Vượng gật đầu vững chắc:

- Thơ Xuân.

Anh chỉ khẳng định chính xác như thế trong một giây ngắn, anh mau chóng đưa ra chọn lựa thoải mái hơn:

- Thơ Xuân... Hay thơ gì cũng được.

Tôi vui vẻ nhận lời, mấy hôm sau tôi mang tới tòa soạn Văn bài "Tám phố Sài Gòn".."

Tám Phố Sài Gòn, là những câu thơ của bồi hồi về một thánh địa tình yêu, của những xúc cảm thoáng qua, của những hình ảnh đẹp khó quên trong bộ nhớ. Tôi yêu Sài Gòn nên yêu những câu thơ mang đến cho tôi một thời gian, không gian "thiên liêng", của cả một thời thơ ấu và trưởng thành riêng tôi. Và, rất lạ lùng, nhiều người đọc thơ cũng cùng chung những xúc cảm những suy nghĩ như thế. Thơ của một người nhưng hình như là của riêng nhiều người. Khi nhắc lại, là một trùng trùng đại dương xao động. Sài Gòn. Vẫn còn, nhưng như đã mất. Trong tôi...

Đọc những bài thơ như Tám Phố Sài Gòn, như Áo Lụa Hà Đông, trong khi lái xe, lúc ở sở làm hay mơ mộng một mình trong phòng đọc sách ở nhà nhìn ra biển và bầu trời, lúc nào cũng như lúc nào, thấy mình sống lại những phận đời, hồi sinh lại những nỗi nhớ trong cái xúc cảm mơ hồ của một người đi phiêu du ở một chốn nào mà suy nghĩ mãi ngân vang như những sợi đàn căng rưng rưng những âm vận trùng trùng nhưng nhớ.

Viết về thơ của mình, thi sĩ Nguyễn Sa tâm sự:

"... Tôi không muốn đi, tôi muốn ở lại, tôi gọi trở về quê hương là đi, tôi gọi tới Paris là về. Tình yêu của tôi ở đó, phần đời có trọng lượng của toàn thể của tôi ở đó. Cảm xúc lớn lao, giao động cực mạnh mang lại hàng loạt những bài thơ về biệt ly. *Paris có gì lạ không em, Tiễn biệt, Paris. Tôi khởi sự thơ với chủ đề ly biệt.* Tôi bắt đầu cùng lúc những bài tình ái và những bài biệt ly. Cũng có thể nói được như thế. Thơ chủ đề biệt ly và thơ chủ đề tình yêu đến gần như trong cùng một thời gian. Xen kẽ. Hỗ trợ. Trong thơ tình có khắc khoải chia xa. Trong Tiễn biệt, *Paris có gì lạ không em, Paris có gục đầu trên vai nhau. Nga đẩy ắp Paris là bài thơ tình đầu tiên*, sau đó là Tuổi Mười Ba, của thời kỳ Paris gục đầu trên vai nhau. Paris tiễn nhau ở gare De Lyon, ở phi trường Orly, Áo Lụa Hà Đông, Tháng Sáu trời Mưa, *Cần Thiết của Sài Gòn 1956 và những năm kế tiếp, Nga 1955, Tiễn biệt đầu tiên. 1953, hai bài Paris 54 và 55.* Thơ tình của những ngày tháng hôn nhân đến trước thơ tình của tuổi học trò. Áo Lụa Hà Đông, Tuổi Mười Ba, *Tháng Sáu Trời Mưa trình làng ở Sáng Tạo, khi đã trở về Việt Nam, làm khoảng* thời gian 56-57. Nga in trên tờ thiệp báo hỷ, bài thơ tương đối dài làm cho người bạn ấn loát in tặng phải chọn lựa tờ giấy lớn hơn thiệp báo hỷ rồi gấp lại làm ba. Tờ thiệp báo hỷ của tôi in trên khổ giấy năm rưỡi tám rưỡi, giấy bảy chục gam, loại láng, in chữ nghiêng, tời chữ O của "môi em tròn như chữ O" câu thơ in nghiêng, anh bạn ấn công chỉ cho tôi thấy chữ O anh đã chọn kiểu chữ thẳng, rất tượng hình thơ..."

Nguyễn Sa còn làm thơ về những ngày ở lính và chiến tranh ở đây đã được nhìn ngắm với con mắt của người trong cuộc. Một cuộc chơi tàn bạo được bày ra với tất cả những sự phi lý của nó. Những người tham dự, dù tình nguyện hay bắt buộc, cũng bị lôi đi trong con lốc mịt mờ của thời thế. Đọc bài thơ Sân bắn, để thấy được tâm tư của một người trong cuộc. Một cách tình cờ, bài thơ được viết ra trong một khung cảnh yên bình của Sài Gòn buổi chiều nhưng lại là những cảm giác từ quân trường, nơi sân bắn có hình nhân phơ phất, có tiếng kêu "Bia lên" để làm đích đến cho những viên đạn vô tình:

"... Tôi không có ý định làm bài lục bát đó, tự nó tới, bật ra. Tôi dừng xe lại ở Bưu Điện Sài Gòn, hí hoáy ghi lại Sân Bắn. Con trai tôi từ trường Taberd đi ra, trèo lên băng sau của chiếc Volkswagen, chờ tôi lái đi. Tôi chép cũng vừa xong. *Sân Bắn được đăng trên một tạp chí ở Sài Gòn trong thời điểm đó, được in trong Thơ Nguyễn Sa tập Hai, hai mươi năm sau, năm 1988 ở Quận Cam.*

## Sân Bắn

*Bia lên ta thấy thân người  
Thấy ta thấy địch, thấy đời lãng du  
Thấy tay dư, thấy chân thừa  
Thấy tai nghênh ngãng, mắt mù óc không..  
Một đời phơ phất hình nhân  
Thấy còn thấy hết, sau cùng thấy đau  
Bia lên thấy mẹ u sầu  
Giấy bồi toi tả cú đầu trong ta  
Trời cao ngó xuống thịt da  
Bia lên trông cũng vật vờ cỏ xanh  
Bia lên tìm chỗ ta nằm*

*Non cao duỗi căng em còn thấy đâu  
Hầm bia buồn đến mộ sâu  
Nghìn cây nển thấp trên đầu đạn bay*

Và nhà thơ đã viết về những suy nghĩ và cảm xúc của mình để bật lên thành thơ.:  
"Khi Sân Bắn, thơ, đến với tôi, bia cũng tới, đầu tiên, không có chân tay, cảm xúc của thơ mang cho Sân bắn thơ thêm hình ảnh của ta, của địch, thân phận con người, sự vong thân của bản ngã..."

... Bầu trời của Sân bắn có bia lên, có thân người, có ta, có địch, có tay chân thừa thãi, có tác dụng của xạ trường đến nơi thính giác và cả trí tuệ. Ốc tai, hình nhân, giấy bồi, hầm bia, đạn đầu lửa bay trong những buổi thực tập tác xạ ban đêm. Tôi biết kỹ thuật thi nhân từ trước khi thực hiện Sân Bắn, từ lâu. Cũng như nhiều người làm thơ, tôi có một thời kỳ lục bát buổi đầu đời. Thi nhân vừa dẫn bài thơ vô, vừa dẫn từ câu này qua câu kia từ đoạn này sang đoạn khác. Luận lý của suy luận là do đó, là cho nên, là vậy thì. Có thể là tất cả những từ đó và những từ tương tự khác cùng loại.

*Tất cả mọi người đều phải chết  
Socrate là người  
Socrate phải chết*

Chân lý của kết luận chứa ẩn trong những đại tiền đề. Chân lý của tiền đề, bằng những do đó, là vậy thì, là cho nên, đi tới kết luận. Nói rõ ra cũng tốt, không nói tới cũng tốt. Từ ngữ hiện hay ẩn đưa tới kết luận là đưa tới chân lý tất yếu đã nằm trong những tiền đề. Thi nhân của thơ đưa tới những kết luận khác biệt, không tiên liệu trước được, nháy qua trùng điệp những đòi núi, những bình nguyên rơi xuống một miền đất của riêng. Bia lên mở ra thân người, mở ra thế giới mà khoảng cách giữa ta và địch bị tiêu hủy bởi cái chết, mở ra sự thừa thãi của tay chân, sự bất lực của giác quan và trí tuệ. Trong Sân Bắn, thi nhân hơn một nửa làm nhiệm vụ của liên tự, nó cho phép nói nhiều với ít chữ hơn.

Bầu trời của thơ không phải là bầu trời của sân bắn xạ trường. Bầu trời Sân Bắn thơ có những đám mây của nó, có vài phần vật liệu từ hơi nước bay lên, nhưng lại có nhiều phần mây có màu sắc bay tới từ thế giới nội tâm, có những đám mây màu sắc tình cảm, đám mây màu sắc suy tư, đám mây màu ngậm ngùi thân phận.

Chủ nghĩa tả chân và những anh em của nó, như tả chân xã hội, khó lòng mang lại bầu trời thơ, vì không gian của nó hạn hẹp, chỉ có mây của nước bốc hơi, không có chỗ nào cho những đám mây tuyết vời kia."

Thơ, với thi sĩ, không phải là một trò chơi nữa, mà trở thành một cách thể sống, của da thịt xương tủy hiện hữu tháng ngày. Những câu hỏi bật ra từ quá khứ. Từ tuổi nhỏ đã phải chịu những tháng ngày tù ngục đọa đầy của Cộng sản, rồi thoát được, đi du học, rồi trở về nước, dạy học và rồi lại lưu lạc xứ người trong những tháng năm còn lại. Bao nhiêu là dấu ấn đã in đậm trên những trang thơ. Những dấu ấn của thời thế. Những dấu ấn của tình yêu. Thành ngôn ngữ, thành hình ảnh, thành vần điệu để như những tần số cùng âm hưởng giao thoa với tất cả những chất chứa của thời đại, của cả một thế hệ cứ mãi miết hoài trong vòng cuồng loạn của đồng tổ chiến tranh.

Với Nguyên Sa, chiến tranh là một thực tế của đất nước. Và thơ của ông phần nào biểu lộ cái thực tế ấy. Những bài thơ như Cầu Siêu Cho Nguyễn Quan Đại Chết Ở Khe Sanh, Thăng Sĩ Chết, Thơ Cho Bạn Ở Trong Tù Trong Tù, Cắt Tóc Ăn Tết,... Có chút bi phẫn, có chút suy tưởng nhưng hình như là biểu lộ chân thực tình cảm của một người sống trong thời đại đầy nhiều nhượng, nhiều biến cố.

Trong "Thư cho bạn ở tù", những câu lục bát chân thành về nỗi đau thời thế:

*Bây giờ mày ở trong tù  
Đêm nằm muỗi cắn nhớ nhà không con  
Chúng nó nói chuyện văn chương  
Tao nghe nóng mặt cời quần nhìn sông...  
... Tao đi lính được bốn năm  
mày nghe chuyện lính tưởng rằng tao gân  
tưởng tao trần thủ lưu đồn  
một tay cờ kiếm anh hùng chí cao  
bốn năm thi sĩ nằm khoèo  
rượu say thơ cũng mệt nhòa tứ chi  
quanh tao vẫn một lũ hề  
những thằng mang điếu vác cờ chạy quanh.."*

Thi sĩ đã viết về một bài thơ khác, viết về mùa xuân, nhan đề cũng xuân nhưng không có nét xuân hồng nào ở trong: Cắt Tóc Ăn Tết

*Cắt cho ta hãy cắt cho ta  
Cắt cho ta sợi dài  
Cắt cho ta sợi ngắn*

### **Cắt Cái Sợi Nói Dối**

*Sợi ăn cắp trên đầu  
Sợi vu oan dưới gáy  
Sợi bẻ phái đâm ngang  
Sợi ghen tuông đứng dọc  
Sợi xích chiến xa, sợi giây thòng lọng  
Sợi hươu chiến mỏng manh, sợi hận thù buộc chặt  
Sợi nắp trong hầm  
Sợi ngòi trong hố  
Sợi đau xót như giầy dù chẳng mở  
Sợi treo cổ tình yêu, sợi trói tay hy vọng.."*

Nhưng, những bài thơ sống mãi của Nguyễn Sa vẫn là thơ tình yêu. Những bài thơ như Áo Lụa Hà Đông, như Tuổi Mười Ba, như Tám Phố Sài Gòn, như Paris Có Gì lạ Không Em,... đã vượt qua không gian, thời gian để sống mãi. Thậm chí, nó còn vượt qua những chiến tuyến, qua những định kiến chính trị để thành một gia sản quý báu của văn chương dân tộc Việt Nam. Thế mà, khi viết hồi ký, ông lại ít đề cập tới. Không hiểu có phải là phản ảnh tâm lý mà ông đã nói trong cuộc phỏng vấn trước tám năm ngày ông từ trần:

"Đề tài tình yêu thường thay đổi theo thời gian... trước năm 1963, tình yêu đó thuần túy những cảm xúc, những đam mê. Đó là niềm đam mê, lúc tin tưởng mạnh mẽ, lúc rụt rè thắc mắc, lúc muốn ngỏ lời, lúc không dám ngỏ. Nhưng về sau lúc người ta 50, 60 tuổi, đam mê tình ái không còn nữa, như sao xuyên về một tà áo trong sân trường, như bồi hồi vì một mái tóc xõa ngang vai, không có nữa. Thời gian xóa bỏ nhiều thứ. Tình yêu có bóng dáng của sự buồn phiền xót xa vì thời gian trôi qua. Và ngậm ngùi nhận ra rằng việc chấm dứt cho tất cả mọi sự sẽ phải tới. Khi nào suy nghĩ ấy xen lẫn trong đời sống trong tình yêu trong thơ, tất cả sẽ chán chường. Võ sĩ lên đài mà không nghĩ đến chiến thắng, đến tiền thưởng mà chỉ nghĩ đến cái chết gần tới thì chắc chắn quả đấm của võ sĩ ấy phải khác với một võ sĩ chỉ nghĩ đến cách thể để cho đối thủ quy ngã. Đối với tôi tâm sự về tình yêu lúc 50 tuổi trở lên như võ sĩ lên đài thay



vì chiến đấu mãnh liệt say mê thì lại đưa quả đấm giơ lên rồi bỏ xuống. Tư tưởng cái chết ám ảnh mạnh mẽ tình yêu.."

Dù rằng thi sĩ đã hiểu:

*Cuộc đời dẫu có phù vân  
Ở trong mây nổi có phần thiên thu*

Nhưng những câu thơ đã để lại cho đời sau là những câu hỏi để mở cửa bước vào cõi thơ, như Cần Thiết: "Không có anh lấy ai đưa em đi học về/ lấy ai viết thư cho em mang vào lớp học/ ai lau mắt cho em ngồi khóc / ai đưa em đi chơi trong chiều mưa?/.."; như "Paris có gì lạ không em?/mai anh về mắt vẫn lánh đen/vẫn hỏi lòng mình là hương cốm?chả biết tay ai làm lá sen??.."; em ở đâu?, hỏi mùa thu tóc ngắn/ giữ hộ anh màu áo lụa Hà Đông/ anh vẫn yêu màu áo ấy vô cùng/ giữ hộ anh bài thơ tình lụa trắng/...". Ơi, những câu hỏi để thành những câu thơ bất tử của văn chương Việt Nam thế kỷ 20... Và tôi cũng như nghe thấy câu hỏi, được khắc lên trên bia mộ của một thi sĩ lớn:

*Nằm chơi ở góc rừng này  
Chưa thiên thu cũng đã đầy cỏ hoang  
Xin em một sợi tóc vàng  
Làm hoa khởi sự cho ngàn kiếp sau  
Biết đâu thảo mộc bớt đau?  
Biết đâu có bản kinh cầu dâng lên?*

Vâng, biết đâu! Phải biết đâu chuyện ba trăm năm sau khi tác lòng thi sĩ vẫn còn mãi mãi qua thăm thẳm thời gian những kiếp người?

## **Trần Bích Lan (1932-1998) Lưu Trung Khào**

Nguyên Sa , tên thật là Trần Bích Lan, sinh ngày 1 tháng 3 năm 1932 tại Hà Nội.

Thân phụ là một nhà kinh doanh lớn tên Trần Văn Chi.

Thân mẫu khuê danh là Đoàn thị Xuân.

Tổ tiên nguyên gốc ở Thuận Hoá (Huế).

Ông cố là Thượng Thư Trần Trạ làm việc trong triều đình, đến đời ông nội mới ra lập nghiệp ở Hà Nội.

Sau khi kháng chiến toàn quốc bùng nổ, ông cùng gia đình tản cư ra Vân Đình (Hà Đông).

Nơi đây, ông bị bắt giam (15 tuổi) và trải qua nhiều ngày tháng trong lao tù.

Hồi cư về Hà Nội, gia đình cho ông qua Pháp du học vào năm 1949.

Năm 1953, ông đậu tú tài Pháp và rời Provins lên Paris ghi danh học ngành Triết học ở đại học Sorbonne.

Năm 1955, ông lập gia đình với bà Trịnh Thúy Nga ở Pari và đầu năm 1956 thì hai ông bà trở về nước.

Ông dạy Triết Học tại trường Trung Học Chu Văn An và mở những lớp riêng dạy Triết Học cho học sinh chuẩn bị thi bằng tú tài hai.

Ông cũng có dạy Pháp Văn nhưng rồi bỏ dạy môn ngoại ngữ này để chỉ dạy Triết Học. Sau đó , do lời mời của giáo sư Nguyễn Khắc Hoạch, ông có dạy môn Triết tại trường Đại Học Văn Khoa. Ngoài hai trường nhà là Văn Học và Văn Khôi, ông còn cộng tác với nhiều trường tư

thực lớn ở Sài Gòn: Văn Lang, Nguyễn Bá Tòng, Hưng Đạo, Thủ Khoa, Nguyễn Thượng Hiền, Lê Bảo Tịnh v.v..

Cũng trong thời gian này, ông gia nhập Trung Tâm Văn Bút Việt Nam, và Tổng Hội Giáo Giới Việt Nam với chức vụ Phó Chủ tịch.

Vào thập niên 1960, ông chủ trương tạp chí Hiện Đại là một trong ba tạp chí hàng đầu của văn học miền Nam lúc bấy giờ là: Sáng Tạo, Hiện Đại, Thế Kỷ 20.

Nhập ngũ năm 1966, ông tốt nghiệp trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức (khoá 24) và phục vụ tại trường Quốc gia Nghĩa tử liên tục từ năm 1967 cho đến ngày bỏ nước ra đi (1975).

Thoạt tiên ông cùng gia đình định cư ở Pháp (1975), nhưng ba năm sau thì gia đình rời Pháp qua Hoa Kỳ và định cư ở Irvine, California từ đó cho đến nay. Thời gian ở Pháp, ông cùng với nữ sĩ Minh Đức Hoài Trinh và nhà văn Trần Tam Tiếp vận động thành công việc thành lập Trung Tâm Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, hội viên chính thức của Trung Tâm Văn Bút Quốc Tế. Qua Hoa Kỳ, ông tiếp tục những hoạt động văn học:

Chủ nhiệm, chủ bút tạp chí Đời, Phụ Nữ Việt Nam, và báo Dân Chúng

Ông cũng làm thơ trở lại, sáng tác rất đều, đã ấn hành nhiều tác phẩm, đáng kể nhất là:

Thơ Nguyên Sa tập hai,

Thơ Nguyên Sa tập ba.

Nằm trên giường bệnh, ông đang chuẩn bị cho in Thơ Nguyên Sa tập bốn, thì hồi 2g25 ngày 18 tháng 4 năm 1998, ông đã rời bỏ cõi đời tạm này để đi vào miền vĩnh hằng, hưởng thọ 67 tuổi.

Bút hiệu Nguyên Sa, ông sử dụng từ hồi ở Pháp và theo lời ông thì bút hiệu đó *"không có ý gì sâu sắc cả. Thành thực, lúc nào tôi cũng cho tôi là một số không, tôi không lớn, nên tôi tự cho mình vốn dĩ chỉ là hạt cát"*.

Ngày hôm nay, "hạt cát trở về với cát bụi" tuy nhiên trong hạt cát đó có thể có đủ cả hai vầng nhật nguyệt, cũng như trong: *"Cuộc đời đâu có phù vân" thì "ở trong mây nổi, có phần thiên thu"* như lời thi sĩ Nguyên Sa đã diễn tả.

## Nguyên Sa, Hà Nội Phan Lạc Tiếp



Khi loạt bài viết về quê nhà sau 40 năm trở lại, tôi được nhiều người gọi tới thật bất ngờ. Một trong những sự bất ngờ đó là thi sĩ Nguyên Sa. Anh gọi lại và nói: "Xin phép anh cho tôi được in lại loạt bài của anh trên báo Dân Chúng của tôi..." Tất nhiên là tôi vui vẻ nhận lời ngay. Tôi nói: "Cảm ơn anh, đã gọi và ngộ ý như thế. Đó là một niềm vui cho tôi. Hơn nữa, chính lúc này có nhiều báo tại nhiều nơi họ đang in lại mà chẳng ai "xin phép" tôi cả. Họ cũng chẳng gửi cho tôi một bản để làm duyên..." anh Nguyên Sa cười và tiếp: "Cái đó lạ. Mà hầu như lại là một cái lệ ở làng báo Việt Nam này. Cái lệ thật tẻ..." Anh vẫn chỉ cười và tiếp: "Loạt bài của anh tôi

thích quá. Tôi học tiếng Việt ở bên Tây, và lúc nhỏ cứ tưởng Tây nó mới hay. Nay đọc loạt bài của anh..." Từ đó, từ giữa năm 1994 đến nay, anh Nguyễn Sa cứ lâu lâu lại gọi lại, cho biết những sinh hoạt, những tin tức về bè bạn, về văn học các nơi, và anh còn nói: "Tôi đau hoài khá nặng. Nhà tôi ở Irvine, trên đường anh đi lên Santa Ana, nên rất là mong mời anh chị ghé chơi để chúng ta có cơ hội nói nhiều hơn về quê cũ, về Sơn Tây, Hà Nội ..."

Tôi đã nhận lời, và nghĩ "thì cứ từ từ, hôm nào rảnh rồi sẽ lên thăm anh Nguyễn Sa ..." Lời hứa hãy bỏ đó, và thỉnh thoảng anh Nguyễn Sa lại gọi tới. Qua những cuộc điện đàm, tôi được anh cho biết: "Năm 1947 thì phải, lúc tản cư khỏi Hà Nội, gia đình tôi chạy tạt về vùng Thạch Thất, quê anh đấy. Lâu quá không còn nhớ rõ. Tôi chỉ biết là có đi qua cống Đặng, qua con sông, rồi ở nhờ mấy làng ở chân núi." Tôi lại cười và tiếp lời anh: "Cống Đặng thuộc làng Đặng Xá, làng của anh Tú Kếu – Trần Đức Uyển. Còn cái làng bên kia sông, ấy là các làng có cái tên thật hay là các làng Càn Kiệm, Phú Lễ, Phú Đa, Trúc Động, Hạ Lô, ở quanh chân núi Câu Sơn, bên kia con sông Tích Giang ..." Tôi vừa nói đến đó thì anh Nguyễn Sa vội ngắt lời: "Phải rồi, Trúc Động, tôi nhớ rồi ... Làng đầy tre. Một thứ tre to, lá lớn..." Tôi tiếp lời anh: "Đó là loại tre mai, lá to như một con cá. Thân tre to và thẳng. Đó là quê của anh Dương Nghiễm Mậu – Phí Ích Nghiễm". Anh lại cười và nói: "Lạ thế ra nơi đó có nhiều người nổi tiếng quá nhỉ ..." Tôi tiếp: "Vâng các anh ấy nổi tiếng chứ không phải tôi". Anh cười. Tôi tiếp: "Hạ Lô, như một số sử liệu mới được phát giác, chính là nơi xuất phát cuộc khởi nghĩa của hai vị nữ anh hùng Bà Trưng – Bà Triệu". Cứ như thế, qua lại và nêu thắc mắc, khi tôi viết về Quang Dũng và nói đến chị Hồ Điệp, thì anh lại gọi và nói: "Thế ra anh biết anh Quang Dũng kỹ quá nhỉ. Kể như cùng quê với nhau. Từ làng anh, làng Nũa ra Phùng rất gần. Và chị Hồ Điệp nữa, người làng anh nhỉ."

Nói về chị Hồ Điệp, tôi muốn nói về quê ngoại của chị ấy và cũng là quê ngoại của chị Thái Hằng, Thái Thanh. Quê thật lắm tài... Đàn ông thì hát chèo thật hay. Đám chèo làng phải phục. Con gái thì hầu như tất cả đều hát rất giỏi. Vì Hiệp là đất bãi, đất cát chỉ trồng mía và dâu, không thể cấy lúa được, nên đến mùa gặt, trai gái làng Hiệp (Hiệp Thượng và Hiệp Hạ) đến đất làng tôi cả làng quanh đấy để gặt thuê. Chính dân làng Hiệp trong các phiên gặt lúa ấy đã là đầu mối của các đêm hát ví tất là vui. Đó là những đêm trăng, lúc làm việc nhẹ, hoặc chờ một ngày nghỉ giữa hai ngày đi gặt, họ đã cất tiếng hát, hát đũa, hát đố các thanh niên nam nữ làng Nũa. Họ hát cho vui và còn để bày tỏ cái tài ứng đối rất văn vẻ của dân làng Hiệp. Tất nhiên thanh niên làng Nũa đâu có chịu lép. Con gà tức nhau tiếng gáy. Phải đối lại chứ. Vì thế có những đêm hát ví thật là khuya. Từ khi con trăng mới lộ ở đầu cây bưởi, cho đến khi con trăng sáng rực giữa trời, họ vẫn còn hát. Càng về đêm trăng càng như sáng hơn, tiếng hát của đôi bên hình như trong hơn. Các câu đố càng về khuya càng tức nên khó hơn và tình tứ hơn...

Tôi có nói chuyện này với anh Nguyễn Sa, anh bảo: "Tiếc nhỉ. Tôi không có dịp sống ở nhà quê nhìn lúa như thế. Nhà quê thật là đẹp. Tôi đi Pháp sau khi tản cư về lại Hà Nội. Ở Pháp tôi học tiếng Việt..." Nỗi hối tiếc rất văn nghệ này của anh Nguyễn Sa, tôi thông cảm được. Vì anh Nguyễn Sa là con nhà giàu, rất giàu, được sinh ra giữa lúc nền cai trị của Pháp đang mạnh mẽ, muốn tiến thân các con nhà khá giả phải đi học trường Pháp. Nếu được gửi ra hải ngoại, hiểu là sang Pháp du học, là con đường chắc nhất. Học từ "chính gốc. Nói tiếng Tây như Tây.." Anh Nguyễn Sa sinh vào đầu thập niên 30. Lúc nhỏ như anh cho biết là đi học trường Tây, rồi qua Tây. Nhà anh, lúc bé tôi có biết. Biết vì nhà anh rất đặc biệt, hầu như ai ở Hà Nội đều biết. Nhà anh không ở Hà Nội 36 phố phường như Hàng Đào, Hàng Vải, Hàng Đồng... .. Nhà anh ở khu phố Tây. Một khu phố bậc nhất. Tên phố ấy tiếng Pháp gọi là gì, tôi đã quên mất, nhưng tên Việt là Tràng Tiền. Nhà anh ở ngay căn đầu, ngay ngã 6, bắt đầu từ Nhà Hát Lớn nhìn ra. Phố ấy "chỉ có Tây nó ở" Các nhà hàng lớn của Tây ở đây. Nhà anh có một cái bảng hiệu thật to, vẽ một người được xếp lại bằng cái bánh xe cao su. Vì các cụ thân sinh ra anh là một trong mấy người thành công nhất Hà Nội lúc ấy. Cửa hiệu đề Establishment Trần Văn Chi. Đại diện cho hãng bán vỏ lốp xe và các vật dụng bằng cao su của hãng Michelin. Với tôi lúc bé nhìn bảng

hiệu ấy mà sợ. Cửa hiệu to hơn hiệu Tây. Người ra vào tấp nập, Ai cũng mặc áo Tây, cà vạt chỉnh tề. Và tất nhiên ở đây không ai nói tiếng An Nam. Từ nhà anh hay Establishment Trần Văn Chi đi về tay mặt độ 300 thước đường rộng rợp bóng cây to, là viện Đại học Hà Nội, nơi độc nhất của toàn cõi Đông Dương sản xuất ra các quan đốc, các ông cử. Và gái Hà Nội nhìn vào đó mà có câu: “Phi cao đẳng bắt thành phu phụ. Anh không học ở đây ra là em không lấy”. Vẫn từ nhà anh, băng qua khu công viên rộng lớn trước nhà Hát Lớn là tới Viện Bảo Tàng, sát bờ sông. Ở đó, bên cạnh Viện Bảo tàng là bãi cát ven sông Hồng đỏ ngẫu mệnh mông. Trẻ con HÀ NỘI ra đó đá bóng và tắm sông. Có lẽ anh Nguyễn Sa cũng đã ra đây chơi đùa hồi nhỏ, nên anh đã viết:

*Sông Hồng, tuổi nhỏ, ngút đầu  
Dường như động mạch đục ngầu phù sa.*

Vẫn từ cửa hiệu của nhà anh đi về phía trái chưa đầy 200 thước, gặp trên Tây, là thấy góc bờ hồ Hoàn Kiếm. Chính ở góc bờ hồ này là nơi các cô gái làng Nhật Tân đem hoa bày bán. Hoa phần lớn là bán cho Tây. Khác với các chị bán hoa quảng gánh đi giao tận nhà. Các gói hoa nhỏ gói vào lá chuối xanh, buộc cói chiếu. Trong gói có mấy cái hoa cúc, hoa lan, hoa huệ. Các hoa này được ngâm nước cho tươi rồi bày lên đĩa đặt lên bàn thờ Phật. Cũng từ nơi nhà anh Nguyễn Sa, băng qua đường là nơi Tây nó từ nơi xa đến. Khách sạn sang hạng nhất, có cái cửa kính cứ quay đều đều. Đó là khách sạn Métropole. Từ ngoài đường nhìn vào chỉ thấy Tây – Đầm đi lại. Thấp thoáng có các người bồi An Nam mặc áo Tây trắng là thẳng tắp đi đi, lại lại, sách các va li cho Tây từ xe vào trong khách sạn. Tiếp tục đi là đến nhà băng Đông Dương. Một lối lên vòng như cái cầu, bên cạnh đường xe lửa là một hàng cây dừa nhỏ mọc đều... Gớm! Tây quá là Tây ở cái khu nhà anh Trần Bích Lan - Nguyễn Sa ở lúc trước năm 1954.

Nhưng điều mà tôi ghi nhớ và ân hận là việc này. Chính nơi hội tụ của 6 con đường trước cửa nhà Hát Lớn này là một nơi đã diễn ra một biến cố lịch sử. Biến cố ấy đã mở đầu cho một cuộc chiến tranh dài và đau khổ của người Việt chúng ta. Chính nơi này, nếu đứng trên gác nhà anh Nguyễn Sa nhìn xuống thì rõ mồn mốt. Hôm 18 tháng 8 năm 1945, hầu như toàn thể công chức và sinh viên Hà Nội đã có cuộc biểu tình lớn tại đây để bày tỏ lòng trung thành và ủng hộ chính quyền Trần Trọng Kim trong việc yêu cầu Nhật trả lại độc lập cho người Việt. Cuộc biểu tình to lớn, đã không bị lính Nhật đàn áp như nỗi lo sợ của nhiều người, vì thế hôm sau 19 tháng 8 năm 1945 vẫn thành phần trên, và được rất đông đồng bào Hà Nội ủng hộ. Họ đã kéo về đây để biểu dương lực lượng. Nhưng trước biển người hiện diện, bỗng có sự rối loạn nhỏ tại diễn đàn. Có vài phát súng lục nổ. Và bỗng từ từ lầu 2 của Nhà Hát Lớn, một lá cờ đỏ sao vàng vĩ đại che kín suýt cả khuôn cửa lớn của từng hai phủ xuống lầu một. Và trên diễn đàn bỗng náo nhiệt, và rồi sau là lời nói: “Đây là mặt trận Việt Minh...” Các lá cờ đỏ sao vàng cầm tay được phân phát lác đác và cả biển người thành ra cuộc nổi dậy của Việt Minh. Chính giáo sư trường Kỹ Nghệ Hà Nội, ông Nguyễn Văn Luân, người làng tôi, làng Nũa, là người đã xách cái va li đựng lá cờ ấy treo và thả xuống trước mặt tiền Nhà Hát Lớn Hà Nội. Sai một li đi một dặm là ở chỗ này...

Điều này tôi chưa viết ra. Tôi định hôm nào như đã hứa, tôi sẽ lên thăm anh Nguyễn Sa, tôi sẽ nói lại. Biết đâu, lúc ấy, cậu học trò 14 tuổi Trần Bích Lan, nếu đứng trên lầu nhà cậu, cậu đã thấy tất cả. Lịch sử nhờ đó sẽ được hé ra một phần. Tôi chắc là giữa chúng tôi, một thời đã ở Hà Nội, sẽ có nhiều điều nói với nhau. Đặc biệt là tháng 5 năm 1996, trong buổi ra mắt một cuốn sách Quê Nhà, 40 năm trở lại của tôi tại Philadelphia, khi gần tàn cuộc vui, tôi đi giữa các bàn để bắt tay mọi người, tôi có gặp một người. Đó là một cụ bà. Cụ đã nắm bàn tay tôi và nói: “Ông ơi, tôi đọc các bài viết của ông mà nhớ hồi tản cư quá. Chính gia đình tôi đã tản cư về làng Nũa chợ của ông. Tôi đến đây để gặp ông và cảm ơn về làng Nũa... Tôi là cô thằng LAN”. Tôi xúc động và lễ phép thưa: “Dạ Lan nào ạ?” Cụ cười đáp: “Tôi là cô thằng Lan, Trần Bích

Lan đấy!" Tôi "à", và thưa "Dạ, Giáo sư Trần Bích Lan". Khi trở lại San Diego, tôi có gọi cho anh Nguyễn Sa. Anh cười "Vâng cô tôi đấy".

Tôi không có thì giờ để hỏi rõ cụ bà này là thân thích thế nào với anh Nguyễn Sa. Tôi cũng chưa có dịp hỏi anh Nguyễn Sa thêm về thời gian anh đã tản cư qua vùng quê tôi. Có thể anh đã ghé làng tôi trước khi qua sông vào vùng chân núi. Vì làng tôi có cái chợ rất to, vùng phụ cận phải qua đây mua bán. Để hôm nào tôi lên thăm anh. Và để làm quà cho anh, tôi đã nhờ đưa cháu tại Hà Nội chụp cho tôi tấm hình Nhà Hát Lớn Hà Nội. Căn nhà đồ sộ ấy, dù chẳng muốn, chắc hẳn đã in đậm trong trí nhớ của anh. Con chim sẽ đậu trên bậu cửa căn gác nhà anh, anh mở cửa ra, con chim bay đi, có thể chỉ một cái xuôi cánh, đã lại đậu ở cái hoa văn, dù rất Tây, Nhà Hát Lớn. Tôi cũng bảo đưa cháu chụp căn nhà anh, căn nhà đồ sộ, ba tầng, xưa là cơ sở kinh doanh của cụ Trần Văn Chi. Có lẽ từ căn nhà này, sau khi tản cư từ vùng Thạch Thất, Sơn Tây về Hà Nội, cậu học trò Trần Bích Lan, đã ở trong một căn buồng đẹp đẽ này. Và khi cậu được cho đi Pháp học, xe hơi từ nhà đưa cậu ra phi trường Gia Lâm. Đi cho nhanh, dù nhà cậu, là đi đường bờ sông, qua Cột Đồng Hồ, rồi lên cầu Long Biên, qua Gia Lâm bên kia sông. Nhưng tôi nghĩ rằng, cậu Trần Bích Lan, sau này là Thi sĩ Nguyễn Sa, sẽ đi con đường khác. Từ nhà, cậu sẽ cho xe rẽ trái, đi suốt chiều dài của phố Trường Tiền, rẽ mặt ở góc bờ hồ, chỗ bán hoa, đi qua Bưu Điện, Tòa Đốc Lý, rồi lại rẽ mặt vào Hàng Đào ngập đầy tơ lụa. Tiếp đến là Hàng Ngang đầy các hiệu tạp hóa, rồi tới qua Hàng Đường ngọt thơm mùi bánh. Qua chợ Đồng Xuân, qua Hàng Giầy, đi dưới gầm cầu, rồi rẽ mặt ở Hàng Đậu. Bỏ cái nhà chứa nước rất to, trên ở đầu vườn hoa Hàng Đậu, ngang nơi tiếp giáp của đầu Hàng Than và phố Quan Thánh. Quan Thánh cái phố có hai dãy cây bàng cành đan che kín cả lòng đường. Lòng đường tuy không hẹp lắm, nhưng giữa đường có đường rầy xe lửa từ Hàng Giầy rẽ vào. Xe điện về đến đây ban tối chạy nhanh, lòng tàu rộng không, kêu leng keng rồi mát hút về phía Thụy Khê. Con đường ven theo hồ Trúc Bạch mênh mông. Con đường gặp Cổ Ngư đầy gió mát giữa Trúc Bạch và Hồ Tây ... Xe của anh rẽ lên cầu Long Biên ở gần bến Nửa. Cái dốc cao. Cầu Long Biên cao lồng lộng gió bắc qua sông Hồng Hà đỏ quạnh phù sa. Từ trên cầu nhìn về tay phải là đường Bờ Sông, lối đi có Cột Đồng Hồ. Bên kia sông là bãi cát của huyện Gia Lâm, bao bọc bởi Hồng Hà một phía, một phía là con sông Đuống nổi tiếng qua thơ Hoàng Cầm. Tới phi trường Gia Lâm, lên máy bay để vào Nam, Saigon, trước khi qua Pháp, tôi nghĩ thế, chắc cậu học trò tài hoa Trần Bích Lan không thể không nhìn qua cửa kính máy bay để nhìn Hà Nội ở phút giây từ. Máy bay đảo một vòng. Dưới cánh máy bay phía tay phải, trước khi lầy hướng Nam, là Hà Nội của anh nằm giữa những làn cây xanh. Hồ Hoàn Kiếm xanh có hình một quả xoài. Hồ Thiền Quan hình thang và lối chỗ các nền màu xanh ngọc bích của các mảnh hồ khác... Máy bay lên cao. Hà Nội đã lấp sau làn mây trắng. Kể từ lúc ấy, sau khi tản cư về, tôi nghĩ sớm lắm cũng là năm 1948. Bây giờ là 1998, vừa tròn 50 tuổi. 50 năm bao nhiêu tang thương, đau khổ và 50 năm đó với cậu học trò Trần Bích Lan cũng đã trải qua bao chặng đường. Sinh viên du học, đi lại trên các con đường của Paris, của vườn Lục Xâm Bảo để, như nhà văn Pháp A.France, đã thấy lá vàng từng trận mưa trên vai các các pho tượng đá. Ở đây, anh đã đi chơi với Nga, để rồi có những lúc thấy

*Hôm nay Nga buồn như một con chó ốm*

*Như con mèo ngáy ngủ trên tay anh*

*Như con cá vược sắp sửa se mình*

*Để anh giận sao chả là nước biển.*

Mối tình riêng ấy, những rung cảm đầu đời ấy đã làm cho Nguyễn Sa thi sĩ lừng lẫy suốt mấy thập niên qua. Đồng thời với người thơ tình lãng mạn ấy, một giáo sư triết học khó có người sánh kịp. Năm 1960 anh đã là giáo sư Triết (hay trước nữa?) của trường Chu Văn An và các trường trung học khác. Học trò năm chót trước khi vào đại học, đa số học trò chỉ thua anh vài tuổi. Có nhiều người vì hoàn cảnh chiến tranh đi học lại, thì lớn tuổi hơn "Thầy Lan" khá xa, 5, 7 tuổi là thường. Cũng thời gian ấy, đất nước mỗi lúc mỗi thêm chìm ngập trong lửa đạn, oán thù, và kéo hút theo bao nhiêu là người trai của thời cuộc, trong đó có bao nhiêu người là học trò

của anh. Họ có mặt khắp nơi từ binh chủng này, binh chủng khác. Và cả chính anh, giáo sư Trần Bích Lan cũng bị gọi vào quân đội. Đi sau, anh có trên vai một cái cúc vàng còn gắn Alfa, chuẩn úy và tòng sự tại Đại đội Chung sự. Ở đây anh đã gặp lại một số học trò cũ. Gặp họ anh phải giơ tay chào vì họ đi lính trước. Và họ lại cúi đầu "Thưa thầy". Nhưng đau đớn hơn hết, chính ở nơi này, cái bến cuối cùng của cuộc sống anh phải nhìn, lạnh ngắt và nhiều khi chỉ là một bố poncho lụn vụn thịt xương. Các thi hài ung máu đỏ, giữa những vật vãi đau đớn của thân nhân, của nền trắng, giải khăn xô dài ai đã là học trò của anh giáo sư Trần Bích Lan.

Rời cuộc đời sập xuống, tháng 4 năm 1975 ào đến, lớp lớp người đã đổ xô ra biển, tìm mọi cách rời khỏi Việt Nam. Trong số đó có anh, Trần Bích Lan. Trần Bích Lan trơn tru và nhẵn tay. Người thơ, người của Triết học bây giờ "Thi sĩ qua Mỹ làm Thơ Điện":

*Ta vô dòng điện hai chiều  
Xẹt ngang cũng đủ cháy vèo thịt da  
Em nằm ngay chỗ điện ra  
Chỗ đười con mắt đèn hoa muôn màu  
Nghề thơ anh bỏ đã lâu...*

"Nghề thơ anh bỏ đã lâu", ấy là lúc đầu nghĩ thế. Sau anh trở lại với văn chương, với thơ. Những bài thơ của người xa xứ. Những bài thơ vương vất nỗi đau chung. Những bài thơ nhớ bạn bè. Và nhiều hơn hết là những bài thơ chất chứa nỗi chia lìa, bệnh hoạn, của khung cảnh nhà thương:

*Cửa biển vào đầy gian phòng  
Từng giọt nước mặn chạy vòng tới tim  
Ta mơ hồ thấy giọt quen  
Giọt thơ tuổi trẻ, giọt em ngày nào.*

Nỗi ám ảnh ấy đầy ấp trong thơ Nguyễn Sa ở tập 3 "Ta đang đi kiếm chỗ nằm. Mưa rơi nặng hạt đúng tầm sân sau". Có lúc như ôn lại cả một cuộc đời với bao tên tuổi, anh viết:

*Em ơi ngựa đã qua đèo  
Những tên cùng tuổi cho vèo lá bay*

Vâng, thì bây giờ anh đã ra đi. Tất cả quả nhẹ nhàng như một chiếc lá. Nhưng qua những bài thơ anh để lại, tôi thấy có một sự khác biệt trong anh. Xưa anh viết những bài thơ tự do, như bài "Nga" (đã dẫn). Bây giờ anh như tìm lại cái vần điệu rất trữ tình, đầy Việt tính. Anh làm thơ lục bát rất nhiều, và bài nào cũng hay. Lời thơ nhẹ, hình ảnh đẹp và tình ý nồng nàn:

*Con sông vẫn chưa có chồng  
Sương hôm nay vẫn vậy, thích nằm quanh co  
Ta cong mình xuống bãi xa  
Con sông thấy lạnh bước qua nằm cùng.*

Phải chăng một người lớn lên tại Hà Nội, thành phố bốn mùa thay đổi. Sau cái nắng oi ả của tháng hè, một cơn gió nhẹ đêm qua thổi về, Hà Nội đã se lạnh. Hồ Gươm, mặt hồ đã đầy sương phủ. Sông Hồng quấn quai phù sa, một buổi Đông về, đã lưng trời mây bạc ... Những cảnh trí ấy đã tiềm ẩn nơi con người tưởng đi tìm cái mới từ cõi xa đem về, nay đã trở lại với cái hồn nắng gió của quê cũ. Năm xưa, trong tập thơ đầu tay của anh, có một đoạn thơ xuôi, tôi cho là Nguyễn Sa nhất nếu tôi nhớ không sai như thế này:

*Tôi đến đây không ai mời  
Khi đi cũng xin đừng ai giữ  
Còn nhớ, có thương, có tạc tượng bằng đá trắng đồng đen  
Xin đừng bày ở sân trường đại học  
Mà bày đùm ở một góc công viên*

*Để những đêm rất khuya  
Nhìn một trăng soi gương  
Và những người yêu nhau tình tự.*

Tôi yêu mấy câu này quá. Vừa có cái cao ngạo của một người thành công trẻ, vừa có cái chất lãng mạn của người còn đang yêu. Bài thơ ấy đã có mặt tại Sài Gòn có lẽ ở những năm cuối thập niên 50 thì phải. Vâng, giờ anh đã đi xa. Anh đi lặng lẽ. Kẻ thương tiếc anh ở bốn phương cũng lặng lẽ nhớ về. Tôi được tin anh mất trong xúc động nhưng không đột ngột, vì anh bị bệnh đã lâu. Ung thư cổ. Chỉ tiếc, tiếc lắm, tôi chưa có dịp như anh mời, và tôi đã hứa, là lên thăm anh một buổi. Tôi đã có một số ảnh của Hà Nội, trong đó có ảnh Nhà Hát Lớn, và đặc biệt tấm ảnh của chính ngôi nhà anh. Vậy mà tôi đã lỡ. Dù từ nhà tôi ở lên anh chỉ có một giờ xe. Tôi tiếc mà không thể giữ anh ở lại vì anh đã có nói rồi “Tôi đi cũng xin đừng ai giữ” Anh đi nhé. Hà Nội còn giữ hẳn ở giữa lòng anh. Sông Hồng đang giữa mùa nắng đỏ. .

Thôi xin vĩnh biệt Nguyễn Sa.

25/4/1998  
(*Những Người Tôi Đã Gặp*)

## Nguyễn Sa về thơ, văn qua phỏng vấn

### 1. Trả lời nhà văn Nguyễn Nam Anh (Nguyễn Xuân Hoàng)

*Tạp chí Văn, số 13&14, xuân Mậu Dần 1998*

...Làm thơ, với tôi, bao giờ cũng cần có cảm hứng, có cảm hứng mới làm được thơ, không có cảm hứng thì chịu thua. Cảm hứng đưa tôi vào thơ, thời gian này, cũng như hơn bốn thập niên, luôn luôn đến đến từ sự xúc động chân thực. Có rung động thực và rung động giả, cho nên có cảm hứng thực và cảm hứng giả. Lúc hai mươi tuổi, đam mê tình ái mang thơ lại cho tôi. Tôi nghĩ thơ tình thời học trò mà tôi nói chuyện suy tư về hữu thể và hư vô là xúc động giả, sâu xa giả, thơ làm dáng không phải thơ. Khi tuổi già đã tới, không còn đam mê tình ái, cánh cửa của mỗi đời người sắp khép lại, những xúc động của những ngày tháng đối diện với sự thật của kiếp người, một cuộc tình hồi tưởng lại, một cuộc tình mơ ước, giọt sương mai mong manh, cơn mưa đến muộn, buổi hoàng hôn nơi quê người, người bạn thân niên bở xứ vĩnh viễn...là nguồn cảm hứng hôm nay của tôi. Cảm hứng xây trên xúc động chân thực luôn luôn đổi mới cùng với kỹ thuật thi ca có suy nghĩ giúp cho sáng tạo tránh khỏi nhắc lại chính mình.

### 2. Trả lời nhà thơ Nguyễn Mạnh Trinh

*(Nguyễn Sa, tác giả, tác phẩm 2 trang 276-277)*

Thơ không có cách nào làm rục rờ hơn ngoài ngôn ngữ. Ngôn ngữ biểu lộ cảm xúc của mình và quan trọng nhất. Kỹ thuật cũng như triết lý chỉ là phương cách phụ thuộc và là yếu tố hỗ trợ. Nó không làm rục rờ thi ca. Triết lý không có vị trí chính yếu trong thi ca ngoài vị trí chính yếu của nó trong triết học.

Nếu chủ trương mang triết học vào thơ, nó sẽ không thành thơ mà cũng chẳng thành triết lý. Triết lý phải có sân chơi riêng của nó. Vì sao? Thơ cũng như âm nhạc, cái nghĩa lý của nó không quan trọng mà cái chính yếu là chính nó. Âm nhạc hay chưa hẳn cần lời ca hay, những tác phẩm âm nhạc lớn đều không lời. Nhạc là xúc động chứ không là nghĩa lý. Xúc động vượt ra khỏi nghĩa lý của tư tưởng và ngôn ngữ. Trong thơ, cái hay của nó là chính nó, vì ngôn ngữ

thơ là 'sự vật', không là 'dấu chỉ'

Tôi xin cắt nghĩa điều đó. Chúng ta có ngôn ngữ chỉ đồ vật, cái bàn, cái ghế; có động từ cười, giỡn, phản ảnh niềm vui. Trong văn xuôi, tiếng nói, ngôn ngữ là dấu hiệu phản ảnh nội dung. Như đèn đỏ đầu đường biểu hiện của dấu hiệu cấm băng qua, chào bạn là dấu hiệu của sự thân ái. Văn xuôi là tiếng nói biểu hiện nội dung, là dấu chỉ.

Nhưng thơ phải khác. Phân tích một câu, hoa cười ngọc thốt đoan trang, không có ý nghĩa cười như hoa, lời như ngọc, như trong văn xuôi. Hoa cười, chỉ là một hình ảnh có chất gợi nhớ trong thơ. Nếu ra đường mà nói hoa cười với một cô gái thì chắc rằng cô ta sẽ cho rằng đang nói chuyện với một thằng điên. Nhưng hoa cười ngọc thốt đoan trang thì lại tuyệt vời trong thơ.

Thơ không phải là dấu hiệu phản ảnh một thực thể mà chính nó là một thực thể. Thơ biểu lộ một thực tại khác (hiểu theo nghĩa rộng). Thơ là một hữu thể riêng biệt.

Nhiều người đi tìm xem thơ phản ảnh điều gì. Phản ảnh là một việc, thơ còn có một đời riêng, là chính nó, cái đó mới là chính yếu. Khi tìm ra được cái gốc cốt lõi ấy rồi, thơ không phải là cái khác như triết lý, chính trị nó phản ảnh. Như tượng Phật, tượng Chúa, những biểu tượng tôn giáo... nó không đơn thuần là một đồ vật mà nó là những điều thiêng liêng không thể cắt nghĩa được. Ta không thể đơn giản hóa với thấc mấc như định giá trị bằng bao nhiêu tiền hoặc chế tạo bằng gì, mà phải chú ý đến phần biểu hiện của nó, thiêng liêng hơn.

### **3. Trả lời Nhà báo Lê đình Điều**

*(Tạp chí Thế Kỷ 21 số 105 & 106 tháng 1 & 2-1998)*

Đầu tiên phải xác định rõ ràng rằng cái việc làm thơ mà cách tân về hình thức thì có nhiều người làm không? Tôi thấy hình như chỉ có cụ Phan Khôi là cách tân về hình thức để làm ra loại thơ mới, được hỗ trợ bởi ông Thế Lữ. Còn Xuân Diệu, Huy Cận vẫn làm thơ tám chữ. Gọi là cách tân thì chỉ mình ông Phan Khôi cách tân chứ không thể nhiều người cách tân được. Còn như cụ Nguyễn Du thì không cách tân gì cả, làm thơ lục bát. Các cụ Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương thì làm thơ Đường. Các loại này cũng không cách tân. Mà nếu như mỗi nhà thơ đều cách tân một loại thơ thì có mấy ngàn loại thơ thì.. nhiều quá.

Ngoài những thể thơ lục bát, ngũ ngôn, tám chữ, tôi có làm thơ thể tự do, số thơ thể tự do chiếm phân nửa số thơ tôi làm. Thơ tự do có cách tân không? Tôi nghĩ nó không có cách tân bao nhiêu, vì nó cũng là một loại thơ nằm trong dòng tiến bộ của thi ca, từ khung khổ có vần điệu phá thể ra không vần điệu và nó được ảnh hưởng khá nhiều bởi thơ tự do của thế giới. Thơ phản ảnh rung cảm của chính người làm thơ, cái gì mà người ấy rung cảm mà làm đạt tới, thì giọt nước đó có chút ánh sáng lung linh của đại dương to lớn kia. Nhưng mà thể thơ thì tôi không nghĩ nó có vai trò to lớn ấy.

Trong thơ, tôi không thấy vượt hay không vượt, tôi chỉ thấy nó có khác không. Tôi thấy thơ sau này có khác thơ lúc trước. Mỗi thời kỳ thơ đều có nét riêng của nó. Còn nói hơn, vượt thì khó lắm, bởi vì mỗi tác giả tồn tại thì họ đã đạt được tuyệt đỉnh của loại thơ đó. Thơ tả cảnh của bà Huyện Thanh Quan, Thăng Long Hoài Cổ chẳng hạn thì đạt tuyệt đỉnh của thơ đường tả cảnh. Làm thơ đường tả cảnh thì sẽ hay trong cách của thơ đường.

Còn làm thơ tự do tả cảnh thì sẽ đạt cái tuyệt đỉnh trong thơ tự do. Chỉ có khác biệt chứ không hơn kém. Không thể bảo bài thơ tự do đó vượt bài Thăng Long Hoài Cổ của bà Huyện Thanh Quan. Bài thơ đã thành công tức nó đạt được tột đỉnh của nó (của tác giả đó chứ không phải nguyên loại đó). Thành ra khó lòng nói một bài sau vượt được bài trước, cũng không thể nói bài



trước trùm lấp để bài sau không có chỗ đứng riêng. Mỗi bài thơ, mỗi thời kỳ đều có nét riêng của nó.

#### **4. Trả lời tạp chí Văn Học ở Hoa Kỳ**

Ba câu hỏi chung cho một số tác giả Việt tại hải ngoại  
(*Văn Học số 111 tháng 7-1995*)

Vấn đề không có đủ thì giờ cho công việc sáng tác là vấn đề muôn đời. Ngòi bút không đủ nuôi sống nhà văn xứ nghèo như chúng ta cơm áo thức phọc, nghề tay phải nghề tay trái, không có đủ thì giờ để viết, tay trái làm mệt tay phải. Ngay như những người không cần đến nghề tay trái, tay mặt lúc nào cũng thành thoi cũng không đương nhiên có đủ thì giờ, vì đôi khi có thì giờ thì không có cảm hứng, khi có cảm hứng lại thiếu thì giờ.

Thời gian này tôi hoàn toàn sống bằng nghề cầm bút, viết báo. Công việc này chiếm nhiều thì giờ, quả thật có gây khó khăn cho công việc 'sáng tạo', với tôi là viết truyện và làm thơ. Nhưng mặt khác, công việc sinh nhai này cũng mang lại cho tôi những trợ giúp trong việc sáng tạo. Thì giờ dành hoàn toàn cho viết lách, dù báo chí, tạo thành một thói quen sinh hoạt tinh thần, lắm khi có cơ hội bước qua sáng tạo cũng thoải mái.

#### Ba câu hỏi:

- Viết để làm gì?
- Viết như thế nào?
- Viết Cho Ai?

Là những câu hỏi có một gắn bó triết học được Sartre làm nổi bật. Khi đã xác định viết cho ai, thì phải chọn lựa viết để làm gì và viết như thế nào, cũng có thể nói chính viết để làm gì làm cho chọn lựa viết như thế nào và cho ai.

Tôi xin phép trả lời một phần ở trong, một phần ra ngoài khuôn khổ triết học của những câu hỏi để có thể nói lên được nhiều tâm sự hơn.

Tôi viết văn và làm thơ bằng tiếng Việt, tôi viết cho người đọc tiếng Việt. Hiện nay tôi mong mỗi có người Việt Nam ở hải ngoại đọc tôi, và tôi hy vọng đồng bào tôi ở trong nước khi có tự do ngôn luận, tư tưởng và xuất bản, cũng sẽ đọc. Hành động viết và tiếp tục viết có biểu lộ một khuynh hướng lạc quan về ngôn ngữ Việt Nam, sự tồn tại của nó nơi hải ngoại, một khuynh hướng lạc quan về tương lai Việt Nam.

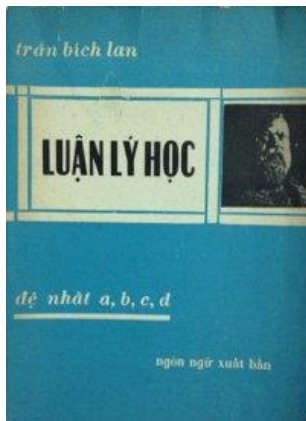
Tại sao viết? Trong những yếu tố triết lý, viết là hành động, là cách thể hiện hữu, yếu tố chính trị xã hội, viết là hành động dẫn thân, là cách thể biến đổi thế giới, yếu tố tâm lý như sự thôi thúc của nhu cầu sáng tạo, trở thành chính mình, thể hiện bản thân, tôi cảm thấy gần gũi yếu tố tâm lý nhiều hơn.

Biết một phần nào viết cho ai, biết đại khái tại sao viết, tôi còn biết ít hơn vấn nạn viết như thế nào? Tôi vẫn nghĩ câu trả lời luôn luôn hậu nghiệm, 'a posteriori' Không thể tiên nghiệm, 'a priori' được. Cũng không thể là hệ luận của 'tại sao' và 'cho ai'. áp dụng một công thức để giải bài toán thì tốt. Sáng tạo theo một công thức, một định luật, sợ rằng có làm tổn thương cho sáng tạo. Mỗi lần sáng tạo là mỗi lần viết băng băng. Thảng có lúc suy gẫm về kỹ thuật sáng tạo của người đi trước, kinh nghiệm luật ba đơn vị của kịch trường Pháp thế kỷ 17, kinh nghiệm thơ tám chữ của tiền chiến, kinh nghiệm thơ tự do của Eluard, của Prevert, cũng có lúc rút tỉa kinh nghiệm của mình, nhưng kinh nghiệm giải thích được từ tha nhân hay chính mình có thể trở thành khuôn thước trong công nghiệp tới sau, nhất định không quan niệm được như những định luật và những chỉ dẫn ý thức trong việc sáng tạo.

Hơn thế nữa, người sáng tạo nhiều khi còn loại bỏ những dấu vết của tha nhân và bản thân khi bắt gặp chúng vô thức lồng nhập vào trong tác phẩm. Tôi cũng mong có lúc có thì giờ nhìn lại xem mọi việc đã diễn ra 'như thế nào'. Lúc này còn kẹt quá. Tôi có thì giờ in ra cuốn thơ Nguyên Sa 3 như dự tính. Sau đó mong có thì giờ để hoàn thành cuốn Giác Mơ. Sau đó, may ra mới có thể tính đến chuyện 'như thế nào'?

## Nguyên Sa Vĩnh Phúc

Nguyên Sa là bút hiệu của nhà giáo Trần Bích Lan. Ông học ở Pháp, và về nước khoảng giữa thập niên 1950, khi chính phủ của Tổng thống Ngô Đình Diệm có chính sách mở cửa đãi ngộ các sinh viên du học muốn hồi hương phục vụ đất nước. Ông không phải là người thuần túy sống bằng ngòi bút, tuy có viết nhiều trên các tạp chí như *Sáng Tạo* và *Hiện Đại*.



Hồi còn trong nước, ông dạy triết và văn chương bậc trung học, trước khi mở và điều khiển trường trung học tư thục Văn Học trên đường Phan Thanh Giản, Sài Gòn. Ngoài ra cũng có một thời gian ông phải nhập ngũ, mà kết quả là những chất liệu ông có được để viết "*Một Minh Một Ngựa*" và "*Vài Ngày Làm Việc Ở Chung Sự Vụ*". Nếu Nguyên Sa nhà thơ được coi là thi sĩ của tình yêu, thì nhà giáo Trần Bích Lan lại nổi tiếng trong giới học sinh vì dạy triết giản dị dễ hiểu chứ không rắc rối nhức đầu như các ông giáo sư triết khác. Mà trong thơ ông cũng không hề thấy giọng triết lý. Ngoài đời thì nhìn con người ông chẳng có vẻ gì là thi sĩ của tình yêu vì vốn dĩ ông mang một cái bụng hơi quá khổ. Bởi vậy mới có giai thoại về nhà giáo (*do chính ông kể lại*) trong một kỳ thi vấn đáp Tú tài phần hai như sau:

Hồi đó vào khoảng cuối thập niên 50, đầu 60, thí sinh thi bằng Tú tài II còn phải qua một kỳ vấn đáp nếu đã đậu kỳ thi viết. Vì thầy giáo Lan có cái bụng quá khổ nên bị học sinh đặt cho cái tên là "Lan Phệ". Trong kỳ vấn đáp đó, một thí sinh thấy tên mình phải vào thi vấn đáp môn triết với giáo sư Trần Bích Lan nhưng chưa biết mặt biết người ông mà mới chỉ nghe "hỗn danh", thì hỏi một bạn: "*Ê mày, Lan Phệ ở đâu, phòng nào?*", chẳng dè, đúng lúc đó ông Lan đi ngang sau lưng nghe thấy, bèn nổi máu tếu, vỗ vai cậu thí sinh và bảo: "*Đây, Lan Phệ đây này*". Mười phút sau, cậu thí sinh này bước lên bàn thi vấn đáp, mặt như đổ chàm. Tuy nhiên "Lan Phệ" không hành hạ gì cậu ta cả.

Nguyên Sa tiếp tôi ở văn phòng phía trước của một nhà in thì phải. Bên trong máy in chạy rần rần nên ông phải quay vào trong bảo nhân viên tạm ngưng chạy máy, chúng tôi mới nói chuyện được. Sau khi thăm hỏi, tôi xin ông cho biết đã xuất bản được bao nhiêu tác phẩm kể từ khi phải ra đi hồi tháng Tư năm 1975.

- Dạ gần nhất thì chúng tôi in bộ trường thiên tiểu thuyết "*Giác Mơ*", đã được 2 cuốn, dự tính 5 cuốn. Bắt đầu in từ năm 1991 đến nay (tháng 10-1992) xong cuốn số 2. Tới lễ Giáng Sinh này thì in cuốn số 3. Trước đó, năm 1988, tôi in cuốn "*Thơ Nguyên Sa*" tập II. Tập I in lần đầu tiên ở Việt Nam năm 1958, và 30 năm sau in tập II tại Mỹ.

- Ngoài tập thơ thứ 2 đó ông có những bài thơ rải rác đăng trên các báo?
- Tôi nghĩ là có.

- Thưa ông, khi sang lập nghiệp ở bên này, ông có thấy nguồn cảm hứng của ông nó thay đổi theo hoàn cảnh hay không?

- Dĩ nhiên hoàn cảnh có ảnh hưởng đến việc sáng tác.

- Thưa ông, theo ông nó thay đổi như thế nào? Ví dụ như ngày xưa ở Việt Nam khi Nguyễn Sa còn trẻ, thì nguồn cảm hứng của Nguyễn Sa là những tà áo lụa Hà Đông, những mảnh nắng Sài Gòn, những hàng me. Sang đây Santa Anna nắng rực thế này và với đời sống ở nước Mỹ trong đó người ta chạy đua với thời gian, thì cuộc sống vật chất ở đây chắc chắn có ảnh hưởng đến nguồn cảm hứng của nhà thơ?

- Vâng, tất cả những cái gì tôi có thể nói được là những điều tôi viết trong thời gian ở hải ngoại nó không giống với những điều tôi viết trước kia. Còn sự khác biệt thế nào thì đòi hỏi một sự suy nghĩ có tính cách phân tích. Tôi chưa làm việc đó thành ra không thể trả lời chính xác được. Nhưng khác biệt về hoàn cảnh địa dư, khác biệt về sinh hoạt xã hội, khác biệt về nghề nghiệp, và khác biệt cả về tuổi tác, tự nhiên sáng tác nó khác đi.

- Thưa ông, những sáng tác sau này ông có nhắm vào một đối tượng đặc biệt nào không?

- Về văn vần thì sự sáng tác hoàn toàn do sự xúc động. Thơ, chắc ông Vĩnh Phúc hiểu là sự tính toán ý thức không có. Hoàn toàn bột phát do cái cảm hứng gần như tuyệt đối. Và cũng như hồi ở Việt Nam thì cái cảm hứng nhiều nhất, cái điều làm cho tôi cảm xúc nhiều nhất vẫn là tình ái. Còn văn xuôi, thì đây là một cuộc thử thách mà tôi đang tiến hành. Cái nhắm tới của văn xuôi cũng như thơ đều là cố gắng làm ra một cái gì mới chứ không phải là một cái đối tượng nhất thời.

- Thưa ông, xin ông cho một nhận xét về hoàn cảnh sinh hoạt văn hóa của cộng đồng người Việt mình .

- Tại vùng tôi ở hay ở những vùng khác, thì tất cả những gì tôi có thể nói được là cái sinh hoạt nó biến đổi tùy theo vùng. Chỗ có đông người Việt thì sinh hoạt văn hóa nó khác. Chỗ ít người Việt thì sinh hoạt lại khác. Điều mà tôi muốn nói là, tôi mừng vì cái sinh hoạt ấy còn, nhưng tôi không nghĩ là với thời gian lâu dài sinh hoạt đó giữ được nguyên cái sự phong phú hiện nay.

- Thưa tại sao ạ?

- Dân tộc những người tỵ nạn, những người di cư sớm muộn cũng bị đồng hoá ít nhiều vào trong cái tập thể lớn của quốc gia mà họ sinh sống.

- Như vậy những cuốn tiểu thuyết mà ông mới xuất bản hay sẽ xuất bản, ông có nghĩ rằng có được số độc giả đông đảo hay không?

- Tôi nghĩ là chỉ trong một thời gian ngắn nữa chế độ cộng sản ở Việt Nam sẽ sụp đổ. Và tôi sẽ trở về Việt Nam. Và tôi chỉ trở về Việt Nam khi nào chế độ độc tài hết. Tôi không thích trở về với tư cách một người du khách thăm quê hương. Khi chế độ độc tài chấm dứt, tôi trở về quê hương tôi ở, tôi nghĩ là tác phẩm của tôi sẽ có một số đông độc giả.

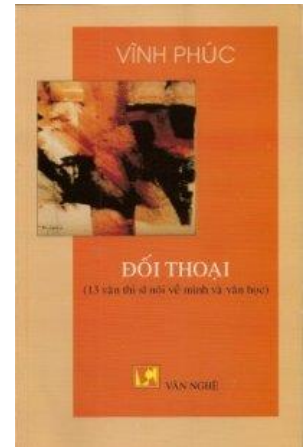
- Ý ông muốn nói rằng độc giả của bất cứ nhà văn nào cũng phải là người ở trong nước, chứ chả trông mong gì cái số độc giả ở hải ngoại?

- Tôi không muốn nói như thế. Nhà văn nào cũng có một ước vọng to lớn là độc giả của mình là người trong nước, người ngoài nước, người cùng một tiếng nói với mình, và người không cùng tiếng nói với mình khi tác phẩm được phiên dịch ra. Trong hiện tình của nhà văn Việt Nam thì số người trong nước đông hơn ở ngoài nước, thì ai cũng thích là độc giả của mình ở trong và ngoài nước, chứ không ai viết văn cho một số người Việt Nam chỉ ở ngoại quốc thôi. Vì tiếng Việt Nam là tiếng chung cho người ở cả trong nước lẫn ngoại quốc. Sở dĩ hiện nay tác phẩm mình không phổ biến ở trong nước được là vì chính phủ cộng sản không cho phổ biến.

- Nhưng có phải một phần ảnh hưởng tới cái mức độ giả thấp ở ngoại quốc là vì giới trẻ sau này ít chú trọng tới văn hóa Việt Nam?
- Tôi không nghĩ thế. Ngay như ngày xưa ở Việt Nam, những tác phẩm văn chương mức phổ biến cũng giới hạn chứ không nhiều lắm.
- Thưa ông, theo ông bây giờ loại độc giả ở lứa tuổi nào còn đọc tiếng Việt nhiều?
- Dĩ nhiên là các độc giả trước khi ra ngoại quốc đã có một trình độ học vấn nào đó, ví dụ những người đã học trung học ở Việt Nam thì họ đọc sách tiếng Việt nhiều hơn là những người học tiểu học bằng tiếng Anh.

- Thưa ông Nguyễn Sa, được biết có một hồi ông làm chủ tịch hội nhà báo?

- Ở Quận Cam. Ngày xưa tôi là sáng lập viên Trung Tâm Văn Bút Việt Nam ở hải ngoại. Một sự kiện nữa là vào thời điểm năm 1983 thì phải, ở Quận Cam có thành lập một hội báo chí, thì tôi làm chủ tịch hội báo chí đó. Nhưng cái hội đó không có sinh hoạt. Chỉ một thời gian ngắn nó hoàn toàn bị tê liệt. Cái lý do không sinh hoạt là vì tôi không có khả năng đứng đầu một cái hội. Muốn đứng đầu cái hội đó, phải có tài chính, phải có trợ cấp, phải có lạc quyền để có phương tiện. Điều đó rất chính đáng. Nhưng mà tôi thì có phần dị ứng với tất cả các việc nào liên quan đến điều hành tài chính như thế. Thành ra chính tôi đã làm cho hội đó không có hoạt động tốt. Nhưng về sau các anh em khác có lập hội báo chí và tôi nghĩ họ điều hành có thể tốt. Tôi không biết, tôi không theo dõi .



- Ý tôi muốn nói rằng ông có hoạt động về báo chí, nên xin ông vài nhận xét.

- Vâng. Về báo chí ở hải ngoại, nhất là ở Mỹ, thì có một hiện tượng rất là đặc biệt là có báo biểu.

- Mà nghe nói ngành đó lại phát triển mạnh?

- Vâng cái báo biểu đó nó mạnh lắm! Nó làm cho ngành báo bán hoàn toàn bị suy sụp. Trong báo biểu, căn bản là người chủ là người đăng quảng cáo, không phải người đọc. Và nhà báo sẽ cố gắng phục vụ người chủ đăng quảng cáo đó, miễn sao thu được nhiều quảng cáo. Có thể do bài vở, có thể do ngoại giao. Con đường để thu hoạch nguồn tài chính không đương nhiên do sự phán đoán của độc giả. Có thể do hạ giá, có thể do nhiều lý do. Thành ra cái phẩm chất nó suy yếu dần dần đi. Y như tình trạng kinh tế trong đó tiền xấu nó làm chết tiền tốt. Và cái sự phồn thịnh đó tôi nghĩ rằng một thời gian sau nó sẽ phai tàn. Do chính nó làm hại cho nó.

- Thưa đại khái bây giờ (tháng 10/1992) có chừng bao nhiêu tờ báo cả thầy, cả báo ngày lẫn báo tháng?

- Toàn quốc, tôi nghĩ là khoảng 150 tờ. Còn riêng Quận Cam thì, San Diego và Los, khoảng 50 tờ.

- Ấy là có một số đã ngưng hoạt động?

- Một số ngưng thì số khác lại ra. Có thể hôm nay họ ngưng tờ này, ngày mai họ ra tờ khác. Bên Mỹ này không có sự hạn chế về xuất bản báo, và hề đi xin được một số quảng cáo thì ra báo, còn vấn đề bài vở nhiều hay ít thì tùy tiện.

- Trong cộng đồng người Việt mình, báo chí tự do ra, chẳng ai kiểm soát cả. Thành ra có một số người than phiền về phẩm chất của một số tờ báo. Đại khái như viết quá trốn, hay bươi móc chỉ trích đời tư người ta. Với kinh nghiệm của một người đã từng làm báo và một nhà văn nhà thơ lâu đời, ông thấy chuyện đó cần phải sửa đổi như thế nào?

- Thưa ông Vĩnh Phúc, tôi thấy cái đó là trách nhiệm chung của người làm báo và người đọc báo. Khi người đọc báo không đóng vai trò của một người thẩm phán, quyết định báo nào nên

đọc, báo nào không nên đọc, thì họ sẽ nhận được toàn báo xấu! Họ không mua báo, họ chỉ đi ra chợ nhật báo, và người xuất bản báo không nghĩ là họ có trách nhiệm với người đọc vì họ không bán cho người đó lấy tiền, thì cái vòng luẩn quẩn nó ở chỗ đó. Còn nếu tờ báo mà do người đọc giả mua, nếu tờ báo này nói bậy, tôi không bằng lòng, tôi quay lưng lại, tờ báo phải chết. Thì lúc đó người viết lập tức phải điều chỉnh cái công việc nghề nghiệp của mình để đáp ứng với ý muốn của người chủ mình .là người đọc. Còn trong lúc này người đọc than phiền như vậy, họ có quyền than phiền, họ có quyền không thích. Nhưng không có ảnh hưởng gì đến tờ báo hết!

- Còn về phần người viết báo thì tinh thần trách nhiệm ra sao?

- Có người viết báo là "*người viết báo*", và có người viết báo chỉ là "*người lấy quảng cáo*". Thành ra cái câu mà ông Vĩnh Phúc đặt, thì mình phải kiểm lại xem "*người viết báo*" nào. Có phải không?

- Vâng, đúng thế. Nói chung, những người viết báo chuyên nghiệp, những người có tinh thần trách nhiệm có nên họp lại để làm một cái gì không?

- Tất cả nền kinh tế của Mỹ xây trên sự tự do cạnh tranh tuyệt đối. Và nếu làm được cái gì thì do cái dân trí của người đọc. Nếu người đọc không làm chủ được sự chọn lựa việc đọc của mình thì người làm báo không làm gì được cả. Tôi xin thí dụ như bây giờ đi về Việt Nam. Người Việt Nam nào cũng nói rằng "*tôi về Việt Nam để thăm quê hương*". Họ quên mất lời cam kết của họ khi họ đi tỵ nạn chính trị, và khi họ trở về thăm quê hương thì cái tính chất tỵ nạn không còn nữa. Và việc đó phung hại như thế nào đối với cuộc tranh đấu cho tự do của xứ sở, thế nào cho sự liêm khiết của lương tâm của chính họ. Nếu tất cả những người này không quan tâm đến chuyện đó, thì họ cứ việc đi về, mình có viết báo bảo "*đừng về*" bao nhiêu, cũng vô nghĩa. Đối với những người đó, tất cả vấn đề là dân trí, vấn đề lương tâm, tự hào trong cái nội tâm của mình. Còn bây giờ mình viết báo mình phát ở ngoài phố, ai muốn lượm thì lượm, mình không biết là tờ báo mình viết đúng hay sai, thì chính người viết giữ được ngòi bút của mình, viết đúng được điều mình muốn viết, là cả một vấn đề. Bởi vì người đọc không cộng tác với người viết trong vấn đề đó. Mà làm thế nào sửa thì khó lắm.

(*Nguồn: Đối Thoại*)

(*Nxb Văn Nghệ, 2001*)

## Cõi thơ

Trí nhớ của tôi trong những ngày tháng này mơ hồ kinh khủng. Hồi đó, hồi dậy tâm lý học ở Saigon, tôi vẫn nói với những thanh niên nam nữ theo học, là có hai loại bệnh quên. Có những người quên những kỷ niệm gần, nhưng lại nhớ rất rõ ràng những kỷ niệm thật xa xưa. Những người lớn tuổi quên ngay những sự việc mới xảy ra ngày hôm qua, nhưng nhớ rõ từng chi tiết về những ngày thơ ấu. Loại người bị bệnh quên thứ nhì, ngược lại, hoài niệm bị xóa mờ, chỉ nhớ những gì mới xảy ra.

Với tôi, bệnh quên xảy ra có ngày. Không thể nói dứt khoát ngày nắng hay ngày mưa, cuối mùa thu hay đầu mùa hạ. Có năm ngày mưa thì trí nhớ tôi tốt, những ngày mùa xuân mùa hạ, trí nhớ tôi rất được, khi thu sang, trời lạnh, trí nhớ mơ hồ. Thời điểm này, trời nắng ấm, sao trí nhớ tôi cũng bỗng nhiên mơ hồ quá? Tôi muốn tìm lại những hoài niệm về Hoàng Thụy Châu, tôi tìm hoài không được. Tôi nhớ Hoàng Thụy Châu nay là Hoàng Dược Thảo, hồi đó là Huỳnh Laure Brigitte, hồi chưa lấy Du Tử Lê, tới nay tôi vẫn quen gọi là "cô Châu." Tôi nhớ vậy đó, nhưng muốn tìm lại những hoài niệm hình ảnh, những hoài niệm của thị giác, muốn nhớ lại kiểu

tóc Châu ngày đi học, màu áo của Châu ngày Châu và Lê tới tôi, sau lễ hôn nhân, tôi tìm hoài không được. Tôi sử dụng đủ thứ kỹ thuật gọi là kỹ thuật khêu gợi hoài niệm, từ những hoài niệm nổi lên tới hoài niệm chìm, từ những hoài niệm trong cùng một vùng thời gian tìm ra những hoài niệm muốn tìm thấy, từ những hoài niệm thính giác và khứu giác, rất mạnh nơi tôi, lần ra những hoài niệm thị giác và vị giác tôi yếu kém, vô ích. Hình ảnh Thụy Châu với Tay Trái, Tay Phải, hình ảnh tươi vui, rạng rỡ, hình ảnh Thụy Châu quay cuồng trong những buồn phiền, tưởng như những cơn điên, hình ảnh Thụy Châu ân cần, thân ái pha lẫn chút luyến nhớ xót xa một thời đã qua, những hình ảnh có cấp độ cao hơn làm thành những bức tường thành thật dày ngăn cản tuyệt đối tôi và Thụy Châu thời Huỳnh Laure Brigitte.

Hoài niệm về Du Tử Lê cũng là những kỷ niệm rời. Cách đây hai tháng, Nguyễn Mạnh Trinh gửi cho tôi một tờ Văn Học, trong đó có một bài về cuộc thi văn chương toàn quốc kỳ đó tôi có tham dự với tư cách giám khảo. Bài báo thật tuyệt vời, đánh thức dậy trong tôi những kỷ niệm mất hút, tưởng như vính viễn tới mức không còn một nghi ngờ nào về hiện hữu của những sự việc đó. Tôi nhớ chầm chầm thời kỳ đó, có Vũ hoàng Chương chủ tịch, có Thanh Tâm Tuyền, đọc bài báo tôi mới nhớ lại được rõ ràng những kỷ niệm về chị Mộng Tuyết, anh Hà Thượng Nhân. Tôi nhớ chiếc Vespa của Du Tử Lê ở Saigon, bộ quân phục. Tôi nhớ tôi có cảm nghĩ nhưng không nhớ rõ vào thời điểm nào, đúng thế, tôi nhớ tôi có cảm tưởng Du Tử Lê mặc quân phục trông rất có nét. Tôi nhớ chiếc áo lính Thủy Quân Lục Chiến Mỹ của Du Tử Lê bay lồng lộng trong gió trên đồi Trại Một của Pendleton. Lê đứng đó, trong đêm, trong sương mù, những ánh đèn của những ngọn pha xe nhà binh lại gần rồi chìm xuống, như những chiếc phao mất khuất trong biển đêm, Lê đứng đó với Nguyễn Thừa Dzu, Trần Tam Tiệp, Trương Trọng Trác, Nguyễn Sa.

Tôi hoàn toàn không còn nhớ chúng tôi đã trò chuyện với nhau những gì những buổi chiều Pendleton, những buổi trưa, Du Tử Lê tới tôi ở Saigon, những ngày vui khai trương Tay Trái, những buổi tới Lê rất “Em Xi” ở Lup. Lê giới thiệu Cao Đông Khánh ngâm “Trường Sa Hành,” giới thiệu Mai Thảo nói mấy lời mở đầu chương trình, giới thiệu Trần Duy Đức hát sáng tác mới nhất của Đức, giới thiệu Lê Uyên ca “Chiều Trên Phá Tám Giang.” Tôi nhớ, thỉnh thoảng có đêm ngồi với Lê thật lâu, thật riêng ở đó, ở Lup, chúng tôi đã nói với nhau về thật nhiều chuyện, có cả những kỷ niệm về dĩ vãng, những buồn phiền về cuộc sống mười phần chẳng như, về những dự án tương lai. Nhưng dĩ vãng nào đã réo gọi, buồn phiền nào đã làm thành ngậm ngùi, tương lai nào thoáng hiện trong đáy cốc, tôi không thể nhớ được. Cũng may, thơ Du Tử Lê giúp tôi tìm lại được thật nhiều mát mát.



Từ trái qua: Trương Trọng Trác, Trần Tam Tiệp, Nguyễn Sa, Du Tử Lê 1975 tại trại tị nạn Camp Pendleton

*cảm ơn  
cảm ơn Pendleton  
đã cho ta những buổi sáng đầy sương mù  
như đôi mắt của người con gái yêu ta còn ở Saigon...*

Phải rồi, đôi mắt Thụy Châu có sương mù, có nụ cười ở tuốt phía sau màn sương mù đó. Chỉ khi màn sương mù đó được xé rách toang mới nhìn thấy được hồn nhiên, ân cần, lưu luyến của nụ cười tìm thấy.

*cảm ơn  
cảm ơn Pendleton  
đã cho ta những chiếc quần áo  
rộng như những chiếc bao bố  
những chiếc áo đôi khi mặc vào khỏi cần quần nữa  
hay những chiếc quần đôi khi mặc vào khỏi cần mặc áo  
tuy nhiên  
ta vẫn hân hoan và sủng ái đi lại  
có sao đâu  
bởi với ta bây giờ chẳng còn chi quan trọng.*

Phải rồi, áo lính Thủy Quân Lục Chiến phát ở Pendleton rộng thật. Trước Pendleton là đảo Guam, là trại Asan. Là những chuyến xe bus quân đội đưa người mới từ phi trường Guam về trại. Là chiếc máy phát thanh để kể bên người quân nhân Marine lái xe phóng lớn bản tin Đại Tướng Dương Văn Minh đã hạ lệnh cho toàn thể quân nhân buông súng. Những tiếng động cơ, tiếng máy phát thanh, tiếng khóc thút thít. Đến khi tiếng động cơ đã bỏ đi, tiếng máy phát thanh đã tắt hẳn, tiếng khóc tức tưởi không thể giữ được trong cổ họng vẫn bật vỡ ra. Trong nhà ăn. Dưới chiếc mền trùm kín đầu trên nền xi măng. Dưới góc dựa trông ra biển, quay mặt về phía đông.

*cảm ơn  
cảm ơn Pendleton  
đã cho ta những bữa cơm ngao ngán*

*.....  
đã cho ta những buổi chiều rét ngọt  
những buổi chiều ta thấy hồn ta trên những đỉnh núi  
vây quanh  
và tưởng có thể nhìn xa bốn phía  
mặc dù ta chẳng nhìn thấy chi  
ngoài chính chiếc bóng ta  
và nghe được tiếng giấy mòn  
khuìa trên đường về chỗ nằm hiu quạnh.*

Tôi nhớ cái rét đó. Du Tử Lê gọi là rét ngọt. Tôi thấy kinh hoàng. Rét ở trên núi, trong lều vài hồ lung tung, chăn càng đắp càng thấy nặng, không thấy ấm. Nhưng “những đỉnh núi vây quanh” hồi đó thì buồn thật. Nhìn ra, nhìn lên bốn bề chỉ thấy núi. Nhưng này Lê, bây giờ, sao cũng có những buổi chiều vẫn chỉ thấy hồn ta trên những đỉnh núi vây quanh, và tưởng có thể nhìn xa bốn phía, mặc dù ta chẳng nhìn thấy chi, ngoài chính chiếc bóng ta, và nghe được tiếng giấy mòn, khuìa trên đường về chỗ nằm hiu quạnh...

Hồi đó, những ngày tháng ở Paris với Đỗ Long Vân, với Hoàng Anh Tuấn, với Lê Trạch Lưu, Lê Trọng Việt, Trần Đình Hòa, Đỗ Hữu Khải, tôi nghĩ muốn hiểu được thấu đáo tác phẩm, nhất là tác phẩm của một nhà thơ, cần tìm hiểu thật kỹ lưỡng cuộc đời tác giả. Những dấu mốc ngày tháng, những biến đổi của sự sống là hải đăng chiếu xuống biển tác phẩm. Cả bọn ngồi ở

Flores, ở Aux Deux Magots, ở Julien, ở thư viện Saint Genevière đi thẳng vào những ngày tháng kháng chiến của Paul Eluard để hiểu thật rõ Liberté, đi tuốt tới những vùng trời mưa gió ở Brest cùng với Barbara của Prevert, đến tận ngôi mộ Vercos để lắng nghe “Niềm Im Lặng Của Biển Cả.”

Bây giờ thì tôi thấy sự việc không đơn giản như thế. Cũng có thể cuộc đời soi sáng cho tác phẩm, nhưng có thể chính tác phẩm mới cho thấy cuộc đời. Nhất là khi trí nhớ bỏ đi, cuộc đời đã bắt đầu bỏ đi, cuộc khởi hành lớn đã mơ hồ phía trước.

*ngủ đi. Ngủ với biển trời  
ngủ mười năm nữa hay ngồi dậy chơi  
ngủ đi. Ngủ chớ ngậm ngủi  
trái tim ta nát ba đời bởi em  
ngủ đi. Tóc rụng chân thềm  
tháng năm quên lãng. Buông rèm lia xa  
ngủ đi. Ta đã mù kìa  
không trông thấy ảnh. Không sờ thấy đau  
không cha mẹ. Không cửa nhà  
Không con. Không vợ. Không chờ. Không mong  
ngủ đi. Ủ giữ trong lòng  
tuổi tên ta đã một lần ở em  
nhận giùm ta lấy cuối cùng  
trước khi khăn gói về sông nước người.*

Bài thơ có tên là “Chuyết kinh thi.” Tôi không hiểu thật rõ cái tựa này. Nhưng tôi biết bài lục bát tới, một lục bát không Nguyễn Du, không Nguyễn Bính, không Huy Cận. Thế hệ chúng tôi đến với lục bát với câu hỏi lớn “làm sao khác với Nguyễn Du, làm sao khác với Nguyễn Bính, làm sao khác với Huy Cận?” Lục bát Du Tử Lê, như “Chuyết Kinh Thi,” Như “Đêm, Nhớ Trăng Saigòn,” Như “Cõi Tôi,” như những bài lục bát ở Úc Châu làm thành một lục bát khác. Một lục bát Du Tử Lê. Một lục bát khác Huy Cận. Một lục bát vượt Huy Cận. Vượt không có nghĩa là hơn. Thơ không có so sánh. Không có hơn kém. Vượt là khác. Là đẩy thơ đi tới. Là làm thơ thành thơ. Chuyết Kinh Thi cũng như hàng chục bài U, những bài Bồ Tát, những Lãm Ca, những tôn thờ Thánh Nữ cho tôi thấy rõ hơn năm năm ở Lup, những ngày tháng với Lê Uyên.

Đúng thế, chính thơ đó cho tôi thấy rõ hơn cuộc đời người bạn, những chuyến đi qua sa mạc, những ngày tan tác trở về, những đêm dần vật, những tháng khắc khoải, những trời diên mê. Thơ cho tôi gặp cả những người bạn của bạn tôi. Những Bành Nho, những Đào Quý Châu, Những Từ Công Phụng, những Kiểm, những Tư Cốc, những Minh Dê, Hồng Trố. Thơ đưa tôi tới Melbourne, tóc Thúy, đêm nghe tây ban cầm với Quỳnh. Năm chữ đầy ấp Thụy Châu. Lục bát có Saigòn. Bảy chữ đưa tôi tới Khánh Trường, tới Vũ Huy Quang. Lục bát, bảy chữ, tám chữ, năm chữ tuyệt vời đưa tới tôi đủ thứ. Tới dĩ vãng Lê. Tới núi non. Tới biển khơi. Tới sa mạc. Tới cơn diên không dứt, tới dần vật khôn cùng. Tới cả những kỷ niệm chưa gặp, những tương lai mà sao nằm trong ký ức. Tôi thấy cả tôi:

*khi tôi chết hãy đem tôi ra biển  
đời lưu vong không cả một ngôi mộ  
vùi đất lạ thịt xương e khó rã  
hồn không đi sao trở lại quê nhà...*

Tôi sửng sốt nhìn lại. Tôi ngạc nhiên hơn là ngạc nhiên. Tôi nhận ra Du Tử Lê là nhà thơ tôi có cơ may gặp gỡ nhiều nhất. Có những năm tôi gặp gỡ Vũ Hoàng Chương nhiều. Thời Hiện Đại gặp Đinh Hùng, Thái Thủy, Thanh Nam gần như mỗi ngày. Những ngày tháng báo Sống trang nhất của hoài niệm là tám cột Trần Dạ Từ. Có bằng hữu tôi có cơ may gặp gỡ thời những ngày



tháng thập niên năm mươi lúc ở Pháp mới về. Có bằng hữu thật gần gũi những ngày chiến tranh rực lửa. Nguyễn Quốc Thái, Diễm Châu.

Sau đó, xa cách. Tổ quốc trôi xa. Tuấn và Vân, thời tuổi trẻ. Nhưng Du Tử Lê thì tôi có cơ may gặp hơn một thời kỳ. Những năm năm mươi, nhà thơ còn đi dạy học, mới bước vào cuộc đời văn nghệ, bị đánh đắm tơi bời, Du Tử Lê đã tìm đến tôi. Những năm sáu mươi và bảy mươi, ngôi nhà ở đường Phan Thanh Giản thường hằng là nơi chúng tôi gặp nhau. Du Tử Lê là nhà xuất bản in thơ Nguyễn Sa. Trại Pendleton đầu kiếp lưu vong chúng tôi đứng bên nhau. Tôi ngạc nhiên nhận ra chúng tôi gặp nhau lâu ghê, gặp nhau thật nhiều. Tôi càng ngạc nhiên, thích thú, người bạn thơ tôi có cơ may gặp gỡ nhiều vẫn tiếp tục làm thơ, vẫn cùng tôi rời bỏ tất cả. Trừ thơ. Thơ Lê dài hơi. Đa diện. Lục bát ra lục bát. Tám chữ ra tám chữ. Thất ngôn chất ngất những cơn say, những cơn điên, những bài hành. Năm chữ từ “Kẻ Từ Phương Đông Qua,” có chuyện kể đúng phong vị năm chữ. Tôi thích lắm những tám chữ dài và những tám chữ ngắn của Du Tử Lê. Dài như “Khi Tôi Chết Hãy Đem Tôi Ra Biển.” Như “Bài Nắng Mưa Thứ Nhất.” Ngắn như loạt đoản thi “Tam Thập Nhất,” bốn câu, ba câu tám chữ, một câu bảy, tám chữ đoản thi “Ở Chỗ Nhân Gian Không Thở Hiểu.”  
Như “Ngựa Đã Tan Đàn”:

*này trí nhớ đậu trên cành ký ức  
tháng sáu về yên lặng bước chân quên  
tình yêu cũng đậu trên cành gian dối  
ở trong tôi, ôi ngựa đã tan đàn...*

Như “Thơ Ở Đào Quý Châu”:

*không ai chết hai lần tôi cũng thế  
riêng mỗi sáu cư ngụ tới muôn năm  
đời vốn ngắn dù bàn tay sáu ngón  
tôi sống thừa từng phút héo ăn năn.*

Như “Còn Ai Nhìn Tôi Nhỏ Máu Trong Thơ”:

*ôi chữ nghĩa trở về như khách lạ  
vàng trắng xưa không có ngọn cờ  
ngày em bỏ tôi, vào cõi khác  
lấy ai nhìn tôi nhỏ máu trong thơ!*

Như “Đáy Khuya”:

*tôi trở lại đáy khuya ngồi với bóng  
những chiếc bàn trật khác nổi cô đơn  
em nên biết cuộc đời tôi đã hết  
có thương nhau lo hộ nhúm xương tàn.*

Như “Thơ Ở Saigòn”:

*sông núi cũ rử tôi về với đất  
bốn mươi năm ngo ngác làm người  
trên thân xác đã mọc đầy móng vuốt  
thì có gì sai đúng với ai đây?*

Đúng thế. Có gì sai đúng với ai đây? Du Tử Lê đã tìm ra nó. Đã tìm ra nó ở bên ngoài những phán xét của nhân gian, bên ngoài luân lý, vô luân lý và cả phi luân lý. Đã tìm ra nó. Sự sống. Cũng như anh đã tìm ra trái tim cho thơ. Cho lục bát, cho bảy chữ, cho năm chữ, cho tám chữ. Thơ vượt băng lên. Vượt qua bình nguyên mô tả. Vút qua ngọn đồi so sánh. Trên những ngọn tạo hình. Vút luôn lên tới đó, tới chỗ chót vót nơi chữ không còn là chữ, không còn là dấu chỉ, chữ trở thành bắp thịt, thành hơi thở, thành tuần hoàn, thành hô hấp, thành cuộc đời, thành

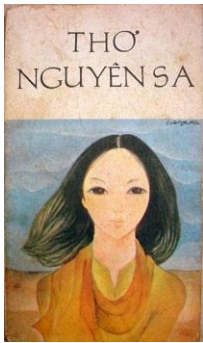
sự vật. Nơi đó, những chiếc bàn trật khắc nổi cô đơn, bàn không phải là bàn, trật khắc không phải là trật khắc. Mỗi chữ phóng ra không còn là những con đường đưa tới ngoại giới mà trở thành thế giới. Du Tử Lê bằng những cố công, những kiên nhẫn, những chịu đựng, những thao thức, những dằn vặt suốt một đời người, đã tìm ra con đường kỳ lạ đó của thơ. Con đường đưa tới Cõi Thơ. Cõi Thơ, chỗ tới thần thánh của thơ ngàn đời. Cõi Thơ, chỗ không để gì ai tới, không để gì ai thấy.

(Trích "Du Tử Lê, Tác giả và Tác phẩm," tập I, Tạp chí Đời xuất bản, 1992, California, USA.)  
(\* ) Theo bản gốc, khi ra khỏi bài viết, tác giả không ký "Nguyễn Sa," mà ký "Nguyễn S." Sắp chữ lại, chúng tôi tôn trọng.

\*\*\*

**Phụ đính:**

### Chùm thơ Nguyễn Sa I



#### Áo lụa Hà Đông

Nắng Sài Gòn anh đi mà chợt mát  
Bởi vì em mặc áo lụa Hà Đông  
Anh vẫn yêu màu áo ấy vô cùng  
Thơ của anh vẫn còn nguyên lụa trắng

Anh vẫn nhớ em ngồi đây, tóc ngắn  
Mà mùa thu dài lắm ở chung quanh  
Linh hồn anh vội vã vẽ chân dung  
Bày vội vã vào trong hồn mở cửa

Gặp một bữa anh đã mừng một bữa  
Gặp hai hôm thành nhị hỉ của tâm hồn  
Thơ học trò anh chất lại thành non  
Và đôi mắt ngất ngây thành chất rượu

Em không nói đã nghe từng giai điệu  
Em chưa nhìn mà đã động trời xanh  
Anh đã trông lên bằng đôi mắt chung tình  
Vớ tay trắng em vào thơ điểm tuyệt

Em chợt đến, chợt đi, anh vẫn biết

Trời chợt mưa, chợt nắng chẳng vì đâu  
Nhưng sao đi mà không bảo gì nhau  
Để anh gọi, tiếng thơ buồn vọng lại

Để anh giận mắt anh nhìn vụng dại  
Giận thơ anh đã nói chẳng nên lời  
Em đi rồi, sám hối chạy trên môi  
Nhưng ngày tháng trên vai buồn bỗng nặng

Em ở đâu hồi mùa thu tóc ngắn  
Giữ hộ anh màu áo lụa Hà Đông  
Anh vẫn yêu màu áo ấy vô cùng  
Giữ hộ anh bài thơ tình lụa trắng.

### **Bây giờ**

Tặng Thái Thủy

Thế kỷ chúng tôi trót buồn trong mắt  
Dăm bảy nụ cười không đủ xóa ưu tư  
Tay quờ quạng cầm tay vài tiếng hát  
Lúc xòe ra chẳng có một âm thừa

Cửa địa ngục ở hai bên lồng ngực  
Phải vác theo trăm tuổi đường dài  
Nên có gửi cho ai vài giọng nói  
Cũng nghe buồn da diết chạy trên môi

Hai mắt rỗng phải che bằng khói thuốc  
Chúng tôi nằm run sợ cả chiêm bao  
Mỗi buổi sáng mặt trời làm sấm sét  
Nên nhìn đêm mở cửa chẳng đi vào

Năm ngón tay có bốn mùa trái đất  
Chúng tôi cảm rơi mất một mùa xuân  
Cát tiếng đòi to. Tiếng đòi rơi rụng  
Những âm thanh làm sẹ ở trong hồn

Chúng tôi trót ngẩng đầu nhìn trước mặt  
Trán mênh mông va chạm cửa chân trời  
Ngoảnh mặt lại đột nhiên thơ màu nhiệm  
Tiếng hát buồn đè xuống nặng đôi vai.

### **Mời**

Tôi trân trọng mời em dự chuyến tàu tình ái.  
Trong một phút, một giây cuộc hành trình sẽ mở. Tôi mời em. Trân trọng mời em cùng đi, cùng khai mạc cuộc đời.

Tôi mời em vứt bỏ lại đằng sau những kinh thành buồn bã với phong tục, thói lễ, bạc vàng giả dối: muốn làm người yêu thì phải đổ tú tài.

Tôi mời em đi ngay. Không cần lấy vé. Không phải đợi chờ vì điều kiện du hành là những ngón tay lồng vào nhau và tâm hồn đừng đơn chiếc.

Còn nếu cần thì tôi sẽ làm người bán vé. Nhưng tôi sẽ không quên làm người đồng hành duy nhất để đưa em đi. Và tôi sẽ làm người lái tàu để không ai được dự phần vào câu chuyện đời ta.

Vé có thể là những lá thư xanh. Tàu là gian nhà rất nhỏ. Nhưng mỗi ga chắc chắn sẽ là những chiếc hôn nồng cháy cuộc đời.

Tôi mời em đi ngay. Em có thể đến đây với đôi giày gót cao để tôi tưởng mình em vóc hạc. Nhưng nếu em vội vã thì em cứ đi chân không. Tôi sẽ bọc mười đầu ngón chân với tất cả linh hồn say đắm yêu em.

Em có thể tôi môi son rất đỏ như khi đi dự một dạ yến tưng bừng. Em có thể để phấn hồng trên má, trên áo màu những vòng kim tuyến kết hoa đăng.

Nhưng nếu vội vàng mà em để vành môi tái nhợt, mớ tóc bù tung, thì có hại gì đâu em? Cuộc hành trình sẽ khởi về đêm khuya. Tôi không nhìn thấy má hồng non vì còn mãi mê với tất cả em tràn đầy trong đáy mắt.

Tôi cũng rất vội vàng. Hành lý chỉ mang theo một vòng tay để ôm em, đôi mắt say sưa để thì thầm nói chuyện và đôi môi để kết hoa đám cưới trên vàng trán dịu hiền.

Em đi ngay đi.

Để tất cả gò má em áp trên bàn tay tôi xóa hết những đường chỉ tay gian khổ.

Em đến ngay đi.

Em đến ngay cho cuộc hành trình được mở.

Gió được nổi lên từ mớ tóc phiêu bồng, thuyền dong thả từ đường môi óng ả. Và ngực căng buồm, mắt trông tìm vội vã:

Tôi đi vào kiêu diễm của thân em.

### **Đám tang Nguyễn Duy Diễn**

Diễn đã chết, Diễn đã chết  
Chúng tôi nhảy múa hò reo  
Như người người da đen  
Chúng tôi nhảy múa hò reo  
Thế là nó thoát, thế là nó thoát  
Thế là nó thoát, đúng rồi, thế là nó thoát  
Thoát khỏi ngủ, thoát khỏi ăn, khỏi thở  
Khỏi đêm, khỏi ngày, khỏi tháng, khỏi năm  
Khỏi chờ, khỏi đợi

Khỏi nhìn tình ái đội nón ra đi  
Khỏi hy vọng ban mai, khỏi buồn thiu buổi tối  
Thế là nó thoát, thế là nó thoát  
Khỏi phải đi, khỏi phải đứng, khỏi phải ngồi  
Khỏi bốn mươi giờ dạy học mỗi tuần  
Khỏi viết ban đêm, khỏi đến nhà in buổi sáng  
Hào quang danh vọng thả trôi sông, này nhìn vai nó nhẹ  
Chiếc lưới mở rồi, thế là nó thoát anh em ơi...  
Chiếc lưới mở rồi, thế là nó thoát  
Khỏi phải nhìn, khỏi phải nghe, khỏi phải thấy  
Những sự dơ bẩn và mặc,  
Và mặc  
Những thằng ghen tuông, những thằng chụp mũ  
Những thằng ăn không nói có  
Đã chém toàn quốc nát bầm hai vai  
Thế là nó thoát, thế là nó thoát  
Cuồng lưu dân vật đã trôi đi  
Khỏi phải nghĩ, khỏi lo âu, sợ hãi  
Sự thật có phải bao giờ cũng tối như đêm  
Tình ái có phải suốt đời là canh bạc lận  
Lịch sử, rút lại, có phải là thằng mù sờ soạng  
Ném tất cả rồi, ném xuống biển sâu  
Này nhìn hai vai nó nhẹ  
Chiếc lưới đã mở rồi  
Thế là nó thoát anh em ơi...

### **Paris có gì lạ không em?**

Paris có gì lạ không em?  
Mai anh về em có còn ngoan  
Mùa xuân hoa lá vương đầy ngõ  
Em có tìm anh trong cánh chim  
Paris có gì lạ không em?  
Mai anh về giữa bên sông Seine  
Anh về giữa một giòng sông trắng  
Là áo sương mù hay áo em ?

Em có đứng ở bên bờ sông ?  
Làm ơn che khuất nửa vầng trăng  
Anh về có nương theo giòng nước  
Anh sẽ tìm em trong bóng trăng

Anh sẽ thở trong hơi sương khuya  
Mỗi lần tan một chút sương sa  
Bao giờ sáng một trời sao sáng  
Là mắt em nhìn trong gió đưa ...

Anh sẽ cầm lấy đôi bàn tay  
Tóc em anh sẽ gọi là mây  
Ngày sau hai đứa mình xa cách

Anh vẫn được nhìn mây trắng bay

Anh sẽ chép thơ trên thời gian  
Lời thơ toàn những chuyện hờn ghen  
Vi em hay một vùng trăng sáng  
Đã đắm trong lòng cặp mắt em ?

Anh sẽ đàn những phím tơ trùng  
Anh đàn mà chả có thanh âm  
Chỉ nghe gió thoảng niềm thương nhớ  
Để lúc xa vời đỡ nhớ nhung

Paris có gì lạ không em ?  
Mai anh về mắt vẫn lánh đen  
Vẫn hỏi lòng mình là hương cốm  
Chả biết tay ai làm lá sen ?.

## Chùm thơ Nguyễn Sa II

### Nga

Hôm nay Nga buồn như con chó ốm  
Như con mèo ngái ngủ trên tay anh  
Đôi mắt cá ươn như sắp sửa se mình  
Để anh giận sao anh chả là nước biển.

Tại sao, Nga ơi, tại sao ...  
Đôi mắt em ghen như sát từng làn vỏ hén  
Hơi thở trùng như sợi chỉ không căng  
Bước chân không đều như chiếc thước kẻ ai làm cong  
Ai dám để ở ngoài mưa ngoài nắng!



Nói cho anh đi, Nga ơi ...  
(em làm ơn chóng chóng)  
Lại bên anh đi - bằng một lối rẽ thật gần  
Bằng một lối gần hơn con đường cong  
Bằng một lối gần hơn con đường thẳng

Bằng đôi má hồng non, bằng mắt nhìn trinh trắng  
Bằng những lời yêu mến tan trên đôi môi ...

Và cười đi em ơi,  
Cười như sáng hôm qua,  
Như sáng hôm kia ...  
Cười đi em,  
Cười như những chiều đi học về  
Em đổ anh Paris có bao nhiêu đèn xanh đèn đỏ  
Mỗi ngày bao nhiêu lần anh hôn em? ...

Cười đi em,  
Cười thật nhiều đi em ...  
Rồi đổ anh  
Cho anh không kịp đếm  
Cho anh tan trong niềm vui  
Cho bao nhiêu ngọn đèn xanh đèn đỏ thi nhau cười  
Vì hai bàn tay chúng mình sát lại  
(tay anh và tay em)  
Nhớ hai dây phố chạm vào nhau  
Hai dây phố chúng mình vẫn đi về  
Em nhớ không? ...

Em nhớ không? Đã có một lần anh van em  
Đã có một lần lâu hơn cả ngày xưa  
Em sợ thời gian buồn như một nhúm từng câu thơ  
Em sợ thời gian ác như lửa thiêu từng thanh củi  
Mắt e ngại như từng con chỉ rối  
Em sợ những ngày trời nắng như hôm nay  
Em sợ những đường tàu vướng vẹo như chỉ tay  
Không dám chọn lấy một ga hò hẹn  
Em nhớ không? Anh đã van em  
(và anh còn van em như ngày xưa ...)  
Em đừng buồn như những chiếc lá tre khô  
Em đừng buồn như những nóc nhà thờ không có tuổi  
Anh van em đừng nhìn anh và đừng cười gượng gạo  
Em đừng cười như ngọn bắc gần hao  
Những nụ cười vướng trên đôi gò má xanh xao  
Những nụ cười vướng trên mắt nhìn trắng đục  
Đừng để anh nhìn em rồi nghẹn ngào chớp mắt  
Như hai vì sao le lói trong đêm sương mù  
Đừng để thời gian dày như trăm vạn lớp chấn song thưa  
Về xen giữa hai bàn tay sầu tủi! ...

Em nhớ không, anh đã van em đừng buồn  
Anh đã van em đừng để những nụ cười chấp nối  
Mắt anh sẽ mờ vì những vết kim khâu  
Và anh buồn, rồi lấy ai mà dỗ nhau  
Lấy ai mà dỗ hai con chó ốm! ...

Em nhớ không cả một hôm trời mưa

Một hôm trời mưa tẩm tức  
Một hôm trời mưa không ướt cánh chuồn chuồn  
Những hạt mưa không đan thành mắt áo len  
Những hạt mưa không làm phai màu nước mắt  
Em đã khóc, anh đã khóc, và chúng mình đã khóc  
Bước chân lê trên những hè phố không quen  
Chúng mình đã khóc vì không được gần nhau như hai con chim  
Chúng mình đã khóc vì không có tiền làm lễ cưới lễ xin  
Và em nhớ không, chúng mình đã hỏi nhau:  
Tại sao phải làm lễ tơ hồng?  
Tại sao phải nhờ người ta buộc chỉ vào chân?  
Khi tay em đã vòng ra đằng sau lưng anh  
Khi tay anh đã vòng ra đằng sau lưng em  
Người ta làm thế nào cắt được  
Bốn bàn tay chim khuyên! ...

Người ta làm thế nào cấm được chúng mình yêu nhau  
Nếu anh không có tiền mua nhẫn đeo tay  
Anh sẽ hôn đền em  
Và anh bảo em soi gương  
Nhìn vết môi anh trên má  
Môi anh tròn lấm cơ  
Tròn hơn cả chữ O  
Tròn hơn cả chiếc nhẫn  
Tròn hơn cả hai chiếc nhẫn đeo tay! ...

Chúng mình lấy nhau  
Cần gì phải ai hỏi ...  
Cả anh cũng không cần phải hỏi anh  
"Có bằng lòng lấy em?..."  
Vì anh đã trả lời anh  
Cũng như em trả lời em  
Và cũng nghẹn ngào nước mắt! ...

Và em sẽ cười phải không em  
Em sẽ không buồn như một con chó ốm  
Như con mèo ngái ngủ trên tay anh  
Đôi mắt cá ươn như sắp sửa se mình  
Để anh giận sao chả là nước biển! ...

Em sẽ cười phải không em  
Vì không ai cấm được chúng mình yêu nhau! ...  
Không ai cấm được anh làm những câu thơ anh thích  
Không ai cấm được anh làm cả bài thơ  
Vớ một chữ N  
Vớ một chữ G  
Và vớ một chữ A  
Người ta có thể đọc một câu, hai câu, hay cả ba  
Người ta có thể không thích  
(thì người ta không thích một mình)  
Nhưng người ta không cấm được anh yêu bài thơ của anh.



## **Cần thiết**

Không có anh lấy ai đưa em đi học về ?  
Lấy ai viết thư cho em mang vào lớp học?  
Ai lau mắt cho em ngồi khóc?  
Ai đưa em đi chơi trong chiều mưa ?  
Nhưng lúc em cười trong đêm khuya,  
Lấy ai nhìn những đường răng em trắng?  
Đôi mắt sáng là hành tinh lóng lánh  
Lúc sương mù ai thở để sương tan  
Ai cầm tay cho đỏ má hồng em  
Ai thở nhẹ cho mây vào trong tóc ...

Không có anh nhớ một mai em khóc  
Ánh thu buồn trong mắt sẽ hao đi  
Tóc sẽ dài thêm mớ tóc buồn thơ  
Không có anh thì ai ve vuốt?

Không có anh lấy ai cười trong mắt  
Ai ngồi nghe em nói chuyện thu phong  
Ai cầm tay mà dặt mùa xuân  
Nghe đường máu run từng cảnh lộc biếc?

Không có anh nhớ ngày mai em chết  
Thượng đế hỏi anh sao tóc em buồn  
Sao tay gầy sao đôi mắt héo hon  
Anh sẽ phải cúi đầu đi vào địa ngục ...

## **Tháng sáu rười rượi**

Tháng sáu trời mưa, trời mưa không ngớt  
Trời không mưa anh cứ lạy trời mưa  
Anh lạy trời mưa phong toả đường về  
Và đêm ơi xin cứ dài vô tận

Đôi mắt em anh xin đừng lo ngại  
Mười ngón tay đừng tà áo mân mê  
Đừng hỏi anh rằng: có phải đêm đã khuya  
Sao lại sợ đêm khuya, sao lại e trời sáng...

Hãy dựa tóc vào vai cho thuyền ghé bến  
Hãy nhìn nhau mà sưởi ấm trời mưa  
Hãy gọi cho nhau từng hơi thở mùa thu  
Có gió heo may và nắng vàng rất nhẹ

Và hãy nói năng những lời vô nghĩa  
Hãy cười bằng mắt, ngủ bằng vai  
Hãy để môi rót rượu vào môi

Hãy cầm tay bằng ngón tay bấn loạn

Gió có lạnh hãy cầm tay cho chặt  
Đêm có khuya em hãy ngủ cho ngoan  
Hãy biến cuộc đời bằng những tối tân hôn  
Nếu em sợ thời gian dài vô tận

Tháng sáu trời mưa, em có nghe mưa xuống  
Trời không mưa em có lạ trời mưa ?  
Anh vẫn xin mưa phong toả đường về  
Anh vẫn cầu mưa mặc dầu mây âm đạm

Da em trắng anh chẳng cần ánh sáng  
Tóc em mềm anh chẳng thiết mùa xuân  
Trên cuộc đời sẽ chẳng có giai nhân  
Vì anh gọi tên em là nhan sắc

Anh sẽ vuốt tóc em cho đêm khuya tròn giấc  
Anh sẽ nâng tay em cho ngọc sát vào môi  
Anh sẽ nói thầm như gió thoảng trên vai  
Anh sẽ nhớ suốt đời mưa tháng sáu

### **Tuổi mười ba**

Trời hôm nay mưa nhiều hay rất nắng ?  
Mưa tôi chả về bong bóng vỡ đây tay  
Trời nắng ngạt ngào... tôi ở lại đây  
Như một buổi hiên nhà nàng dịu sáng

Trời hôm ấy mười lăm hay mười tám ?  
Tuổi của nàng tôi nhớ chỉ mười ba  
Tôi phải van lơn ngoan nhé, đừng ngờ....  
Tôi phải dỡ như là...tôi đã nhớ

Tôi phải đợi như là tôi đã hẹn  
Phải thẹn thò như sắp cưới hay vừa sêu  
Phải nói vợ vào rất vội: người yêu  
Nếu ai có hỏi thăm: ai thế ?

Tôi nói lâu rồi... nhưng ngập ngừng khe khẽ  
Để giận hờn chim bướm chả dùm tôi  
Nhưng rồi lòng an ủi "nắng chưa phai  
Tình chưa cũ vì tình chưa mới ..."

Má vẫn đỏ, đỏ một màu con gái  
Vớ những lời hiên dịu tuy chua ngoa  
Lòng vẫn ngỡ ngàng: tóc ướp bằng thơ  
Sao hương sắc lên mắt mình tình tứ ?...

Và đôi mắt nhìn tôi ngập ngừng chim sẻ

Đôi mắt nhìn trời nhè nhẹ mây nghiêng  
Tôi biết nói gì? Cả trăm phút đều thiêng  
Hay muốn nói nhưng lòng mình ngượng ngượng

Chân dúi bước và mắt nhìn vương vương  
Nàng đến gần tôi chỉ dám... quay đi,  
Cả những giờ bên lớp học, trường thi  
Tà áo khuất thì thầm: "chưa phải lúc..."

Áo nàng vàng tôi về yêu hoa cúc  
Áo nàng xanh tôi mến lá sân trường.  
Sợ thư tình không đủ nghĩa yêu đương  
Tôi thay mực cho vừa màu áo tím....

Chả có gì...sao lòng mình cũng thẹn  
Đến ngượng ngùng bỏ ngõ: hay là ai ?.....  
Trăm bức thư lót giấy kẻ giòng đôi  
Mà nét chữ còn run (dù rất nhẹ)

Tôi đã viết hay chỉ thắm âu yếm kể  
Tôi đã nhìn hay lặng lẽ say sưa ?  
Nên đêm vui sao cũng chớm buồn thưa  
Và lo sợ khi lòng mừng quá đổi ....

Rồi trách móc: trời không gán cho tay với  
Và cả nàng hư quá, sao mà kiêu ...  
Nên đến trăm lần: "nhất định mình chưa yêu ..."  
Hôm nay nữa ...  
nhưng lòng mình sao lạ quá ...

## **Năm ngón tay**

Năm ngón tay  
Trên bàn tay năm ngón  
Cả ngón dài, ngón ngắn  
Có ngón chỉ đường đi  
Có ngón tay đeo nhẫn  
Ngón tay tô môi  
Ngón tay đánh phấn  
Ngón tay chải đầu  
Ngón tay đếm tiền  
Ngón tay lái xe  
Ngón tay thử coóc-xê  
Ngón tay cài khuy áo

Em còn ngón tay nào  
Để giữ lấy tay anh?

## Sân bản

Bia lên ta thấy thân người  
Thấy ta thấy địch thấy đời lãng du  
Thấy tay dư thấy chân thừa  
Thấy tai nghễnh ngãng mắt mù óc không  
Một đời phơ phát hình nhân  
Thấy còn thấy hết sau cùng thấy đau  
Bia lên thấy mẹ u sầu  
Giấy bồi toi tả cú đầu trong ta  
Trời cao ngó xuống thịt da  
Bia lên trông cũng vật vờ cỏ xanh  
Bia lên tìm chỗ ta nằm  
Non cao duỗi cẳng em còn thấy đâu  
Hầm bia buồn đến mộ sâu  
Ngành cây nển thấp trên đầu đạn bay.

## Thư cho bạn ở tù

Bây giờ mày ở trong tù  
Đêm nằm muỗi cắn nhớ nhà không con  
Chúng nó nói chuyện văn chương  
Tao nghe nóng mặt cời quần nhìn sông...  
... Tao đi lính được bốn năm  
mày nghe chuyện lính tưởng rằng tao gân  
tưởng tao trấn thủ lưu đồn  
một tay cò kiếm anh hùng chí cao  
bốn năm thi sĩ nằm khoèo  
rượu say thơ cũng mệt nhòaí tứ chi  
quanh tao vẫn một lũ hề  
những thằng mang điếu vác cò chạy quanh..

## Cắt cái sợi nói dối

Sợi ăn cắp trên đầu  
Sợi vu oan dưới gáy  
Sợi bè phái đâm ngang  
Sợi ghen tuông đứng dọc  
Sợi xích chiến xa, sợi giầy thòng lọng  
Sợi hươu chiến mỏng manh, sợi hận thù buộc chặt  
Sợi nắp trong hầm  
Sợi ngồi trong hố  
Sợi đau xót như giấy dù chẳng mở  
Sợi treo cổ tình yêu, sợi trói tay hy vọng..



Cắt tóc ăn Tết

Cắt cho ta, hãy cắt cho ta  
Cắt cho ta sợi dài  
Cắt cho ta sợi ngắn  
Cắt cái sợi ăn gian  
Cắt cái sợi nói dối  
Sợi ăn cắp trên đầu  
Sợi vu oan dưới gáy  
Sợi bè phái đâm ngang  
Sợi ghen tuông đứng dọc  
Sợi xích chiến xa, sợi dây thòng lọng  
Sợi hươu chiến mỏng manh, sợi hận thù buộc chặt  
Sợi nắp trong hầm  
Sợi ngòi trong hố  
Sợi đầu xốt như dây dù chẳng mở  
Sợi treo cổ tình yêu, sợi trói tay hy vọng  
Cắt cho ta.  
Cắt cho ta, hãy cắt cho ta  
Sợi Hà Nội khóc trong mưa  
Sợi Sài Gòn buồn trong nắng  
Sợi dạy học chán phè  
Sợi làm thơ thiếu não  
Sợi đặc như dùi cui  
Sợi rỗng như khẩu hiệu  
Sợi nhọn như lưỡi lê  
Sợi cứng như dây thép gai  
Sợi dày như hỏa lực  
Cắt cho ta.  
Sợi mệt mỏi sau những tháng ngày hoan hô đả đảo  
Sợi cháy đen như rừng núi Chu-prong  
Sợi thờ dài trong đêm cúp điện tối om  
Sợi sạt vào nhau đánh sập lá cà  
Sợi cắt non sông thành Bắc Nam, thành khu chiến  
Sợi lên thẳng trực thăng  
Sợi xuống ngầm địa hạ  
Sợi đặt chồng  
Sợi gài mìn  
Sợi bóp cò liên thanh  
Sợi kéo xe đại bác  
Sợi xốt xa trên mặt nhăn tuổi trẻ

Sợ trên trán thơ ngây nằm im phục kích  
Cắt cho ta.  
Cắt cho ta, hãy cắt cho ta  
Sợ bạc, sợ vàng, sợ tiền, sợ gạo  
Sợ nhục, sợ lo, sợ đau, sợ chán  
Sợ phân trặc đui mù, sợ đam mê cuồng vọng  
Sợ chảy xuống má cha  
Sợ vắt ngang trán mẹ  
Sợ cắt đứt tim chồng  
Sợ chặt đôi ruột vợ  
Sợ nhỏ nhằng như cuộc đời  
Sợ ngu si như lịch sử  
Sợ đợi những ngón tay đi qua  
Sợ đợi những ngón tay chẳng đến  
Cắt cho ta.  
Hãy cắt cho ta  
Hãy cắt cho ta  
Hãy cắt cho anh  
Hãy cắt cho em  
Hãy cắt cho vợ  
Hãy cắt cho chồng  
Hãy cắt cho con  
Cho buổi tối quạnh hiu, cho mối tình sắp cũ  
Cho đồng bào, cho người thân, người sơ  
Cho ruột thịt  
Cho cả những thằng sa đích phê bình văn nghệ rẻ tiền  
Cho cả những thằng xẻo thịt non sông  
Cho cả những thằng bằm vằm tổ quốc  
Cho chính bản thân ta bơi trong tội lỗi  
Hãy cắt tóc  
Hãy cắt tóc và nhìn  
Mặt quê hương đổi mới

### **Thơ mộ bia Nguyễn Sa**

Như Nguyễn Sa là người di tản buồn, cũng đến lúc phải giã từ vũ khí qua bài được khắc lên trên bia mộ của chính ông:

Nằm chơi ở góc rừng này  
Chưa thiên thu cũng đã đầy cỏ hoang  
Xin em một sợi tóc vàng  
Làm hoa khởi sự cho ngàn kiếp sau  
Biết đâu thảo mộc bớt đau?  
Biết đâu có bản kinh cầu dâng lên?

Dù rằng thi sĩ đã hiểu:

Cuộc đời dẫu có phù vân  
Ở trong mây nổi có phần thiên thu

